

DƯƠNG DIỄN HỒNG

MƯU KẾ NGƯỜI XỬA



 Nhà xuất bản
THANH NIÊN

MƯU KẾ NGƯỜI XƯA

Dương Diên Hồng

Phát hành theo thỏa thuận giữa Công ty Văn hóa Hương Trang và tác giả.
Nghiêm cấm mọi sự sao chép, trích dịch hoặc in lại mà không có sự cho phép
bằng văn bản của chúng tôi.

Kích thước: 13*19 cm

Số trang: 180

Ngày xuất bản: 3-2012

ĐKKHXB số 102/1348/XB-QLXB

TNKHXB số: 209/TN/XBTN

In ấn và phát hành tại Nhà sách Quang Bình 416 Nguyễn Thị Minh Khai, P5,
Q3, TP HCM Việt Nam

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN



Nguồn sách scan: langtu

OCR: tran ngọc anh

Sửa lỗi: tran ngọc anh

Tạo ebook: rito_1522

Ebook này được thực hiện theo dự án “SỐ HÓA SÁCH CŨ” của diễn đàn
TVE-4U.ORG

Ngày hoàn thành: 28/11/2015

MỤC LỤC

[LỜI NÓI ĐẦU](#)

[THẤT THẬP NHỊ HUYỀN MƯU](#)

[TAM THẬP LỤC KẾ](#)

[QUỶ CỐC TỬ - ÔNG TỔ CỦA PHÁI BÌNH GIA MƯU SĨ](#)

Lời nói đầu

Con người không có sức mạnh hơn voi, không lặn sâu bằng cá, không bay cao như chim; nhưng con người khuất phục được voi, bắt được cá, bắn được chim. Đó là do con người có trí. Có trí nên mới có khoa học kỹ thuật. Có trí mới sinh ra mưu kế và con người hơn nhau cũng là do nơi mưu kế.

Ngày xưa, những kẻ bày mưu định kế cho các bậc vua chúa gọi là mưu sĩ. Trong chiến tranh giữa các nước, mưu sĩ bên nào tài giỏi hơn, bên ấy tất sẽ chiến thắng.

Quỷ Cốc Tử^[1] cho rằng những thần mưu diệu kế trong thiên hạ cũng không lấy gì làm khó, vì cũng chỉ toàn là do người ta bố trí sắp xếp, bày đặt ra mà thôi. Chỉ cần không ngừng nghiên cứu thực tiễn thì có thể đạt được mục đích của mình. Người đời có 36 kế, Quỷ Cốc Tử đưa ra 72 phép để phá vỡ 36 kế ấy. Người ta gọi 72 phép đó là “Quỷ Cốc đấu pháp tâm thuật”.

Con người dù có trăm mưu ngàn kế tài giỏi đến đâu cũng không hơn việc vận dụng “Quỷ Cốc đấu pháp tâm thuật” này.

Biên soạn cuốn “Mưu kế người xưa” này, không gì hơn là sưu tầm, giới thiệu cùng bạn đọc 72 mưu lược của Quỷ Cốc Tử, và 36 kế của Trung Hoa, kèm theo với một số dẫn chứng được trích từ các tư liệu cổ.

Ai cũng biết và cũng có mưu kế, sự vận dụng mưu kế cao hay thấp là tùy khả năng mỗi người. Tuy nhiên chúng tôi mong rằng cuốn “Mưu kế người xưa” sẽ đóng góp một phần nhỏ những kinh nghiệm quý giá của người xưa để có thể góp phần vào thắng lợi của các bạn.

Việc sưu tầm, biên soạn, trích dẫn từ các tư liệu cổ luôn là vấn đề không dễ dàng gì, nên việc thiếu sót tất nhiên không sao tránh khỏi, rất mong quý bậc cao minh lượng thứ.

Kính

Dương Diên Hồng

THẤT THẬP NHỊ HUYỀN MƯU

(72 mưu của Quỷ Cốc tiên sinh)

1. Lùi để tiến tới

“Người giỏi dùng binh trong thiên hạ xưa nay tất phải biết lượng định quyền biến, phải biết phân biệt nặng nhẹ, mạnh yếu.”

Những bậc tướng tài sáng suốt thường không ngại việc chủ động rút lui để tránh né khi quân địch mạnh, tạm lùi lại để chờ thời cơ khác thuận lợi hơn cho việc tấn công. Đó là mưu “lùi để tiến tới”.

Trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam chói lọi tấm gương sáng những cuộc kháng chiến chống quân Nguyên xâm lược vào thế kỷ thứ 13, đời nhà Trần. Không chỉ là thể hiện lòng yêu nước, quyết chiến đến cùng, mà quân dân ta trong những cuộc kháng chiến này còn bộc lộ rõ những mưu lược sáng suốt đáng cho đời sau học hỏi. Chủ trương đúng đắn nhất của các nhà chỉ huy quân sự trong các cuộc kháng chiến này chính là chủ trương biết “lùi để tiến tới”.

Tháng 8 năm 1284, đại quân của nhà Nguyên gồm hàng chục vạn quân do Thoát Hoan chỉ huy kéo sang nước ta để thực hiện ý đồ xâm lược đã từng thất bại một lần trước đó.

Chỉ huy quân đội ta lúc bấy giờ là Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Cùng với sự nhất trí của triều đình nhà Trần, ông đã nhanh chóng nhận ra ngay sức mạnh hùng hổ ban đầu của địch quân và thấy rõ sự bất tương phân về lực lượng so với quân ta. Trong trường hợp này, địch mạnh ta yếu, nếu chủ trương quyết tử ngay rõ ràng là một chủ trương đại dột và chắc chắn phải dẫn đến thảm bại.

Vì vậy, Hưng Đạo Vương đã hạ lệnh cho các tướng sĩ phải nghiêm chỉnh chấp hành quân lệnh, vừa đánh vừa lui để bảo tồn lực lượng, không ai được tự ý quyết tử.

Quân ta tự biết sự thua kém về lực lượng của mình nên vừa đánh vừa lui, cuối cùng rút khỏi Thăng Long và lui vào Thanh Hóa. Quân địch ráo riết truy tìm bộ chỉ huy của ta nhưng không kết quả, đành phải rút về đóng ở Thăng Long.

Chủ trương sáng suốt của quân ta còn thể hiện một cách cụ thể trong nội dung chiếu lệnh mà vua Trần cho công bố trước khi rút khỏi Thăng Long. Trong đó ghi rõ: *“Các quận huyện trong nước khi có giặc đến phải cố sức đánh, nếu sức*

không chống nổi thì cho được phép tránh vào rừng núi, không được đầu hàng.”

Cho phép quân đội của mình được quyền tránh giặc, ngày nay có thể coi là chuyện thường, nhưng vào thời đó quả là một thái độ sáng suốt ít người có được. Ta vẫn biết trong quân lệnh ngày xưa, tướng thua trận trở về đều phải nộp đầu chịu tội, bất kể là thua vì lý do gì. Bởi người ta cho rằng đánh nhau với giặc bao giờ cũng phải liều chết để thắng, kẻ bại trận trở về bị cho là “tham sống sợ chết” và không xứng đáng cầm quân nữa.

Ngoài ra, triều đình còn hạ lệnh cho dân chúng cũng rút lui khỏi các vùng bị giặc tiến đánh, thực hiện chủ trương “đồng không nhà trống”, những gì không mang theo được đều phải phá hủy, không để lọt vào tay giặc.

Với chủ trương đó, quân giặc không thể cướp lấy lương thực từ trong nhân dân, mà phải sống chủ yếu nhờ vào số lương thực của chúng đưa sang. Ngoài ra, quân dân ta ở các địa phương thường xuyên tập kích, đánh lẻ vào các điểm đóng quân của chúng, làm cho bọn chúng lúc nào cũng phải căng thẳng đề phòng không hề được ngơi nghỉ, và tổn thất quân số dần dần.

Những điều đó đều nằm trong dự tính của các nhà chỉ huy quân ta. Hơn thế nữa, với sự khác biệt về khí hậu, phong thổ, quân Nguyên dần dần mắc phải nhiều chứng bệnh thời khí cũng như suy giảm sức khỏe nghiêm trọng. Đến giữa năm 1285 thì sách lược của quân ta đạt đến hiệu quả cao điểm và thời cơ chín mùi cho việc phản công.

Ngày 7 tháng 6 năm 1285, đại quân do vua Trần Nhân Tông đích thân chỉ huy từ Thanh Hóa kéo ra đánh tan quân địch ở Trường Yên. Ngày 10 tháng 6, Thoát Hoan rút chạy, đến sông Như Nguyệt (sông Cầu) thì gặp quân của Trần Quốc Toàn truy đuổi đến. Giặc hốt hoảng không đánh mà chạy thẳng đến sông Thương, Vạn Kiếp thì lọt ổ phục kích của đại quân Hưng Đạo Vương. Giặc bắt cầu phao qua sông nhưng chưa kịp sang hết thì bị quân ta xông ra đánh. Chúng tranh nhau qua sông làm đứt cầu phao, rơi xuống nước chết đuối rất nhiều.

Thoát Hoan tháo chạy thoát thân, đến Vĩnh Bình (Lạng Sơn) lại gặp quân ta phục kích. Hết nước, vị danh tướng này của quân giặc phải chui vào trốn trong ống đồng để quân lính khiêng chạy thoát thân.

Quân của Toa Đô và Ô Mã Nhi từ Thanh Hóa kéo ra vì chưa biết tin Thoát Hoan đại bại, lại bị quân ta đón đánh thua một trận tại Tây Kết. Toa Đô mất đầu, Ô Mã Nhi thoát thân chạy ra biển. Quân đội xâm lược hùng mạnh của giặc Nguyên giờ đây bị đánh đến tả tơi không còn dám nghĩ đến chuyện kháng cự mà chỉ có chạy và chạy... Số tù binh bị ta bắt giữ lên đến hơn 50.000 người.

Nhờ nhận định chính xác tình thế, đánh giá đúng tương quan lực lượng và quyết định đúng đắn sách lược “lùi để tiến tới”, quân dân ta đã làm nên kỳ tích là chiến thắng một quân đội viễn chinh được xem là hùng mạnh hơn mình rất nhiều lần.

Tháng 12 năm 1287, quân Nguyên lại tiếp tục thực hiện ý đồ xâm lược lần thứ ba. Chúng chia quân thành ba đạo, từ ba mặt cùng tiến đánh vào nước ta. Ngoài hai mũi tiến công bằng bộ binh và kỵ binh từ Quảng Tây, Vân Nam sang, lần này chúng còn tạo thêm một mũi tiến công bằng thủy binh từ ngoài biển theo sông Bạch Đằng tiến vào.

Đạo quân chủ lực, vẫn do Thoát Hoan chỉ huy, tiến vào vùng Lạng Sơn và đạo quân từ Vân Nam theo sông Hồng tiến sang do tướng A Lỗ chỉ huy. Trên cả hai mặt trận này, quân ta theo kế hoạch của Trần Quốc Tuấn vừa chặn đánh để kiềm chế và tiêu hao sinh lực địch, vừa tổ chức rút lui để bảo toàn lực lượng.

Thủy binh địch do Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp thống lĩnh cùng với đoàn thuyền tải lương do Trương Văn Hổ phụ trách từ Khâm Châu (Quảng Đông) vượt biển tiến về phía cửa sông Bạch Đằng.

Thủy binh ta do phó tướng Trần Khánh Dư chỉ huy, chặn đánh ở một số nơi nhưng bị tổn thất phải rút lui. Ô Mã Nhi chủ quan chỉ huy đội chiến thuyền vượt lên trước, theo sông Bạch Đằng tiến nhanh về Vạn Kiếp để hội quân với Thoát Hoan, còn đoàn thuyền tải lương thì tiến vào sau. Trần Khánh Dư liên bố trí quân mai phục ở Vân Đồn (Cẩm Phả, Quảng Ninh) đón đánh tiêu diệt toàn bộ đoàn thuyền tải lương gồm 70 chiếc của địch.

Chiến thắng Vân Đồn là một đòn giáng mạnh vào kế hoạch xâm lược của quân Nguyên, làm thất bại ngay từ đầu kế hoạch hậu cần của chúng, dồn quân địch vào những khó khăn không thể khắc phục được về mặt lương thực.

Tại Vạn Kiếp, Thoát Hoan dừng quân lại một thời gian để xây dựng vùng này thành một khu quân sự trọng yếu. Một bộ phận binh lực được lệnh ở lại đây, chia nhau đóng giữ những nơi hiểm yếu và lập trại chứa lương thực. Sau đó, Thoát Hoan mới tiến về phía Thăng Long.

Quân ta vừa đánh cản địch, vừa tiếp tục rút lui.

Cuối tháng 1 năm 1288, quân Nguyên vượt sông Hồng tiến công thành Thăng Long. Triều đình và quân ta lại tạm thời rút khỏi kinh thành, lui dần đến vùng hạ lưu sông Hồng.

Thoát Hoan huy động quân thủy, bộ đuổi theo ráo riết, nhưng không làm sao bắt được vua Trần và bộ chỉ huy quân ta. Chúng điên cuồng quật lăng mộ vua Trần

Thái Tông, đốt phá làng mạc, tàn sát nhân dân.

Nhưng tội ác của giặc càng chất cao thì quân dân ta càng sôi sục chí căm thù và càng siết chặt hàng ngũ dưới lá cờ cứu nước của triều đình.

Không tiêu diệt được quân chủ lực của ta, không bắt được bộ máy đầu não chỉ huy cuộc kháng chiến, chiến lược đánh nhanh thắng nhanh của địch đã bắt đầu bị phá sản. Thoát Hoan đành phải trở về Thăng Long, lo củng cố vùng chiếm đóng. Nhưng khắp nơi, nhân dân cất giấu lương thực, thực hiện sách lược “*vườn không nhà trống*” để bao vây, cô lập quân thù và triệt mất nguồn cướp lương thực của chúng. Chẳng bao lâu, nạn thiếu lương thực trở thành mối đe dọa nghiêm trọng đời sống của hàng chục vạn quân xâm lược.

Trong lúc đó, các đội dân binh có mặt ở mọi nơi phối hợp chặt chẽ với các lực lượng phân tán của quân đội triều đình, không ngừng tập kích các doanh trại và căn cứ của địch, chặn đánh các cuộc hành quân của chúng. Những hoạt động du kích có hiệu quả của quân dân ta làm cho địch quân bị tiêu hao dần và phạm vi chiếm đóng của chúng cũng bị thu hẹp lại.

Do kinh nghiệm thất bại lần trước, Thoát Hoan thấy đại bản doanh của hãn ở Thăng Long đang đứng trước nguy cơ bị bao vây và bị tiến công.

Tháng 3 năm 1288, hãn ra lệnh đốt phá kinh thành Thăng Long rồi rút quân về Vạn Kiếp.

Nhưng khu căn cứ Vạn Kiếp mà hãn đã tốn hao bao công sức để xây dựng cũng không còn là nơi an toàn của chúng nữa.

Lương thiếu, quân số hao hụt, tinh thần binh sĩ rã rời, lại thêm bị quân ta tập kích liên tục, nguy cơ diệt vong ngày càng đến gần. Thoát Hoan lo sợ và tức tối như phát điên, nhưng cũng không tìm được con đường thoát nào khác ngoài cách sớm rút lui để khỏi bị tiêu diệt hoàn toàn. Hãn quyết định chia quân làm hai đạo, theo hai đường thủy, bộ rút về nước. Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp chỉ huy đạo quân thủy được lệnh rút lui trước bằng đường sông Bạch Đằng. Thoát Hoan tự chỉ huy đạo quân bộ theo đường Lạng Sơn về nước.

Nhưng mọi hành động của quân thù dù tính toán tinh khôn đến đâu cũng không thoát khỏi tai mắt của nhân dân và sự xét đoán tinh tường của nhà quân sự thiên tài Trần Quốc Tuấn. Những cạm bẫy lớn, những mạng lưới diệt thù đã được giăng sẵn trên các ngã đường rút lui của chúng. Quân dân ta quyết không cho quân thù trốn thoát, bắt chúng phải đền tội ngay trên đất nước mà chúng đã gây ra biết bao tang tóc, đau thương và tàn phá.

Sông Bạch Đằng được Trần Quốc Tuấn chọn làm một trận địa mai phục đại qui mô để chôn vùi đạo quân thủy của Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp.

Đầu tháng 4 năm 1288, đạo quân thủy của địch bắt đầu rút, trên bờ có kỵ binh đi hộ tống. Quân dân ta phá cầu đường và chặn đánh liên tục, buộc đội kỵ binh phải quay trở lại Vạn Kiếp. Đoàn thuyền của Ô Mã Nhi nối đuôi nhau thận trọng theo sông Đá Bạc tiến ra sông Bạch Đằng.

Sáng ngày 9 tháng 4 đoàn thuyền địch bắt đầu tiến vào sông Bạch Đằng.

Một đội chiến thuyền của ta được lệnh tiến lên khiêu chiến rồi giả thua rút chạy. Ô Mã Nhi liền ra lệnh đuổi theo. Lúc bấy giờ, nước thủy triều đang xuống. Khi đoàn thuyền địch vừa lọt vào trận địa mai phục thì quân ta bất ngờ tiến công mạnh vào đội hình của địch, dồn chúng về phía bãi cọc đã chôn sẵn dưới đáy sông. Chiến thuyền của địch vừa to vừa nặng, lại đang lao nhanh theo dòng nước nên khi đâm phải những cọc gỗ có bịt sắt, một số bị tan vỡ và bị đánh đắm^[2]

Ngay lúc quân địch đang rối loạn thì quân thủy, quân bộ của ta từ hai bên bờ đổ ra đánh rất quyết liệt. Quân ta lao những bè lửa đã chuẩn bị sẵn vào đốt cháy thuyền giặc. Đại quân của vua Trần cũng kịp thời đến tiếp ứng. Cuộc chiến đấu xảy ra ác liệt từ mờ sáng đến chiều tối. Với ý chí quyết chiến quyết thắng và tinh thần chiến đấu dũng mãnh, quân ta đã tiêu diệt toàn bộ quân thủy của địch. Các tướng giặc như Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp, Tích Lệ Cơ..., đều bị bắt sống. Quân ta thu được hơn 400 chiến thuyền và vô số quân giặc bị vùi xác dưới đáy sông Bạch Đằng.

Đạo quân bộ của Thoát Hoan rút lui qua vùng Lạng Sơn, tuy không bị tiêu diệt hoàn toàn nhưng cũng không thoát khỏi số phận thất bại thảm hại. Trên đường rút chạy của chúng, quân dân ta đã chiếm lĩnh các địa hình lợi hại, chặn đánh liên tục, những hố bẫy ngựa đã quật ngã vô số kỵ binh địch, từ trong rừng thẳm, núi cao, những mũi tên độc luôn luôn phóng về phía kẻ thù. Biết bao hành động yêu nước cùng với những sáng tạo phong phú của quần chúng đã góp phần quan trọng vào việc tiêu diệt sinh lực địch. Quân Nguyên bị truy kích, tập kích liên tục và bị tổn thương nặng nề, xác giặc nằm rải rác ra trên đoạn đường dài gần trăm dặm. Thoát Hoan phải mở con đường máu mới chạy thoát được về nước.

Cuộc xâm lược của quân Nguyên bị đập tan hoàn toàn, quân ta toàn thắng.

Một lần nữa, nhờ biết “lùi để tiến tới”, quân dân ta đã đánh tan được một quân đội mạnh hơn mình rất nhiều lần.

2. Hành động bí mật

“Đạo âm^[3] của thánh hiền, đạo dương của kẻ ngu, đạo của thánh nhân ẩn giấu rất kỹ.”

Tướng soái khôn ngoan thường tạo nên những cái giả để mê hoặc đối phương, giấu giếm hành động để giáng cho đối phương những đòn bất ngờ trí mạng.

Thời Xuân Thu bên Trung Quốc, quan tướng quốc nước Tề là Điền Hòa đem đại tướng là Điền Kỵ và Đoàn Bằng kéo quân thẳng tới phía Nam nước Lỗ. Khi quân Tề và quân Lỗ đóng đồn giáp nhau. Điền Hòa không thấy Ngô Khởi (tướng nước Lỗ) mới mật sai người dò xem Ngô Khởi làm gì, thì thấy Ngô Khởi đang cùng với một người hèn hạ nhất trong đám quân sĩ ấy trải chiếu xuống đất mà ngồi, chia canh cùng ăn.

Sứ giả về báo, Điền Hòa cười mà nói rằng:

- Tướng có tôn nghiêm thì quân mới sợ, quân có sợ thì mới cố sức đánh. Nay Ngô Khởi hành động như thế, còn dùng quân thế nào được. Ta chẳng lo gì!

Điền Hòa lại sai Trương Sứ giả cách sang xin giảng hòa để dò thám xem cách chiến thủ của Ngô Khởi ra làm sao. Ngô Khởi đem quân tình nhuệ giấu ở phía sau, rồi dàn những quân già yếu ra, lại giả cách cung kính mà tiếp đãi Trương Sứ. Sứ nói:

- Tôi nghe đồn tướng quân giết vợ để cầu tướng, có phải thế không?

Ngô Khởi giả cách sợ hãi mà đáp rằng:

- Tôi dẫu hèn mạt cũng đã học ở cửa Thánh, khi nào dám làm những việc bất nhân tình như vậy! Nội nhân^[4] tôi nhân khi mất vì bệnh, lại gặp có việc quân lữ, người ta nghe tin đồn bậy, chứ không phải là thực.

Trương Sứ nói:

- Nếu tướng quân còn nghĩ đến tình họ Điền thì xin cùng với tướng quân giảng hòa.

Ngô Khởi nói:

- Tôi đây là thư sinh, có đâu dám chống nhau với họ Điền, nếu cho giảng hòa thì chúng tôi thật mẫn nguyện lắm.

Ngô Khởi mời Trương Sứ ở lại trong quân, uống rượu vui trong ba ngày rồi mới cho về, tuyệt nhiên không nói gì đến việc binh. Khi Trương Sứ sắp đi, Ngô

Khởi lại dặn đi dặn lại để nhờ Trương Sứu nói hộ cho việc giảng hòa.

Trương Sứu cáo từ lui về. Ngô Khởi tức khắc điều binh khiển tướng, chia làm ba toán quân lên đường theo sau. Điền Hòa được tin Trương Sứu về nói, có ý khinh quân Ngô Khởi là già yếu, không lo gì cả. Bỗng nghe tiếng trống vang rền ở ngoài cửa trận, quân Lỗ thành linh kéo đến. Điền Hòa kinh sợ, ngựa không kịp đóng yên, xe không kịp thắng ngựa, quân sĩ đều náo loạn. Điền Kỳ đem bộ binh ra nghênh chiến. Đoàn Bàng truyền cho quân sĩ sửa soạn tiếp ứng. Chẳng ngờ hai toán quân Lỗ do Tiết Liễn và Thân Tướng chỉ huy ở hai bên tả hữu xông vào giáp chiến. Quân Tề thua to, người chết như rạ. Quân Lỗ đuổi mãi đến đất Bình Lục (đất nước Tề) mới trở về. Lỗ Mục Công bằng lòng lắm, cho Ngô Khởi làm Thượng Khanh.

Điền Hòa trách Trương Sứu về tội làm hỏng việc. Trương Sứu nói:

- Tôi chỉ thấy như thế, nào ngờ bị Ngô Khởi đánh lừa.

Điền Hòa thở dài mà nói rằng:

- Ngô Khởi dùng binh chẳng khác gì Tôn Vũ và Nhương Thư thuở xưa. Nếu nước Lỗ cứ dùng hãn mã thì nước Tề ta khó yên.

Ngô Khởi với Điền Hòa cả hai đều dụng công giấu cái ý thật của mình. Một bên muốn đánh mà giả vờ đi giảng hòa để dò biết tình thế địch quân. Một bên đang chuẩn bị đánh mà giả ý muốn hòa, đã luyện quân dũng mãnh mà giả cách chỉ có quân già yếu.

Đều là có mưu lược, mà Ngô Khởi mưu sâu hơn, lại thực hiện khéo léo hơn nên đã chẳng bị Điền Hòa che mắt mà ngược lại còn đánh lừa được Điền Hòa để giành chiến thắng.

3. Chủ động quyền biển

“Sự việc quý ở chỗ mình chủ động, nếu để đối phương giành được thế chủ động thì hỏng.”

Người chủ động mới dành được thế mạnh. Đôi khi phải chủ động bỏ mỗi lợi nhỏ để tránh được cái hại lớn; chấp nhận cái hại nhỏ để dành mỗi lợi lớn. Chủ động thì mới có thời gian cân nhắc, tính toán lợi hại, mới sáng suốt trong mọi quyết định. Do đó sẽ thắng lợi.

Trong lịch sử Việt Nam có ghi: *“Lý Thường Kiệt chủ động tiến công thành Ung Châu nước Tống”*. Đó là một gương sáng về mưu lược *“chủ động quyền biển”*.

Năm 1072, vua Lý Thánh Tông từ trần, thái tử Càn Đức lên nối ngôi mới có 7 tuổi, tức là vua Lý Nhân Tông. Nhà Tống coi đó là một thời cơ tốt, càng xúc tiến mạnh mẽ việc chuẩn bị xâm lược nước ta.

Âm mưu xâm lược của quân Tống ngày càng rõ ràng. Bên kia biên giới, những căn cứ xâm lược của kẻ thù mà trung tâm là thành Ung Châu, đang như những mũi dao nhọn chĩa vào thân thể của dân tộc ta.

Với cương vị Phụ Quốc Thái úy nắm tất cả binh quyền trong triều, Lý Thường Kiệt là người trực tiếp đảm nhiệm sứ mệnh tổ chức và lãnh đạo cuộc kháng chiến chống xâm lược.

Lý Thường Kiệt thấy không thể ngồi yên để quân Tống đến xâm lược mà phải chủ động tiến công trước; đẩy kẻ thù vào thế bị động ngày từ đầu và giành những điều kiện có lợi nhất cho cuộc kháng chiến của dân tộc. Ông nói: *“Ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân ra trước để chặn mũi nhọn của giặc.”* Quán triệt tư tưởng tiến công để tự vệ, Lý Thường Kiệt chủ trương tổ chức một cuộc tập kích thẳng sang đất Tống nhằm tiêu diệt các căn cứ xâm lược của kẻ thù, rồi nhanh chóng quay về bố trí phòng thủ đất nước. Mục tiêu của cuộc tấn công là các trại ở biên giới của quân Tống, cửa biển Khâm Châu, Liêm Châu và chủ yếu là thành Ung Châu.

Có khoảng từ 6 đến 10 vạn quân được huy động cho cuộc tập kích táo bạo đó. Lực lượng này chia làm hai đạo quân, theo hai đường thủy, bộ tiến công sang đất Tống. Đạo quân bộ gồm quân lính các dân tộc thiểu số, do các tù trưởng chỉ huy.

Đạo quân này tập trung sẵn ở một số địa điểm dọc theo đường biên giới phía

Đông Bắc, rồi bất ngờ tiến công các trại biên giới của quân Tống. Đạo quân chủ lực do Lý Thường Kiệt trực tiếp chỉ huy, tập trung ở châu Vĩnh An (Móng Cái, Quảng Ninh) dùng thuyền vượt biển đổ bộ lên chiếm lấy Khâm Châu, Liêm Châu rồi cùng phối hợp tiến công thành Ung Châu.

Chiến dịch tập kích được Lý Thường Kiệt bố trí một cách chủ động, linh hoạt, thể hiện sâu sắc tư tưởng chỉ đạo chiến lược tích cực, lấy tiến công để tự vệ, lấy chiến tranh ngăn ngừa chiến tranh.

Ngày 27 tháng 10 năm 1075, cuộc tiến công của quân ta bắt đầu bằng trận đánh vào trại Cổ Vạn. Đạo quân của các tù trưởng thiểu số chia thành nhiều mũi vượt biên giới tiến đánh các trại quân Tống. Đạo quân chủ lực của Lý Thường Kiệt vượt biển đánh chiếm cửa biển Khâm Châu, Liêm Châu. Quân ta tiến công bất ngờ, mãnh liệt.

Trong khi tiến vào đất Tống, Lý Thường Kiệt lại ra sức tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân Trung Quốc. Ông sai yết bảng khắp nơi, tuyên bố cho nhân dân Trung Quốc biết rõ mục đích của cuộc tiến công là để tự vệ; để ngăn chặn âm mưu xâm lược đã được sắp xếp từ lâu của chính quyền nhà Tống chứ không có mục đích phá hại dân thường.

Trên các mặt trận, quân Tống bị thất bại liên tiếp. Hai đạo quân ta từ hai hướng hình thành hai gọng kìm tiến lên vây hãm thành Ung Châu.

Ung Châu là một thành lũy kiên cố. Quân Tống do tướng Tô Giám chỉ huy lại kiên quyết cố thủ để chờ tiếp viện từ phía Bắc xuống. Cuộc chiến đấu ở thành Ung Châu diễn ra rất gay gắt, quyết liệt. Quân ta khép chặt vòng vây và tiến công dữ dội, trong lúc một bộ phận binh lực theo lệnh Lý Thường Kiệt tiến lên mai phục ở ải Côn Lôn (phía bắc Ung Châu) để ngăn chặn và tiêu diệt viện binh địch. Quả nhiên, triều đình nhà Tống sai Trương Thủ Tiết mang quân cứu viện đến và bị quân ta chặn đánh tan tành vào ngày 11 tháng 2 năm 1076.

Sau 42 ngày công phá rất dũng mãnh và mưu trí, ngày 1 tháng 3 năm 1076, quân ta chiếm được thành Ung Châu. Lý Thường Kiệt ra lệnh phá thành trì và lấy đá lấp sông để ngăn chặn sự vận chuyển của địch bằng đường thủy. Ông lại cho quân tiến đến Tân Châu để tiêu hủy các kho tàng lương thực vùng Tả Giang của quân Tống.

Mục tiêu của cuộc tập kích đã hoàn thành thắng lợi. Tháng 4 năm 1076 quân ta nhanh chóng rút về nước, trong lúc vua tôi nhà Tống đang bàn bạc cách đối phó và chưa kịp điều đại quân xuống phía Nam.

(Trích Lịch sử Việt Nam)

4. Biết trước thời thế

“Dự đoán thời thế để quyết định lợi hại, quyền biến.”

Một thống soái hoặc tướng lĩnh nắm được thời thế là điều trọng yếu. Họ phải hành động lặng lẽ một khi hết thấy chưa ai chú ý, đến lúc thời cơ chín mùi thì họ ra tay lập tức làm nên chuyện lớn.

Vào năm Kiến An thứ 12 tức là năm Đinh Hợi.

Bên Trung Hoa có Khổng Minh vừa 27 tuổi ở tại Long Trung được Lưu Huyền Đức (Lưu Bị) mời ra giúp nước. Ngồi trong lều tranh Khổng Minh phân tích thời thế cho Lưu Bị nghe:

- Từ khi Đông Trác phản nghịch đến nay, hào kiệt thiên hạ đều nổi dậy. Như Tào Tháo, thế còn kém Viên Thiệu mà đánh được Thiệu, thì mới biết có thiên thời mà cũng có cả mưu người nữa.

Ngày nay Tháo đã cầm được quân trăm vạn, đem thiên tử ra làm bình phong, thì không có thể nào mà tranh lại được với hãn nữa.

Tôn Quyền giữ đất Giang Đông đã trải được ba đời, đất thì hiểm mà dân thì phục, thế thì Giang Đông cũng chỉ dùng mà giúp ta. Duy chỉ còn Kinh Châu, phía Bắc có sông Hán, sông Miện, lại thu hết được lợi các biển Nam. Phía Đông thì giáp với Ngô Hội, phía Tây thì giáp với Ngô Thục, chỗ ấy là đất dụng võ, không phải người chủ giỏi không giữ nổi. Ấy là trời để dành cho tướng quân đó. Tướng quân có ý gì đến đó không? Lại còn Ích Châu, đất thật hiểm trở, ruộng cấy nghìn dặm, quả thật là một cái kho của trời. Cao Tổ ngày xưa cũng nhân nơi ấy mà dựng thành nghiệp đế. Nay Lưu Chương là chủ nước ấy, ngu si hèn yếu, dân nhiều nước giàu mà không biết trị, bao nhiêu kẻ sĩ người hiền trong nước chỉ mong mỏi được vua sáng mà thờ. Tướng quân là dòng dõi nhà vua, tín nghĩa lại tỏ ra bốn biển, biết thu dùng anh hùng, kiệt sĩ, cầu người hiền như kẻ khát nước. Như vậy, nếu mà tướng quân gồm được cả châu Kinh, châu Ích, giữ lấy nơi hiểm trở. Mè Tây thì hòa với rợ, vỗ yên các nước Di, Việt; ngoài thì kết với Tôn Quyền, trong thì sửa sang chính trị. Đợi khi nào thiên hạ có biến lớn, bấy giờ chỉ sai một thượng tướng đem quân Kinh Châu, tiến sang Uyển Lạc; tướng quân thì thân đem quân Ích Châu ra đất Tân Xuyên, thì chắc thiên hạ thế nào lại không đem giò cơm bầu nước đến đón tướng quân? Nếu được như thế thì nghiệp lớn mới nên, nhà Hán mới đứng dậy được. Giả sử mà Lượng (Gia Cát Lượng) có giúp được tướng quân thì đó là cái chủ nghĩa của Lượng đó. Tướng quân thử xét xem.

Nói xong, sai đứa trẻ đem một tấm địa đồ treo ra giữa nhà rồi trở vào mà bảo

Lưu Bị rằng:

- Đây là địa đồ 54 Châu ở Tây Xuyên. Tướng quân mà muốn thành nghiệp bá, thì phía Bắc phải nhường cho Tào Tháo chiếm lấy thiên thời, phía Nam phải nhin cho Tôn Quyền giữ lấy địa lợi. Tướng quân thì phải cố giữ lấy nhân hòa, trước lấy Kinh Châu làm nơi ở, sau lấy Tây Xuyên để dựng cơ nghiệp, cho thành cái thế chân vạc, rồi sau mới toan tính được Trung Nguyên.

Lưu Bị nghe nói chấp tay tạ mà rằng:

- Nghe lời nói Tiên sinh, Bị thực như được dải gan mở óc, khác nào được người gạt đám mây đen cho thấy trời xanh. Nhưng Lưu Biểu ở Kinh Châu, Lưu Chương ở Ích Châu cùng là tôn thất nhà Hán. Bị sao nỡ cướp lấy?

Khổng Minh nói:

- Đêm qua tôi đã xem thiên văn, biết rằng Lưu Biểu cũng không thọ được mấy nổi nữa. Còn Lưu Chương thì không phải chủ lập được cơ nghiệp, về sau cũng thuộc về Tướng quân mà thôi.

Lưu Bị nghe nói cúi đầu lạy tạ.

Khổng Minh chưa ra khỏi nhà mà biết hết được tình thế thiên hạ chia ba về sau thế nào. Đó là biết trước thời thế vậy.

5. Chiêu hiền đãi sĩ

“Dùng mưu kế, không bằng tư, tư không bằng kết, kết sao cho chặt.”

Có nhiều cách “kết”. Có nội kết, ngoại kết, sinh kết, tử kết. Trương Lương kết thân với Hạng Bá, đó là nội kết. Trương Nghi, Tô Tần kết giao, ấy là ngoại kết. Lấy đức và ân huệ đãi người, mưu phúc cho dân, mưu lợi cho nước, ấy là sinh kết. Tuyên dương người chết, ủy lạo thân thuộc của người đã hy sinh, ấy là tử kết.

Lưu Huyền Đức biết Khổng Minh là bậc kỳ tài trong thiên hạ, nên đã ba lần lặn lội đến Long Trung mời Khổng Minh ra giúp nước.

Đi đến lần thứ ba Lưu Huyền Đức mới gặp được Khổng Minh. Huyền Đức nói hết lời thỉnh cầu nhưng Khổng Minh vẫn từ chối.

Lưu Huyền Đức (Lưu Bị) năn nỉ mãi:

- Như tiên sinh đây là đại trượng phu, trong mình có cái tài yên được dân, thực là cầm ở trong tay cái trách nhiệm việc thiên hạ. Trước nữa là Bị đến kêu nài để tiên sinh giúp cho một người ngu, sau nữa Bị xin tiên sinh trông đến cái khổ ải của

trăm họ, mà chịu phiền bỏ chốn rừng rú, nhịn hưởng thanh nhàn mà cứu đời ... Bị tuy rằng tiếng hiền đức kém, nhưng xin tiên sinh chớ nỡ bỏ. Tiên sinh hạ cố mà ra núi dạy bảo thì Bị xin chấp tay cúi đầu mà nghe lời dạy.

Khổng Minh vẫn còn từ chối, cứ một niềm:

- Lượng tôi lâu nay đã quen tay cày cuốc, nản việc đời lắm, xin để cho tôi ở yên đây.

Lưu Bị mời mãi không được, khóc mà rằng:

- Tiên sinh không thương lấy Bị đã vậy, còn sinh dân bao nhiêu vạn vạn khổ ải, tiên sinh há chẳng rủ lòng thương đến hay sao?

Bị vừa nói vừa chảy hai hàng nước mắt, thấm ướt cả vạt áo.

Khổng Minh bây giờ mới tin Lưu Bị thật lòng bền nói rằng:

- Tướng quân đã có bụng không bỏ, thì Lượng chẳng lẽ không đem hết lòng khuyến mãi ra mà thờ.

Lưu Bị mừng lắm, lập tức gọi Quan Công, Trương Phi vào lạy. Khi đem dâng các đồ lễ vật vàng, lụa đủ thứ, Khổng Minh nhất định không lấy tý gì. Lưu Bị phải van lạy mãi, gọi là tấm lòng thành, không dám cho là đồ lễ đại hiền. Bấy giờ Khổng Minh mới chịu nhận.

Đêm hôm ấy cả ba anh em Lưu, Quan, Trương cùng ngủ trong nhà Gia Cát Lượng.

Hôm sau Gia Cát Quân đi xa về, Khổng Minh gọi em mà dặn rằng:

- Ta chịu ân Lưu hoàng thúc^[5] ba lần đã hạ cố, không thể từ chối được. Em phải ở nhà chăm việc cày bừa, không được bỏ hoang đồng ruộng. Đợi bao giờ anh thành công nghiệp, anh lại sẽ về đây ở.

Ba anh em Lưu, Quan, Trương từ biệt Gia Cát Quân rồi cùng với Khổng Minh về Tân Giả.

Lưu Bị đãi Khổng Minh vào bậc thầy, ăn cùng một bàn, ngủ cùng một chiếu, cả ngày chỉ bàn việc lớn trong thiên hạ.

6. Kích động vua chúa

“Tiếp xúc, phán đoán có nhiều cách, hoặc dùng binh, hoặc dùng chính, hoặc dùng hi, hoặc dùng nộ... Dùng nộ là kích động.”

Người khôn ngoan chẳng những dùng lời lẽ thuyết phục chư hầu, mà còn dùng cách kích động, nói khích vua chúa.

Sau khi bỏ Tân Giả, Lưu Bị rút quân về Giang Hạ. Lúc này lực lượng Lưu Bị vẫn còn rất yếu, nên Khổng Minh sang Giang Đông thuyết phục Tôn Quyền khởi binh đánh Tào Tháo.

Chu Du thống lĩnh binh quyền Đông Ngô còn lưỡng lự chưa muốn đánh.

Khổng Minh cười mà nói rằng:

- Thôi này! Tôi có một kế không cần đến khiên gươm, không phải nộp nước, dâng ấn, cũng không cần phải thân sang sông. Chỉ sai một người sứ, một chiếc thuyền nhẹ đưa có hai người sang sông. Tào Tháo được hai người ấy, thì lập tức trăm vạn quân cùng cởi áo giáp, cuốn cờ mà lui trở về.

Chu Du mới hỏi:

- Dùng hai người nào mà làm cho lui được quân Tào?

Khổng Minh nói:

- Đất Giang Đông mà bỏ hai người ấy, bất quá như cây to rụng mất một cái lá, kho lớn mất một hạt thóc, thế mà Tào Tháo được hai người ấy, lập tức mừng mà đi.

Du hỏi:

- Hai người là hai người nào?

Khổng Minh nói:

- Khi tôi còn ở Long Trung, có nghe đồn Tháo mới dựng một cái đền ở trên sông Chương Hà, gọi là đền Đồng Tước, trang hoàng rất lịch sự, rồi kén những con gái đẹp thiên hạ chứa đầy trong ấy. Tháo vốn đồ hiếu sắc, nghe tin bên Giang Đông có ông Kiều Công, có hai người con gái, con lớn là Đại Kiều, con nhỏ gọi là Tiểu Kiều, hai người cùng nhan sắc đẹp như dáng cá lặn nhận sa, hoa cười, trắng tở. Tháo có thể rằng chỉ nguyện hai điều: một là bình được bốn bể dựng nghiệp Hoàng Đế, hai là lấy được hai chị em nàng Kiều ở Giang Đông, đem vào ở đền Đồng Tước, làm vui tuổi già, thì đầu chết cũng không tiếc đời nữa.

Bởi vậy tôi nghĩ rằng nay Tháo dù đem quân trăm vạn, chực úp Giang Nam nhưng thực chỉ vì có hai người con gái ấy. Đồ đốc sao không tìm Kiều công, đem nghìn vàng mua lấy hai người con gái, sai người tống cho Tào Tháo, thì Tháo mãn nguyện tất lui quân về. Thế cũng là kế Phạm Lãi dâng Tây Thi cho Ngô Vương.

Du mới hỏi:

- Khổng Minh nói chuyện ấy có gì làm chứng không?

Khổng Minh nói:

- Con nhỏ Tào Tháo là Tào Thực, tự Tử Kiến, có tài đưa ngọn bút thành văn hay. Tháo có sai Thực làm một bài phú, gọi là phú Đồng Tước Đài. Trong bài phú ấy chỉ nói về nhà Tào lên làm Thiên Tử thì lấy hai nàng Kiều ấy.

Du hỏi:

- Bài phú ấy ông có nhớ không?

Khổng Minh nói:

- Tôi yêu bài ấy văn hay lắm, nên cũng thuộc.

Du xin đọc cho nghe, Khổng Minh lập tức đọc, thì trong bài có mấy câu này:

Lập song đài ư tả hữu hê!

Hữu Ngọc Long dữ Kim Phụng

Lâm nhị Kiều ư Đông Nam hê!

Lạc chiêu tịch chi dữ cộng.

(Nghĩa là: Dựng hai đèn ở bên tả hữu; có đèn Ngọc Long có đèn Kim Phụng. Nhất hai nàng Kiều ở bên nước Đông Ngô, để sớm chiều cùng vui vầy)

Chu Du nghe xong bài ấy, đỏ mặt tía tai lên, đứng dậy vỗ tay về Bắc mà mắng rằng:

- Thằng giặc Tào này láo quá!

Khổng Minh vội vàng ngăn rằng:

- Ngày xưa chúa rợ Thuyền Vu nó hay xâm bờ cõi nhà Hán. Thiên Tử còn phải đem công chúa gả cho nó để cầu hòa, nay tiếc làm chi hai người con gái thứ dân.

Du nói:

- Ông chưa rõ đó thôi. Đại Kiều là vợ của Tôn Bá Phủ^[6], Tiểu Kiều là vợ Du.

Khổng Minh giả vờ giật mình mà nói rằng:

- Tôi thật không biết, nói vô tình, xin xá tội cho tôi.

Chu Du nói:

- Ta thề cùng thằng giặc già, hai người không sống cả đôi.

Khổng Minh ngồi trong lầu tranh biết khắp việc thiên hạ, sao lại không biết chuyện hai nàng Kiều là vợ của Ngô chúa với Chu Du? Ấy là cái mưu khích tướng mà làm rất khéo đó thôi. Đến nỗi Chu Du vốn người cũng đầy mưu trí mà không sao nhận ra được.

(Trích Tam quốc chí)

7. Kiên tâm bền chí

“Anh hùng có lúc sa cơ, khốn tới cùng ắt biến.”

Người có chí lớn thật sự, gặp bất cứ hoàn cảnh khó khăn nào cũng kiên trì theo đuổi mục tiêu của mình, có thể chịu đựng, nếm trải những nỗi đau khổ mà người đời không mấy ai chịu nổi. Chí khí như vậy mới có thể làm nên sự nghiệp lớn lao.

Câu chuyện trích sau đây cho ta thấy rõ điều ấy: ... Khổ buồn đọng mãi không tan, thỉnh thoảng Trương Lương ra ngoài dạo cảnh.

Một hôm, bóng chiều vừa xế, khóm trúc bên cầu xào xạc trước ngọn gió lê thê. Trương Lương lững thững quanh chân suối, lòng ngổn ngang trăm mối u buồn. Bỗng thấy một ông già đi ngang qua cầu, làm rớt chiếc giày xuống nước, rồi gọi Trương Lương mà nói:

- Này tiểu tử, hãy lại đây lượm chiếc giày cho ta.

Trương Lương thấy ông lão có dáng tiên phong đạo cốt, biết không phải người thường, liền bước đến, cúi lượm chiếc giày trao cho ông lão rất kính cẩn.

Ông lão xỏ chân vào giày rồi lại đánh rơi xuống, bảo Trương Lương nhặt. Cứ thế đến ba lần. Trương Lương vẫn với cử chỉ kính cẩn không hề tỏ ý bất mãn. Ông lão mỉm cười, nhìn Trương Lương nói:

- Thằng bé này có thể dạy được đây!

Liền chỉ vào gốc cổ thụ gần đó nói:

- Năm ngày nữa, ngươi đến gốc cây này, ta sẽ cho một vật quý. Chớ sai hẹn!

Trương Lương cúi đầu vâng lời.

Năm hôm sau, Trương Lương dậy sớm, y theo lời hẹn đến chỗ gốc cây, thấy ông

lão đã ngồi chờ sẵn nơi đó.

Ông già nhìn Trương Lương mắng:

- Đã hẹn với kẻ trượng phu có sao lại đến trễ? Thôi, ta hẹn cho năm ngày nữa, hôm đó phải đến cho sớm.

Năm hôm sau, đầu trống canh năm, Trương Lương đã thức dậy ra gốc cây, ngờ đâu ông lão lại cũng ngồi ở đó rồi.

Ông lão mắng:

- Sao người biếng nhác như thế? Hôm nào cũng để ta đợi chờ? Thôi, ta hẹn cho năm ngày nữa.

Lần này, Trương Lương không ngủ, suốt đêm ra nơi gốc cây ngồi chờ.

Trống canh năm vừa điểm, ông lão lénh mẩn đến. Trương Lương sụp lạy nói:

- Kính thưa tiên sinh có gì chỉ dạy, xin thương tình sai bảo.

Ông lão nói:

- Ta xem tiểu tử cốt cách thanh kỳ, nếu biết dùng tuổi xanh lo việc học tập, sau này có thể đồ vương định bá được. Nay ta cho người ba quyển binh thư, trong đó đủ kỳ mưu, thần toán, dù Tôn, Ngô phục sinh chưa chắc bì kịp. Người khá nhận lấy học tập, trước vì nước Hàn báo thù, sau vì thiên hạ giúp chân chúa đem lại thái bình, để khỏi phụ tình tri ngộ.

Trương Lương tiếp nhận ba quyển sách, quỳ mọp xuống đất tạ ơn, và hỏi:

- Tiểu tử muốn biết đại danh của tiên sinh, xin tiên sinh cho phép.

Ông lão nói:

- Ba năm nữa, nơi phía Đông thành Đại Cốc có cái lăng của một vị đế vương, trong đó có một hòn đá màu vàng^[7], tức là ta đó.

Trương Lương nghe nói ngạc nhiên ngẩng mặt lên thì ông lão đã đi đâu mất.

Trương Lương trở về nhà Hạng Bá mở sách ra xem, thấy đó là bộ “*Thái Công Binh Pháp*”, ngày đêm cố gắng học tập để đợi thời cơ.

(Trích Hán Sở tranh hùng)

8. Uốn ba tắc lười

“Lời lẽ khôn khéo, giả dối, lợi hại khôn tả.”

Người khôn ngoan giỏi lợi dụng ngôn từ để vẽ ra lâu đài trên cát, kích thích người ta hăng hái hoặc dẫn dụ đối phương mắc lừa. Muốn được vậy, phải tô điểm cho thật khéo và nói năng phải hùng hồn, đầy sức thuyết phục và dẫn dụ.

“Bái Công (Lưu Bang) dẫn quân đến cửa Quan Trung thấy bọn Hàn Vinh (tướng nhà Tần) đã đặt quân canh phòng rất cẩn mật, khó vượt qua được, liền hội chư tướng bàn luận.

Trương Lương nói:

- Quân Tần mạnh lắm, chưa thể đánh ngay được. Tướng Tần tuy cầm quân nhưng cũng rõ được lẽ tồn vong trong thiên hạ. Nay hãy tạm dừng binh lại, sai người lên đỉnh núi cạnh cửa quan cắm cờ đỏ để làm thanh thế, rồi sai Lục Giả, Lịch Tự Cơ sang làm thuyết khách, lấy lễ phải trái dụ hàng. Đợi cho quân địch chểnh mảng, không phòng bị, ta sẽ thừa cơ tấn công thì mới thắng.

Bái công theo lời, cho quân lên núi cắm cờ la liệt, rồi sai Lục Giả và Lịch Tự Cơ sang dụ thuyết.

Lục Giả và Lịch Tự Cơ sang yết kiến Hàn Vinh, Chu Mạnh.

Lục Giả nói:

- Nay quân Tần vô đạo, trăm họ khổ sở, thiên hạ đua nhau dấy nghĩa. Lòng dân đã muốn tắt trời phải theo. Nếu tướng quân biết thương dân, không muốn cho dân lâm vào cảnh binh đao tang tóc, xin mở cửa thành đầu hàng, Bái Công sẽ tâu với vua Nghĩa Đế phong tướng quân làm Vạn hộ hầu thì danh tiếng không mất.

Hàn Vinh nói:

- Tôi ăn lộc nhà Tần, lẽ nào lại bội nghĩa. Tiên sinh hãy tạm trú nơi nhà tôi, để tôi nghĩ lại đã.

Lục Giả nhận lời trở về dinh.

Hàn Vinh đem việc ấy bàn với chư tướng. Tướng lĩnh có kẻ bảo hàng, người lại bảo không. Bởi thế Hàn Vinh do dự, bỏ bê việc quân.

Hôm sau, Tự Cơ yết kiến Hàn Vinh nói:

- Tướng quân đã suy xét kỹ chưa?

Hàn Vinh thần thờ nói:

- Các tướng không cùng một ý, biết làm thế nào?

Tự Cơ cười nhạt đáp:

- Cảm ơn tướng quân! Cứ như thiện cảm của tướng quân, đầu tướng quân không hàng, chúa công tôi cũng kính mến. Tôi có đem theo một trăm nén vàng để tạ ơn tướng quân.

Hàn Vinh từ chối:

- Tôi với Bái Công là đối thủ, lẽ nào lại nhận lễ vật?

Tự Cơ nói:

- Tướng quân không nhận lễ tức là tướng quân tuyệt tình với chúa công tôi. Sau này chư hầu kéo quân đến lấy thành tất tướng quân không giữ nổi, chừng ấy tướng quân muốn gây ân nghĩa với chúa công tôi cũng khó lắm. Chi bằng hãy tạm nhận cái lễ này để phòng bất trắc về sau, tướng quân nên nghĩ kỹ.

Hàn Vinh bấm trán đắn đo một lúc, rồi thuận tình nhận lễ vật.

Tự Cơ trở về thuật lại với Bái Công:

- Tướng Tần tuy không chịu hàng song lòng lưỡng lự, việc canh phòng không còn nghiêm ngặt nữa.

Trương Lương nói:

- Thế là cơ hội đã đến!

Liền gọi Tiết Ân và Trần Bái đến bảo:

- Hai người dẫn vài mươi quân kỵ lên vào con đường tắt sau chân núi, đốt lửa sau thành làm kế nghi binh. Ta cùng Phàn Khoái đem đại binh đánh vào mặt thành, chúng sẽ tưởng quân ta chặn hai đầu, tất sợ hãi bỏ thành chạy.

Các tướng làm y kế. Quả nhiên quân trong thành hoảng hốt chạy tán loạn.

Hàn Vinh từ khi nhận lễ, không nghĩ đến việc đánh giặc nữa, cả ngày chỉ uống rượu làm vui.

Khi nghe tiếng quân la ó vang trời, mặt trước và sau lửa cháy đỏ rực, tướng quân Sở đã vào được thành rồi vội khiến quân mở cửa thành ừa ra thoát chạy.

Hàn Vinh chạy đến Lam Điền mới dám đóng quân. Ngày hôm sau, chinh đồn quân ngũ kéo đến định quyết chiến. Nhưng Trương Lương đã đoán trước cho hai đạo binh phục sẵn. Hàn Vinh vừa đến nơi, bị phục binh nổi dậy, đánh một trận tơi bời, không còn manh giáp, chạy thẳng về Hàm Dương cấp báo.

Bái Công kéo binh thẳng đến Bái Thượng, bấy giờ vào mùa Đông, tháng Mười, năm Ất Ty.

9. Thoái binh chế binh

“Có thuật lui binh, có phép chế binh.”

Một người bình tĩnh, thận trọng, luôn làm điều thiện, đức độ cao cả, thì dù một thân một mình đi vào hang ổ đối phương, cũng có thể làm cho đối phương phải kính nể, không dám làm hại. Một người như vậy thì nơi nào cũng là đất sống, không có gì đáng gọi là hiểm nguy.

“Hạng Vũ, sau khi chiếm được toàn cõi nước Tần liền chọn ngày lành tháng tốt lên ngôi, xưng hiệu Tây Sở Bá Vương, cai trị 9 quận nước Sở, đóng đô ở Bành Thành, tôn Hoài Vương lên làm Nghĩa Đế, dời sang Giang Nam.

Tây Sở Bá Vương phong cho Bái Công (Lưu Bang) làm Hán Vương, đóng đô ở Nam Trịnh, cai trị 41 huyện

Bái Công lòng bối rối không an. Chư tướng thấy vậy hậm hực nói:

- Hán Trung là đất nhà Tần dùng để dày tội nhân, nay Bá Vương phong chúa công vào trấn nơi đó, chẳng khác nào muốn giam lỏng. Ấy là mưu Phạm Tăng muốn hại chúa công đó.

Phàn Khoái nổi giận nói:

- Phạm Tăng khi chúng ta thái quá. Tôi xin liều chết đem thân chống lại, quyết không nghe lời Bá Vương.

Bái Công cũng tỏ ý hần học:

- Công ta rất lớn, diệt nhà Tần, thâu đất Quang Trung, lẽ ra phải được làm vua nước Tần, đóng đô ở Hàm Dương mới đáng, sao bị dày vào nơi lam sơn chướng khí, bốn bề núi non, rừng rậm, chịu sao nổi được.

Tiêu Hà vội can:

- Làm vua ở Hán Trung tuy xấu nhưng còn hơn mất cả sự nghiệp! Chịu khuất một người mà thu được thiên hạ, đó là gương vua Thang, vua Vũ đời xưa vậy. Xin đại vương cứ vào Hán Trung, tích thảo đồn lương, chiêu hiền đãi sĩ, lấy Ba Thục làm căn cứ, mộ thêm quân. Ngày kia kéo ra đánh Tam Tần, thì làm gì chẳng thu được thiên hạ?

Trương Lương cũng nói:

- Thục tuy là tội địa nhưng trong có núi non hiểm trở, ngoài có sông ngòi bao quanh, tiến thì có thể chiếm được thiên hạ, lui thì có thể giữ được biên cương. Đó

thực là chỗ đất dụng võ. Đại vương nên vui lòng nhận lấy. Nếu tỏ ý bất mãn tất Bá Vương tìm cách ám hại. Hơn nữa Phạm Tăng là kẻ mưu sâu ta không nên chống đối.

Hán Vương (Lưu Bang) búi ngùi nghe theo và nói:

- Nếu không có tiên sinh giải bày tôi đã làm việc lớn.

Lịch Tự Cơ nói:

- Chúng ta vào Hán Trung có ba điều lợi: Thứ nhất, đất Thục hiểm trở, xa cách Trung Nguyên, không ai rõ được thực hư. Thứ nhì, trong lúc Đại Vương có công bị Bá Vương bạc đãi, tất lòng dân mến chuộng. Thứ ba, chúng ta có đủ thời giờ, hoàn cảnh để tạo lấy thời thế. Có ba điều lợi như thế lo gì không gồm thâu được thiên hạ sau này.

Hán Vương mừng rỡ liền chọn ngày lành khởi hành.

10. Liệu địch như thần

“Ngồi một chỗ mà nắm biết mọi chuyện trong thiên hạ.”

Bậc đại trí có thể thông qua những diễn biến phức tạp, chằng chịt, thông qua các hiện tượng mà nhận biết phương hướng hành động thật sự của đối phương.

“Khổng Minh đoán chắc Tào Tháo sẽ thất bại trận Xích Bích nên bố trí mai phục ở các đường rút lui của Tháo.

Các tướng ai cũng được Khổng Minh giao nhiệm vụ, chỉ có Quan Vân Trường không thấy Khổng Minh nói động đến câu gì.

Vân Trường không sao nhịn được, mới nói to lên rằng:

- Tôi từ khi theo anh tôi, đánh dẹp trải bao nhiêu trận mạc, chưa bao giờ tôi phải lùi lại sau. Nay gặp đám giặc to thế này, quân sư không sai gì đến tôi, là ý làm sao?

Khổng Minh cười mà nói rằng:

- Vân Trường đừng giận, tôi muốn nhờ tướng quân giữ cho một chỗ hiểm yếu, nhưng còn hơi ngại một chút, chưa dám phiền đến.

- Có điều gì? Xin quân sư cho tôi được biết.

- Khi xưa Tào Tháo đãi tướng quân hậu lắm, thế nào tướng quân chẳng còn nhớ ơn. Nay Tào Tháo thua trận, tất chạy qua đường Hoa Dung. Nếu để tướng quân ra

chặn ở đó, tất nhiên tha mất Tào Tháo. Bởi thế chưa dám nhờ tướng quân việc ấy.

- Quân Sư nghĩ thế thực hảo tâm lắm. Khi xưa tuy tôi có đội ơn Tào Tháo, nhưng tôi đã chém Nhan Lương, Văn Sứ để báo ơn rồi. Nay phỏng có gặp nhau, có đâu tôi dám tha được?

- Nếu tướng quân tha thì làm sao?

- Xin chịu tội chết.

- Có phải thế thì lập tức làm tờ cam kết mới xong.

Vân Trường xin ký tờ cam kết, rồi hỏi lại rằng:

- Nếu Tào Tháo không chạy qua đường ấy, thì quân sư dạy làm sao?

- Tôi cũng làm tờ cam kết cùng tướng quân.

Vân Trường mừng rỡ lắm. Khổng Minh lại bảo rằng:

- Tướng quân nên tìm trái núi nào cao ở trong đường Hoa Dung, chứa cỏ đốt lửa lên, để nhử Tào Tháo đến.

Vân Trường nói:

- Tào Tháo thấy khói lửa, biết có quân phục, làm sao y lại đến?

Khổng Minh cười mà rằng:

- Tướng quân không nhớ trong binh pháp có câu “*hư hư thực thực*” đó sao? Tháo tuy giỏi nhưng có thể mới đánh lừa được nó. Nó trông thấy lửa, tất cho là ta giả dạng phục binh mà lừa nó, quyết nhiên nó đi đến không sai. Tướng quân phải cứ thế mới được.

Vân Trường lãnh mệnh dẫn Châu Xương, Quan Bình và 500 quân ra đường Hoa Dung mai phục.

Huyền Đức nói nhỏ với Khổng Minh rằng:

- Em tôi nghĩa khí trọng lắm, Tào Tháo như quả có đi qua đó, chỉ sợ y lại tha mất đi thì làm thế nào?

Khổng Minh thưa:

- Tôi xem thiên văn, biết rằng số Tào Tháo chưa chết. Vậy mới để việc ấy cho Vân Trường làm, cũng là một việc hay.

Huyền Đức bấy giờ mới biết ý là thế, rồi cùng sang cả Phàn Khẫu để xem Chu Du đánh trận, để Tôn Kiên, Giản Ung ở lại giữ thành.

Quả nhiên Tào Tháo thua trận đã chạy ra đường Hoa Dung. Đến chỗ ngã ba, phân vân chưa biết chạy theo ngã nào thì chợt từ xa thấy trên núi có khói bốc lên. Tháo liền chỉ tay bảo chạy theo hướng ấy. Các tướng đều ngạc nhiên, hỏi:

- Khói lửa ở đó, tất có phục binh, sao lại chạy theo lối ấy?

Tào Tháo cả cười, nói:

- Khổng Minh dùng binh như thần, khi nào lại đã phục binh mà còn đốt lửa cho người ta biết? Ấy là kế nghi binh. Nếu ta đi đường ấy ắt là an toàn.

Đi được vài dặm đường, đến một chỗ hiểm yếu, Tháo đang ngồi trên ngựa bỗng dừng lại cười sảng sặc lên. Các tướng hỏi thì Tháo nói rằng:

- Người ta khen Chu Du, Gia Cát Lượng lắm mưu nhiều kế, nhưng ta coi ra thì vẫn là chưa giỏi. Nếu họ phục sẵn một toán quân ở đây, thì chúng ta đành phải đứng khoanh tay mà chịu trời cả.

Đang nói thì lại nghe thấy tiếng pháo lệnh ở đâu nổ lên ùng ùng, rồi có 500 quân kéo ra. Một viên đại tướng cầm Thanh long đao, cưỡi ngựa xích thố, xông đến chặn ngang đường đi.

Ấy là Quan Vân Trường thực hiện đúng như lời dặn của Khổng Minh, bố trí quân lính nơi chỗ hiểm lộ này rồi đốt lửa lên mà như Tào Tháo đến.

Quân Tào thấy vậy người nào người nấy xanh mặt, đứng nhìn nhau không biết làm thế nào. Tháo bảo các tướng rằng:

- Đã đến nước này, chỉ còn một cái chết mà thôi. Vậy phải liều mà quyết một trận tử chiến, nhất sống nhì chết, chớ không mưu mẹo nào hơn nữa.

Các tướng nói:

- Người tuy rằng còn có thể địch được, nhưng ngựa thì đã hết sức rồi, còn đánh làm sao được nữa!

Trình Dục nói:

- Tôi vẫn biết Vân Trường là người nghĩa khí, ngạo người trên, mà không thêm khinh người dưới, chê người khỏe mà không thể hiếp người yếu. Ân oán phân minh, tín nghĩa rõ ràng. Thừa tướng khi xưa có ân tình với ông ấy, nay ngài phải hạ mình mà kêu cầu với y, thì họa may mới thoát được nạn này.

Tào Tháo nghe lời ấy, tể ngựa ra trước, rồi chào hỏi rằng:

- Tướng quân lâu nay mạnh khỏe chứ?

Vân Trường cũng chào rồi nói rằng:

- Tôi phụng mệnh quân sư, ở đội thừa tướng nơi đây đã lâu.

Tháo nói:

- Tháo tôi bị thua trận, thế đã nguy khốn lắm, đến đây lại không có đường nào mà chạy. Xin tướng quân nghĩ đến tình nghĩa khi xưa.

- Tôi tuy đội ơn Thừa Tướng khi trước, nhưng đã chém Nhan Lương, Văn Sú và đánh giải vây Bạch Mã để báo ơn thừa tướng rồi. Việc hôm nay là việc người trên sai, tôi đâu dám vì chút tình riêng mà bỏ việc công cho được.

- Thế tướng quân còn nhớ chuyện chém tướng năm cửa ải hay không? Đại trượng phu cốt phải trọng điều tín nghĩa. Tướng quân đã xem sách Xuân Thu, không biết việc Dữu Công Chi Tư, đuổi theo Tử Trắc Nhụ Tử đó sao?

Vân Trường xưa nay vẫn là người trọng nghĩa, nhớ đến tình nghĩa khi xưa Tào Tháo đãi mình rất hậu, cùng là tặng áo tặng vàng lúc ra khỏi năm cửa ải. Nghe thấy Tháo nói cũng động lòng. Vả lại thấy quân Tào Tháo đưa nào cũng rơm rớm nước mắt, đứng run lập cập, lại càng thương mà không nỡ giết. Bởi thế quay ngay đầu ngựa về, rõ ràng cố ý tha cho Tào Tháo.

Vân Trường quay ngựa lại thì Tào Tháo đã chạy xa mất rồi. Mới quát to lên một tiếng. Quân sĩ của Tào Tháo đều xuống cả ngựa, lạy thụp sát đất, sụt sùi khóc lóc. Vân Trường lại càng thương xót lắm. Giữa lúc ấy Trương Liêu ở mặt sau tể ngựa đến. Vân Trường lại động lòng bạn cũ, không biết nói làm sao, chỉ thở dài một tiếng, rồi tha tuốt cho quân sĩ đi cả.

Khổng Minh ở trong trướng mà biết Tào Tháo sẽ chạy ra ngã đường Hoa Dung, biết Quan Vân Trường tất tha Tào Tháo, biết số mệnh Tào Tháo chưa chết nên mới để Vân Trường có dịp đền ơn Tào Tháo. Thật là liệu địch như thần vậy.

11. Nhìn xa trông rộng

“Bậc đại trí dùng cái mà mọi người không hay biết, cũng dùng cái mà mọi người không nhìn thấy.”

Cái mà mọi người không hay biết, không nhìn thấy, thì chỉ bậc đại trí mới thấy rõ, như vậy gọi là biết nhìn xa trông rộng.

“Trương Lương bái biệt Hán Vương trở lại Trung Nguyên. Hán Vương tiễn đưa mấy dặm đường mới trở về, bỗng phía sau có tiếng kêu la ầm ỉ, và ngọn lửa cháy ngất trời, lan ra hơn ba mươi dặm. Hỏi ra mới biết Trương Lương đốt Sạn đạo^[8] rồi.

Hán Vương thất kinh, ngược mặt lên trời than:

- Ôi chao! Trương Lương đã trở về còn nhẫn tâm đốt sạn đạo là cố ý giam lỏng chúng ta nơi đây, trọn đời bỏ xương trong núi thẳm rồi.

Quân sĩ cũng đều nhao nhao chửi mắng Trương Lương và nói:

- Trời ơi! Thế là chúng ta đành sống làm mọi nơi xứ Hán Vương, để rồi chết làm quỷ ở nơi hoang vu này, chứ còn đường sá đâu mà mong trở về nữa!

Đang lúc ba quân huyên náo, Tiêu Hà chạy lại nói nhỏ với Hán Vương:

- Xin Đại Vương chớ oán Trương Lương. Sở dĩ Trương Lương đốt sạn đạo là để cho Bá Vương không còn để ý đến ta nữa. Quân tướng Tam Tần ăn no ngủ kỹ không đề phòng, xin Đại Vương xét lại. Hơn nữa, Lương đã đốt con đường này ắt biết là còn có đường khác.

Hán Vương sức tĩnh, thở hào hển nói:

- Nếu không có nhà ngươi, ta đã hiểu lầm mà oán trách người hiền.”

12. Mưu thâm thích hợp

“Phàm theo hay bỏ, thuận hay nghịch, phải tùy hoàn cảnh. Hợp ở mưu, ắt thành ở sự. Bỏ ta theo người, bỏ người theo ta, ấy là do mưu thuật có toàn vẹn hay không.”

Dùng thiên hạ có mưu kế này, dùng một nước có mưu kế khác. Dùng một phái có mưu kế nọ, dùng một người có cách dùng riêng. Lớn, nhỏ, tiến thoái... đều phải có cách thích hợp. Xưa nay kẻ giỏi xoay trở, theo hay bỏ, giúp được bốn biển, chi phối được chư hầu đều trải qua lắm phen chuyển hóa theo hay bỏ, mới tìm ra chỗ

thích hợp. Cho nên Y Doãn mấy bận theo vua Thang, mấy bận theo vua Kiệt, cuối cùng mới theo vua Thang. Lã Vọng ba lần theo Văn Vương, ba lần nhập điện, vẫn chưa thật rõ, cuối cùng mới hợp với Văn Vương.

“Trương Lương từ giã Hàn Vương đi với Lịch Sinh đến yết kiến Bái Công (Lưu Bang). Dọc đường Lịch Sinh nghĩ thầm:

- Trương Lương đã trúng kế ta rồi.

Còn Trương Lương thì mỉm cười, tự nghĩ:

- Ý Lịch Sinh đến đây cốt mượn ta chớ đâu phải mượn lương. Ta đi đây cốt để xem thử Bái Công đãi người như thế nào.

Bái Công vốn đã bàn mưu với Lịch Sinh nên sắp xếp sẵn sàng đợi Trương Lương. Khi được tin, Bái Công sai Phàn Khoái ra đón rước.

Thoạt nhìn Phàn Khoái, Trương Lương nghĩ thầm:

- Người này quả là một bậc khai quốc công thần.

Khi vào đến cửa, Bái Công lại dẫn Tiêu Hà, Tào Tham ra tiếp đón.

Trương Lương thấy Bái Công mũi lớn, mặt rộng, thật đáng là vị an bang chân mệnh, còn bọn Tiêu Hà mày ngài hàm én trông đúng là những bậc anh hùng cái thế, lòng mừng thầm:

- Có minh quân tất có tôi hiền. Ta đi chuyến này thật là gặp dịp. Xưa thầy ta là Hoàng Thạch Công bảo ta sau này phò thánh quân lưu danh vạn cổ, thế thì đây là nơi dung thân rồi.

Nghĩ vậy, liền đến vái lạy Bái Công và nói:

- Nay Minh Công đem quân đánh Tần, đi đến đâu trăm họ cung đón đầy đủ, lương thực ê chề, có sao lại nghe lời anh cuồng sĩ đến nước tôi mượn lương? Hay là Minh Công muốn mượn Lương tôi đến giúp việc chăng?

Bái Công nghe Trương Lương nói thất kinh, không biết trả lời thế nào.

Tiêu Hà vội đỡ lời:

- Chúa tôi lấy cố mượn quân lương, nhưng kỳ thực là muốn mượn Trương Lương đó. Còn Tiên sinh lại đây yết kiến chúa tôi để thuyết khách. Tuy nhiên, tiên sinh lại không dờ giọng thuyết khách, có lẽ tiên sinh thấy chúa tôi có thể giúp tiên sinh thỏa chí bình sinh chăng?

Trương Lương nghe Tiêu Hà nói, chắp tay xá một cái và nói:

- Tâm can tôi, tức hạ đã thấu rõ, tôi không dám chối, xin đem thân giúp Minh Công. Song phải trở về tâu lại với Hàn Vương tôi đã rồi mới dám tùy hành.

Bái Công mừng rỡ, mở tiệc tiếp đãi Trương Lương rất ân cần.

Hôm sau, Bái Công cùng đi với Trương Lương qua Hàn Thành. Hàn Vương được tin, dẫn bá quan ra nghênh tiếp. Hàn Vương nói:

- Tiểu quốc tôi mới lập, thực còn nghèo lắm, không lấy gì giúp đỡ tức hạ được. Vừa rồi tôi có sai Trương Lương đến cáo lỗi, chẳng hay tức hạ có niệm tình chăng?

Bái Công nói:

- Điện hạ không có lương, tôi đâu dám nài ép. Nay tôi đem quân đánh Tần, nghe Tử Phòng là người hiền, vậy xin mượn Tử Phòng ít lâu, sớm tối bàn việc quân cơ, chớ lúc diệt Tần xong sẽ giao trả lại.

Hàn Vương nói:

- Trương Lương với tôi không thể xa rời được một chốc, nay tướng quân vì việc chung của thiên hạ mà mượn, tôi cũng vui lòng. Song sau khi thành công phải trả lại, chớ sai ước.

Bái Công vâng lời, bái tạ Hàn Vương rồi cùng Trương Lương trở về dinh.

Từ đó, Bái Công với Trương Lương ăn cùng mâm, ngồi cùng chiếu, đêm ngày bàn việc lớn trong thiên hạ. Trương Lương đem cái sách lược thao, tam lược nói cho Bái Công nghe. Bái Công nghe đến đâu nhớ đến đấy, không hề thiếu sót chỗ nào. Trương Lương khâm phục, nhủ thầm:

- Từ khi Hoàng Thạch Công cho ta quyển sách này, ta giảng cho ai nghe cũng lơ mờ không hiểu nổi, thế mà Bái Công chỉ nghe qua đã tinh tường, không sót một nghĩa, thật là kẻ thông minh đáng vì chân chúa.”

13. Đột phá yếu điểm

“Từ ngoài chế ngự bên trong, sự việc có điểm cốt lõi, phải nhắm vào đó.”

Muốn khống chế nội tâm kẻ khác, phải nắm chắc đâu là điểm mấu chốt, đâu là chỗ yếu mà chĩa mũi nhọn vào đó.

“Vua tôi Hán Vương đóng quân ở Cổ Lăng là một thành nhỏ, bị quân Hạng Vũ vây đánh rất gấp, nên phải rút chạy về Thành Cao.

Hán Vương nói:

- Nếu đến Thành Cao, quân Sở lại kéo đến vây nữa thì biết làm thế nào?

Trương Lương nói:

- Việc ấy không lo. Quân ta về Thành Cao độ ba ngày, quân Sở ắt phải lui.

Hán Vương hỏi:

- Tiên sinh có kế gì lui được quân Sở?

Trương Lương tâu:

- Quân Sở chiến đấu cũng không thể giữ nổi được đất, vì đường vận lương từ Bành Thành đến đây rất khó khăn. Vả lại, vừa rồi tôi được tin Bành Việt đem quân chặn đường vận lương của Sở. Muốn chắc ý tôi lại sai hai tướng Trương Thương và Trang Tà lên đốt kho lương của Sở rồi. Vì vậy chẳng bao lâu quân Sở phải kéo về.

Hán Vương nghe nói an lòng truyền quân mã thẳng đường đến Thành Cao.

Sang hôm sau, Hạng Vương được tin quân Hán bỏ Cổ Lăng, về Thành Cao, liền đốc quân đến vây.

Sau ba ngày công phá, bỗng có Chung Ly Muội và Quý Bố chạy đến báo:

- Hôm nay trong quân bị thiếu lương, vừa rồi lại có tin kho lương Liễu Thôn bị quân Hán cướp đốt rồi. Nếu nay mai Hàn Tín kéo quân đến đây, quân ta không thể nào rút lui được, ắt phải chết đói.

Hạng Vương nói:

- Ta đã lo việc thiếu lương thực. Nay Kho Liễu Thôn bị đốt thì còn đóng quân ở đây làm sao được.

Liên truyền lệnh rút quân về, sai Hoàn Sở, Ngưu Tử Kỳ đi đoạn hậu đề phòng quân Hán đuổi theo.

Ba quân lớn nhỏ đang lúc lo thiếu lương, chờ có lệnh giải binh, tức thời như gió cuốn mây bay, chưa đầy nửa ngày đã rút về hết sạch.

14. Tam giáo cửu lưu

“Tìm kiếm nhân tài, phải tìm khắp gần xa, phải có những người tài về từng phương diện, để khi cần sẽ sử dụng.”

Một người muốn dựng nghiệp lớn, phải chiêu nạp được nhiều người có tài năng.

“Tử Nghiêm là người nước Trịnh, rất biết chọn và dùng người. Công Tôn Huy

am tường tình hình bốn nước. Tỳ Thâm giỏi bày mưu. Phùng Giản Tử có tài phán đoán đại sự. Tử Đại Thúc văn hay chữ tốt. Gặp sự việc liên quan giữa các nước, Tử Nghiêm hỏi Công Tôn Huy, sau đó bàn mưu kế với Tỳ Thâm, đoạn để Phùng Giản Tử phán đoán khả năng diễn biến. Sau khi xong việc, để Tử Đại Thúc soạn lời văn ứng đối với quan khách các nước.”

15. Thay cũ đổi mới

“Uốn lượn thì toàn vẹn, cong ắt sẽ qua, đầy ắt tràn, rách nát ắt đổi mới, ít rồi đủ, nhiều ắt giảm.”

Thay cũ đổi mới là qui luật phát triển của vạn vật trong vũ trụ. Song sáng tạo cái mới bao giờ cũng đều dựa trên cơ sở truyền thống sẵn có. Không kế thừa truyền thống thì đừng nói gì đến sáng tạo cái mới. Phải hiểu thấu đáo truyền thống, mới có thể tiếp nhận tinh hoa và gạt bỏ cặn bã, từ đó mà phát huy thêm tinh hoa của truyền thống.

16. Xử lý linh hoạt

“Lợi hay thiệt, được hay mất, nhiều hay ít, đều dùng âm dương chế ngự. Dương động mà vận hành, âm tĩnh mà thu tàng. Dương động mà hiện ra, âm theo mà nhập vào. Dương cực sinh âm, âm cực sinh dương.”

Vạn vật trong thiên hạ luôn luôn thay đổi. Khí hậu có bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông luôn thay đổi. Đời người có sống chết. Đủ thấy biến đổi là qui luật phát triển của vạn vật. Ta phải linh hoạt chứ không máy móc xử lý sự việc, mới có thể thắng không kiêu bại không nản.

17. Thiên địa vô thường

“Trời đất luôn thay đổi, há có gì trường cửu.”

Một cái lý chung xuyên suốt giữa trời và người. Khí trời luôn đổi, nhân sự làm sao bất biến. Một người chỉ một mực theo đuổi truyền thống mà không đổi mới, ắt sẽ bị lạc hậu so với thời cuộc.

18. Nhỏ mà thấy lớn

“Quan sát sự việc, luận về vạn sự, chớ tranh hơn thua. Phải biết nhìn cái tuy

nhỏ, mà thấy nó lớn lao.”

Người thông minh không chỉ căn cứ vào triệu chứng nhỏ bé mà còn biết nó tiềm ẩn sự kiện trọng đại.

Đừng xem thường đóm lửa nhỏ, nếu có điều kiện, môi trường thích hợp nó sẽ gây nên đám cháy lớn hoặc hỏa hoạn.

19. Ứng địch hành động

“Tùy động mà ứng, việc gì cũng xong.”

Ứng nghĩa là chuyển động sau người, bất đắc dĩ mới động. Ứng đây không phải là thái độ tiêu cực, bất đề kháng, mà là dùng “vô vi” để đạt tới cảnh giới “vô bất vi”. Một người nếu ở đâu cũng hiếu thắng, tranh giành hơn thua, thì thể lực và tinh thần sẽ bị hao tổn rất nhanh, tuổi thọ chẳng thể lâu bền. Ngược lại, nếu hiểu rõ lẽ “*ứng địch nhi động*” thì sẽ không vọng động một cách khinh suất, mà không ngừng rèn luyện thể lực và ý chí, đến khi hoàn toàn có khả năng thắng địch mới hành động. Không làm thì thôi, đã làm thì không gì cản nổi. Đã đánh là thắng.

20. Trói buộc chi phối

“Lập thế tạo thế, phải quan sát, nghe ngóng, xác định mức độ, khả năng của người và việc mà định kế an nguy.”

Xem thiên thời thịnh suy, địa hình rộng hẹp của các nước, tài sản của dân chúng, quan hệ giữa các chư hầu mà dùng thiên hạ. Xem tài năng, khí thế, sức vóc mà dùng người. Xem cái gì, người nào cần giấu giếm hay phô bày, cần dung nạp hay mời chào. Xem đông tây, ngó nam bắc, rồi dùng mọi biện pháp khả dĩ chi phối, trói buộc một cá nhân, một tập đoàn hay một nước phải làm theo ý muốn của ta mà không thể làm khác.

21. Lấy tĩnh chế động

“Trong tự nhiên, giống cái thường lấy tĩnh thắng giống đực, giống cái lấy tĩnh nên ở dưới.”

Hoàn cảnh luôn biến động, nhân sự thường có đua tranh hơn kém. Trong cuộc đua tranh, phải bình tĩnh thì mới giữ được tỉnh táo, không bị mê loạn về thân chí. Phàm người cứng rắn gặp kẻ cứng rắn thì sẽ tranh chấp không ngừng nhưng gặp người nhu hòa thì lại trở nên nhu hòa. Cho nên mới có câu “*lạt mềm buộc chặt*”. Kẻ cứng rắn rất dễ bộc lộ chỗ yếu, ta chỉ cần bình tĩnh quan sát, đợi khi chỗ yếu ấy lộ ra, ắt sẽ chế ngự được.

22. Ăn náu chờ thời

“Dụng chi hữu đạo, dụng chi tất ẩn.”

Lại nói: *“Có đạo của tiên vương, có mưu của thánh trí, thầy đều không lộ liễu.”*

Người thông tuệ thường thường ít bộc lộ sở trường của mình ở tất cả mọi nơi mà luôn luôn nhường nhịn người khác. Nhưng sự ẩn giấu này chỉ là để chờ thời cơ chín muồi sẽ hiển lộ.

23. Đôi vai chủ khách

“Mạnh tích tụ từ yếu, có tích tụ từ không. Yếu muốn thắng mạnh, mềm muốn thắng cứng, phải tích yếu tích mềm.”

So sánh thế giữa chủ và khách để đổi vai chủ khách, đó là cả một nghệ thuật.

“Đời Xuân Thu, tướng nhà Tần là Mạnh Minh xuất quân đánh úp nước Trịnh, ý muốn thừa cơ nước Trịnh không chuẩn bị.

Tại nước Trịnh có người buôn trâu bò tên là Huyền Cao, ngày hôm ấy mang một đàn cả mấy trăm con đi bán. Đi đến đất Lê Dương thì gặp bạn là Kiến Tha vừa ở nước Tần về, Huyền Cao mới hỏi tin tức nước Tần có gì mới lạ. Kiến Tha nói mới nghe tin nước Tần đang sửa soạn tấn công nước Trịnh, chắc chỉ vài ngày nữa là quan quân họ đến nơi.

Huyền Cao sợ hãi quá, nghĩ bụng:

- Nước Trịnh là tổ quốc ta, một sớm diệt vong thì ta sẽ chỉ là tên vong quốc nô.

Nghĩ thế nên trong lòng nảy sinh một kế. Huyền Cao từ biệt Kiến Tha, vội vã báo tin về nước Trịnh. Mặt khác lại lựa ra hai mươi con trâu mập, một mình ra nghênh đón quân Tần, ý muốn khao thưởng quân sĩ.

Đi đến Diên Tân thì Huyền Cao gặp quân Tần. Huyền Cao cất cao giọng gọi to:

- Sứ thần nước Trịnh ở đây, muốn xin gặp chủ soái.

Quân tiên phong của Tần báo về cho chủ soái biết. Mạnh Minh thất kinh, không hiểu tại sao nước Trịnh biết tin sớm vậy, mới truyền gọi Huyền Cao và tiếp kiến.

Huyền Cao gặp Mạnh Minh rồi, giả ra cách rằng mình được vua Trịnh cho ra đây, nói rằng:

- Nước chúng tôi hay tin tướng quân mang quân tới nên mới phái tôi làm sứ thần ra đại diện khao thưởng quân sĩ.

Mạnh Minh hỏi:

- Ra khao thưởng quân sĩ, tại sao không có thư tín gì?

Huyền Cao đáp:

- Tướng quân phát xuất từ ngày Bính Tuất tháng mười hai. Thời gian quá cấp bách cho nên thư chưa đến kịp.

Mạnh Minh chợt nghĩ thầm:

- Nó biết cả ngày mình xuất quân thì còn làm ăn gì được nữa!

Nghĩ rồi, Mạnh Minh tươi cười nói với Huyền Cao:

- Chúng tôi xuất binh kỳ này không phải đến nước Trịnh mà là đến nơi khác, phiến ông về tạ vua Trịnh.

24. Dương mưu, âm mưu

“Mưu kế trí lược mỗi cái có hình dạng của nó, hoặc vuông hoặc tròn, hoặc âm hoặc dương.”

Mưu kế có âm mưu và dương mưu. Trong bất kỳ tình huống nào đều không được coi thường đối phương bởi vì có những sự việc giả mà đối phương cố ý tạo ra, có những hoàn cảnh giả mà đối phương cố ý tạo ra. Tình báo cũng có tình báo giả. Cho nên phải làm cho đối phương không thể dò biết thực hư, như nhà buôn phải giấu kín như không có gì. Âm mưu ở đây không phải là thứ thủ đoạn của kẻ tiểu nhân, mà là âm mưu của thánh nhân. Mưu việc ở âm mà thành sự ở dương. Mục đích là nhằm làm cho dân giàu nước mạnh. Cho nên Quĩ Cốc Tử nói: Thánh nhân mưu ở âm nên gọi là thần, thành ở dương nên gọi là minh, chủ sự thành tức là tích đức vậy.

25. Xoay chuyển càn khôn

“Giữ vững ý chí, tinh thần, thì sẽ có uy lực. Có uy lực, ắt bên trong mạnh; bên trong mạnh, thì không ai địch nổi.”

Quĩ Cốc Tử cho rằng: khi tình thế bất lợi cho ta, ta phải dùng trăm phương nghìn kế để hàm dưỡng sức mạnh tinh thần, vì chỉ khi nào sức mạnh tinh thần của ta hùng hậu thì mới có thể xoay chuyển càn khôn.

26. Giành hết thiên cơ

“Thánh nhân ở giữa trời đất, lập thân tạo nghiệp, lên tiếng, tuyên truyền đều phải quan sát tượng trời để chớp đúng thời cơ.”

Một người cao minh trước sự biến đổi mau lẹ của sự vật, sẽ biết nắm lấy thời cơ, vận hội một cách kịp thời mà thực thi hoặc điều chỉnh kế hoạch của mình.

27. Không màng danh lợi

“Bậc chân nhân hợp với đạo trời. Một người trải qua tu luyện lâu dài, đạt tới cảnh giới thoát tục thì gọi là chân nhân.”

Người ta sinh ra, hầu như ban đầu chẳng khác nhau là mấy. Chỉ sau đó, do môi trường hoàn cảnh khác nhau, do sự tu luyện nhiều ít mà thành những hạng người khác nhau.

Người nào chìm đắm trong danh lợi ắt chuốt họa sát thân. Người nào gác bỏ danh lợi thế tục sẽ thanh thản sung sướng.

“Trương Lương cáo bệnh, ngồi nơi tư dinh suốt ngày tịch cốc. Hễ có ai đến chơi, Trương Lương lại nói:

- Đời người chẳng khác nào bóng câu qua cửa sổ, trăm năm chỉ là một cái chớp mắt thì công danh phú quý mà chi. Tôi muốn vào núi tầm tiên học đạo, tìm kế trường sinh, thoát vòng danh lợi, nhưng vì hoàng thượng quá trọng hậu tôi nên tôi chưa nỡ rời.

Hán Đế thấy Trương Lương không vào chầu, lòng nghi hoặc, nhưng khi nghe Trương Lương nói câu ấy lấy làm lạ. Một hôm cho vời Trương Lương vào dò ý.

- Trẫm từ khi được tiên sinh chẳng khác nào như chim hồng thêm cánh. Nhờ tiên sinh mà trẫm dựng nên nghiệp cả. Ý trẫm muốn lựa một nước lớn phong cho để đền ơn tiên sinh.

Trương Lương nói:

- Thần từ khi theo bệ hạ vào đất Quan Trung, được nhờ hồng phúc của bệ hạ làm nên đôi việc. Tuy nhiên thần là kẻ áo vải, chân không mà được bệ hạ cho làm Lưu hầu, thế cũng đã cao sang lắm rồi, đâu còn dám mong ước gì hơn. Sau khi đã được đội ơn dày của bệ hạ, thần muốn xa lánh nhân gian, theo ông Xích Tùng Tử tu luyện nghiên cứu cái phép tịch cốc làm kế trường sinh, để sống một cuộc đời an nhàn cho thỏa thích.

Hán Đế thấy Trương Lương có ý thành thực và khẩn thiết, bèn chuẩn y cho về dưỡng bệnh, lại truyền mỗi tháng phải một lần vào chầu.

Trương Lương từ đó đóng cửa, không bước chân ra khỏi nhà, ngồi tu tâm dưỡng tánh, mỗi tháng chỉ theo các quan vào chầu một lần. Khi tan chầu chẳng hề bận nghĩ đến điều gì cả.

Một hôm, con Trương Lương là Trương Tích Cường nói với cha:

- Phụ thân suốt đời tận tụy việc nước, công lao rất lớn. Đến lúc nước thịnh dân an, lẽ ra vui hưởng phú quý, sao lại cam chịu khắc khổ?

Trương Lương nói:

- Con có biết đâu được thói đời, leo cao té nặng, càng vinh hoa phú quý càng mang lấy họa vào thân. Hễ ngồi cao thì bị đời ghen ghét, vua sanh lòng ngờ. Cái phú quý ấy chẳng khác nào như phù vân. Sao bằng đem vinh hoa đổi lấy gió mây, tận hưởng cảnh thanh nhàn, không vướng mùi tục lụy.

Tích Cường bái phục, thưa:

- Bây giờ con mới rõ cái tịch cốc của phụ thân tức là phương châm giữ mình vậy.

Sau đó, Trương Lương thường ngao du sơn thủy để hưởng nhàn. Bao nhiêu công thần của Hán Đế, cho đến Hàn Tín là bậc đại chủ soái, về sau cũng đều mang họa diệt thân, duy có Trương Lương là thoát khỏi.

28. Thu phục nhân tâm

“Dùng tâm hệ trọng hơn dùng binh.”

Dùng binh vẫn phải lấy việc dùng tâm làm nguyên tắc cao nhất. Chỉ dùng binh mà không dùng tâm thì rất nguy hiểm. Bởi lẽ dùng binh vốn là để giết địch, nếu ta thất bại địch sẽ giết ta.

Cho nên, dùng binh cũng có thể đem lại hậu quả tự giết mình.

Dùng binh hoàn toàn không chỉ giới hạn ở việc dùng mệnh lệnh hoặc kỷ luật bắt người ta phục tùng, mà còn phải làm cho người ta “tâm phục”.

Lòng người đã phục, thì dù hành động, động tác có thể chệch choạc, song hết thấy đồng lòng như một.

29. Tuyệt đối bí mật

“Giữ kín mưu đồ, sự việc mới thành.”

Một vị thống soái hoặc tướng lĩnh muốn dành thắng lợi phải giữ bí mật tuyệt đối.

“Cuối năm 1788, nạn xâm lược của quân Thanh trở thành nguy cơ trực tiếp và chủ yếu đối với nước ta.

Nhà Thanh huy động một lực lượng bộ binh gồm 20 vạn quân chiến đấu và hàng vạn quân vận chuyển phục dịch, do Tổng đốc lưỡng quảng Tôn Sĩ Nghị làm thống soái.

Ngày 17 tháng 12 quân Thanh chiếm đóng thành Thăng Long. Thu được thắng lợi tương đối dễ dàng, Tôn Sĩ Nghị tỏ ra rất khinh địch và ngạo mạn. Hắn ra lệnh cho quân sĩ tạm thời nghỉ ngơi để chuẩn bị ăn Tết Nguyên Đán và dự định sang xuân sẽ tiếp tục cuộc tiến công. Hắn đóng đại bản doanh ở cung Tây Long (phía đông nam Thăng Long) và bố trí lực lượng thành thế phòng ngự tạm thời.

Ngày 15 tháng 1 năm 1789 (tức ngày 20 tháng Chạp năm Mậu Thân), quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ thống lĩnh họp nhau ở Tam Điệp. Sau khi nghiên cứu tình hình mọi mặt Quang Trung Nguyễn Huệ quyết định mở cuộc tiến công lớn nhằm tiêu diệt nhanh chóng và triệt để toàn bộ lực lượng quân địch. Quân Tây Sơn chia làm năm đạo tiến ra theo những hướng khác nhau tạo thành một thế bao vây chiến lược, dồn quân địch vào tình thế hoàn toàn bị động, bị tiến công dồn dập và bị bao vây tiêu

diệt không cách nào cứu vãn nổi.

Đêm 25 tháng 1 năm 1789, tức đêm 30 Tết, đạo quân chủ lực vượt sông Gián Khẩu (sông Đáy) tiêu diệt đồn tiền tiêu trên hệ thống phòng ngự của địch, mở đầu cuộc tiến công đại phá quân Thanh. Quân Tây Sơn nhanh chóng tiến lên, liên tiếp tiêu diệt các đồn quân Thanh và đuổi theo bắt gọn quân do thám của giặc. Đêm 28 tháng 1, tức đêm mừng 3 tết Kỷ Dậu, quân Tây Sơn bí mật vây chặt đồn Hà Hồi (Thường Tín, Hà Tây) rồi uy hiếp buộc địch đầu hàng. Quân ta tiêu diệt một đồn lũy trọng yếu của địch cách Thăng Long 20 kilômét mà không tốn một mũi tên hòn đạn.

Mờ sáng ngày 30 tức ngày mừng 5 tết, quân ta bước vào trận quyết chiến với địch ở đồn Ngọc Hồi. Đây là một đồn lũy kiên cố giữ vị trí then chốt trong hệ thống phòng ngự của địch, bảo vệ trực tiếp cửa ngõ phía nam Thăng Long.

Trước sức công phá như vũ bão và tinh thần chiến đấu dũng cảm tuyệt vời của quân Tây Sơn, đồn Ngọc Hồi bị san bằng. Một bộ phận quân địch bị tiêu diệt tại trận. Bọn sống sót sau cơn bão lửa khủng khiếp đó bỏ chạy về phía Thăng Long. Nhưng Quang Trung đã bố trí một lực lượng nghi binh chặn đường, buộc chúng phải dẫn thân vào cánh đầm Mực (Thanh Trì, Hà Nội) rộng lớn và lầy lội. Tại đây đạo quân của đô đốc Bảo đã được lệnh lợi dụng địa hình, bố trí sẵn một trận địa để tiêu diệt bọn tàn quân Thanh. Hàng vạn quân giặc bị vùi xác dưới cánh đầm đó.

Bằng trận Ngọc Hồi _ đầm Mực, quân Tây Sơn đã tiêu diệt toàn bộ quân Thanh và bộ chỉ huy của chúng tại cứ điểm then chốt nhất, đập tan hệ thống phòng ngự của địch và mở toang cửa ngõ tiến về giải phóng thành Thăng Long.

Cũng vào mờ sáng ngày 30 tháng 1, đạo quân của đô đốc Long bất ngờ bao vây tiêu diệt đồn Khương Thượng (Đống Đa, Hà Nội) ở phía Tây Nam thành Thăng Long.

Tại đại bản doanh, Tôn Sĩ Nghị đang lo lắng theo dõi mặt trận phía nam để sẵn sàng điều quân đi cứu viện. Bỗng nhiên hắn được tin cấp báo đồn Khương Thượng bị tiêu diệt. Hắn đang hoảng hốt chưa kịp đối phó thì đạo quân của đô đốc Long đã tràn vào thành Thăng Long và như một mũi dao nhọn, đang lao thẳng về phía đại bản doanh của hắn. Hắn khiếp sợ đến nỗi không kịp mặc áo giáp và đóng yên ngựa, vội vàng cùng với đám kỵ binh hậu cần vượt cầu phao tháo chạy trước hết. Quân Thanh tan vỡ tranh nhau tìm đường chạy trốn. Tôn Sĩ Nghị ra lệnh cắt cầu phao để cản đường truy kích của quân Tây Sơn. Do hành động tàn nhẫn của hắn hàng vạn quân Thanh bị bỏ xác dưới sông Hồng.

Sáng 30 tháng 1, đạo quân của Đô đốc Long tiến vào giải phóng thành Thăng

Long. Trưa hôm đó Quang Trung và đạo quân chủ lực tiến vào kinh thành giữa sự hoan hô đón chào của nhân dân. Chiến bào của người anh hùng “áo vải” hôm đó nhuộm đen khói súng của những ngày đêm chiến đấu ác liệt. Lá cờ đã từng giương cao từ những ngày đầu khởi nghĩa, tung bay theo bước đường thắng lợi của nghĩa quân, nay lại dẫn đầu đoàn quân chiến thắng tiến vào giải phóng kinh thành.

30. Sử dụng gián điệp

“Con giấu trước khi vỗ mồi, giấu mình rồi mới xông ra. Muốn hành động, hãy dùng gián điệp trước đã.”

Người khôn ngoan chẳng những giỏi dùng binh trên chiến trường, mà còn biết cài gián điệp vào hàng ngũ đối phương để hoạt động.

“Thời chiến quốc, Nhạc Nghị làm tướng nước Yên, cử đại binh đánh nước Tề, nửa năm trời hạ bảy mươi hai thành của Tề. Chỉ còn lại một Lư thành. Nhạc Nghị muốn thu phục nhân tâm nên không dùng sức mạnh sát phạt mà hạ thành này.

Lúc ấy tướng của nước Tề là Điền Đan. Ít lâu sau, Yên Chiêu Vương ngộ thuốc bị chết, thái tử Lạc lên ngôi làm Yên Huệ Vương. Điền Đan biết tình hình như vậy, rõ cái lo nội tâm của Nhạc Nghị, liền phái gián điệp sang nước Yên thi hành kế phản gián.

Gián điệp sang đến nơi, phao đồn âm i rằng sở dĩ Nhạc Nghị án binh bất động là có ý muốn làm vua nước Tề. Yên Huệ Vương nghe vậy sinh lòng nghi ngờ Nhạc Nghị, bãi chức Nhạc Nghị cho Kỵ Kiếp lên thay. Nhạc Nghị sợ tội trốn sang nước Triệu. Nhờ vậy mà Tề thoát nạn.

31. Thủ trước công sau

“Đối phương hùng mạnh, ta tạm lui chờ thời chuyển biến.”

Một quốc gia, một quân đội hùng mạnh sẽ có lúc sơ hở, suy yếu. Một quốc gia, quân đội ít yếu, nếu biết tích lũy thực lực, nín chờ thời thế, có thể trở nên hùng mạnh. Bấy giờ có thể chuyển từ thế thủ sang thế công.

Danh tướng Việt Nam là Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn nhờ biết thủ trước công sau mà đã ba lần chiến thắng quân Nguyên Mông.

32. Không áp đặt chủ quan

“Chớ áp đặt sở thích của mình cho người.”

Cái mình thích, có thể người không thích; cái mình ghét có thể người lại yêu. Chớ nên suy bụng ta ra bụng người. Cùng một sự việc, hai người sẽ nhìn nhận khác nhau, kẻ cho là lợi, người cho là hại. Nếu chủ quan áp đặt dễ phạm sai lầm, gây hậu quả đáng tiếc.

33. Quyết giữ chính nghĩa

“Bậc quân chủ có đức mạnh mới chiêu mộ được người hiền tài.”

Ta phải là chính đạo, mới thu phục được lòng người theo về.

Tháng 3 năm 40, Trương Trắc cùng em là Trương Nhị phát động khởi nghĩa ở cửa sông Hát, đánh đuổi được quân xâm lược Đông Hán. Đó là vì hai bà Trương có chính nghĩa, đánh đuổi quân xâm lược bảo vệ tổ quốc, giải phóng dân tộc.

34. Mâu thuẫn thống nhất

“Cao mà hóa thấp, lấy mà hóa cho, mất mà hóa được.”

Sự vật bao giờ cũng có hai mặt đối lập nhau. Có những việc bề ngoài tưởng như bất lợi cho ta, thực ra lại hàm chứa ích lợi to lớn đối với ta.

35. Lưu danh muôn thuở

“Bậc hiền sĩ dù đã qua đời, vẫn được mọi người luôn luôn nhắc đến như có tình sâu nghĩa nặng.”

Có những kẻ sống trên đời chỉ biết tranh đoạt danh lợi, tàn sát, hung hãn hơn cả mãnh thú. Có kẻ đạt được danh lợi thì kiêu căng tự mãn, bị tiền của và nữ sắc làm mê muội tâm trí, dù có sung sướng hưởng lạc vài chục năm, nhưng chết đi sẽ để lại tiếng xấu ngàn thu.

36. Ghi công quên lỗi

“Bậc trí giả không dùng sở đoản mà dùng sở trường của người ngu, không chú ý đến lỗi lầm, mà sử dụng công lao của họ, nên không bị khốn.”

Bậc quân chủ đối với quần thần phải khoan dung độ lượng, như thế quần thần mới cảm kích mà đền đáp.

“Sau khi Hán Vương thống nhất đất nước lên ngôi Hoàng Đế đã gia phong hàng loạt cho những người cùng họ Lưu, còn các công thần đều phong tước hầu. Tuy nhiên, những kẻ chưa được thụ phong lao nhao thì thầm bàn tán vì chưa biết số phận mình ra sao.

Hán Vương trông thấy ngạc nhiên hỏi Trương Lương.

Trương Lương nói:

- Bệ hạ dùng các tướng thu thiên hạ. Nay phong thưởng chỉ nhằm vào người thân mà không chú trọng đến kẻ sơ. Do đó, họ lấy làm bất mãn.

Hán Đế nói:

- Sự phong chức phải thăng thình tùy công xét định, biết làm thế nào?

Trương Lương nói:

- Muốn làm an lòng mọi người, bệ hạ nên tìm một người mà hàng ngày bệ hạ ghét nhất phong chức trước đi, để trấn an các tướng.

Hán Đế nói:

- Người ta ghét nhất ai cũng biết là Ung Sĩ.

Nói xong liền xuống chiếu, phong Ung Sĩ chức Thập vạn hầu.

Quần thần hân hoan bàn nhau:

- Ung sĩ mà còn được phong hầu thì bọn mình lo gì bệ hạ bỏ rơi.

Bấy giờ quần thần mới an định.

37. Bốn lạng ngàn cân

“Lượng quyền là gì? Là đo lường lớn nhỏ, xác định nhiều ít.”

Tướng soái phải biết mình biết người, mới có thể dùng sức bốn lạng mà khôn khéo thắng sức ngàn cân.

Thông thường, sức ngàn cân sẽ đè bẹp sức bốn lạng. Nhưng nếu sức bốn lạng thoát tiên khôn khéo né tránh sức ngàn cân, sau đó sẽ giáng đòn, thì hoàn toàn có thể thắng sức ngàn cân.

Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đánh thắng quân xâm lược Nguyên Mông là điển hình cho “sức bốn lạng thắng sức ngàn cân”.

38. Biến không thành có

“Thần đạo hồn thuần vi nhất, dù đạo trời phức tạp đến mấy, cũng có thể suy diễn bất tận.”

Bậc quân chủ hoặc thống soái có thể suy luận ngàn vạn lý lẽ biến hóa trên thế gian để lý giải các bí ẩn vô cùng vô tận.

“Đời chiến quốc, Trương Nghi đệ tử của Quỷ Cốc Tử am tường môn pháp *“Tung hoành thuật”*, cùng với mấy bạn đồng môn đến nước Sở để mưu cầu phú quý.

Ở nước Sở, Trương Nghi và các bạn sống rất cơ cực. Nhiều người than oán Trương Nghi đòi về nhà.

Trương Nghi nói:

- Các chú muốn về vì bấy lâu nay sống chật vật chớ gì? Đừng lo, hãy chờ ít ngày nữa, khi tôi gặp được Sở Vương rồi, nếu chúng ta không no ấm giàu sang, các chú cứ vặn rằng tôi đi.

Lúc ấy, vua Sở đang rất yêu thương hai mỹ nhân là nàng Nam Hựu và nàng Trịnh Tự.

Trương Nghi gặp vua Sở nói:

- Hạ thần đến nước Sở đã lâu mà bệ hạ chẳng giao cho công việc chi làm. Nếu như bệ hạ không muốn nghe những lời nói của hạ thần thì xin cho hạ thần rời nước Sở sang Tần để tìm cơ hội may mắn.

Sở Vương vốn không thích bàn chính trị, chỉ ưa hưởng thụ nên nghe Trương Nghi tâm như thế, trả lời ngay:

- Tốt lắm, ông nên đi ngay đi.

Trương Nghi nói:

- Nhưng hạ thần xin hỏi Đại vương có cần gì ở nước Tần không? Đại Vương ưa thích những đặc sản gì của nước Tần chẳng? Tôi nguyện ra công tìm kiếm để mang về dâng Đại Vương.

Sở Vương lạnh lùng:

- Vàng bạc, châu báu, ngà voi, sừng tê ta đã đủ hết. Nước Tần chẳng còn gì làm ta thèm muốn nữa.

- Đại vương không thích gái đẹp bên ấy sao?

Lời nói, làm mắt Sở Vương sáng hẳn lên, hỏi vội:

- Thế nào? Ông nói thế nào?

- Thưa Đại vương, hạ thần muốn nói đến mỹ nữ nước Tần. Nước Tần xưa nay nổi tiếng là nhiều gái đẹp má hồng da trắng, tóc mây, đi đứng uyển chuyển, nói năng nhẹ nhàng.

Nghe lời Trương Nghi, mắt Sở Vương mờ màng say đắm hình dung về những giai nhân tuyệt sắc. Trương Nghi nói tiếp:

- Đàn bà nước Sở chẳng khác gì như hoa mọc trên cây khô, như trăng bị mây che. Tóc tai như núi, da dẻ thô tháp...

Sở vương ngắt lời:

- Đúng, nước của ta là một nơi hoang dã, mà ta cũng chưa được thấy con gái nước Tần. Nếu không nói thì ta cũng quên mất. Nếu quả thật ông nghĩ đến ta thì hay tìm về cho ta những phẩm vật thật quý giá ấy.

Trương Nghi ngập ngừng thưa:

- Đại vương...

- Khỏi cần nói, ông muốn đề cập đến chi phí tốn kém chứ gì?

Nói xong, Sở Vương sai lấy cho Trương Nghi mấy trăm lạng vàng để tùy nghi sử dụng.

Trương Nghi nhận vàng của Sở vương, cốt để đến tai hai nàng Trịnh Tự và Nam Hậu. Cả hai nghe tin rất lo sợ, vội vã nhờ người đến nói với Trương Nghi:

- Chúng tôi nghe biết vua Sở phái ông qua Tần tìm mua đặc sản, nên có chút tiền đưa đến biếu tặng.

Trương Nghi nhận tiền xong, không còn loan tin tiếp nữa. Lúc lên đường, Trương Nghi vào từ biệt Vua Sở, nói:

- Hạ thần sang Tần lần này, đường sá khó khăn, không biết đến bao giờ mới trở lại. Xin Đại vương thưởng cho một chén rượu để hạ thần được vui lòng.

Sở vương bằng lòng, liền rót rượu mời Trương Nghi. Trương Nghi uống vài chén, mặt mày ửng đỏ, mới giả say tâu với Sở vương:

- Cúi xin Đại Vương một đại ân nữa, là đại vương cho gọi những người mà đại vương sủng hạnh nhất tự tay rót cho hạ thần vài chén rượu để cho hạ thần lấy phước lúc đi đường.

Sở Vương lúc ấy cũng ngà ngà, thấy lời thỉnh cầu ngộ nghĩnh của Trương Nghi, nhân lúc cao hứng bèn cho vời Nam Hậu và Trịnh Tụ rót rượu cho Trương Nghi.

Hai nàng trang điểm cực kỳ đẹp dễ rồi mới lộ diện.

Trương Nghi nhìn hai sủng phi của Sở Vương với vẻ mặt đắm đuối hồi lâu, rồi bỗng quỳ xuống trước mặt Sở Vương tâu rằng:

- Hạ thần đáng tội chết, xin đại vương tha cho. Hạ thần đã lừa dối đại vương. _ Ông nói sao? Ông nói sao?

- Hạ thần lê gót khắp bốn phương trời, thật chưa được trông thấy người nào đẹp như nhị vị vương phi đây. Sở dĩ hạ thần tâu với đại vương cho qua bên nước Tần tìm đặc sản là bởi vì hạ thần chưa được trông thấy dung nhan của hai nàng. Bây giờ sau khi chiêm ngưỡng, hạ thần thấy tội “*khi quân*” của mình đã rành rành đáng chết.

Sở Vương thở dài nhẹ nhõm, nói với Trương Nghi.

- Tưởng chuyện gì! Ta cũng đã rõ từ lâu, trong thiên hạ chẳng có ai đẹp hơn hai nàng sủng phi của ta.

Trịnh Tụ và Nam Hậu cùng đưa mắt nhìn Trương Nghi thầm cảm ơn. Từ đấy về sau, hai nàng ra công tâng bốc Trương Nghi khiến vua Sở cũng đã đổi hẳn thái độ với Trương Nghi,

Chỉ với hành động chính xác, khớp đúng với hoàn cảnh, tâm lý, Trương Nghi đã chuyển đổi hẳn vị thế của ông. Biến không thành có.

39. Chủ quan hại mình

“Hợp mà không kết, dương thân mà âm sơ, sự chẳng thành.”

Có những việc tưởng chừng vô cùng thuận lợi, thực ra hết sức khó khăn. Phải đi sâu vào cuộc sống, nghiên cứu điều tra, nắm chắc thực tế, mới không phạm sai lầm chủ quan, đã hại cho mình, còn hại cả cho người.

40. Một cây thành rừng

“Đơn thương độc mã vẫn có thể ra vào tùy ý, chẳng ai ngăn nổi.”

Đồng người chưa nhất định giành phần thắng. Một bàn tay cũng có thể tạo nên tiếng vỗ. Chỉ cần chân lý thuộc về ta, thì ta vẫn thành vô địch trong thiên hạ.

41. Kế sách lâu dài

“Người thông minh nhìn cái rất xa mà kiểm nghiệm.”

Người khôn ngoan phải nhìn xa trông rộng, sẽ không tham mỗi lợi nhỏ mà để mất cái lợi lớn. Không tham cái lợi trước mắt mà quên kế sách lâu dài. Người có đảm lược thật sự thì biết tính toán sâu xa chu đáo, không chỉ thấy cái trước mắt, không chấp nê tập quán thông thường.

“Khi vua tôi Hán Vương (Lưu Bang) vào hãn trong đất Thục (Hán Trung) Trương Lương đến nói với Hán vương:

- Tôi tiến chân đại vương đến đây rồi xin cho phép tôi được trở về cố quốc.

Hán Vương kinh ngạc nói:

- Từ khi ta gặp được tiên sinh, đã bao lần gian nguy khổ cực nhờ tiên sinh giúp đỡ, mới mong được toàn mạng, nay tiên sinh bỗng nhiên bỏ ta trong lúc sự nghiệp chưa thành, ta biết nương cậy vào ai?

Trương Lương nói:

- Trước đây vì phải luôn luôn tranh đấu, trước gian nguy nên tôi không dám rời đại vương nửa bước. Nay đại vương vào Hán Trung đâu còn gì nguy hiểm nữa? Giữ tôi bên cạnh, đại vương chẳng ích gì! Tôi xin từ giã đại vương trở về thăm cố chúa, nhân tiện tính giúp cho đại vương ba việc, xin đại vương cứ an tâm.

Hán Vương hỏi:

- Ba việc ấy là ba việc gì, xin tiên sinh chỉ giáo.

Trương Lương nói:

- Một là về du thuyết Bá Vương, xui Bá Vương thiên đô sang Bành Thành, dành Hàm Dương cho đại vương sau này trở về lên ngôi thiên tử. Hai là đi du thuyết chư hầu bở Sở phò Hán, và tìm cách làm cho Bá Vương không để ý đến lực lượng của đại vương nữa. Ba là tìm cho đại vương một người đại nguyên soái, đủ tài hừng Lưu. Làm xong ba việc ấy tôi sẽ trở về Hàm Dương, chờ đón đại vương. Nay chỉ khuyên đại vương một điều là cố gắng nhẫn nhục, vì Hán Trung chỉ là nơi ở tạm, không quá ba năm đại vương sẽ vào Trung Nguyên làm chủ thiên hạ.

Hán Vương nói:

- Nếu thực được như lời tiên sinh thì Bang này dầu khổ nhục đến đâu quyết chẳng dám sờn lòng.

42. Hình dung có địch

“Nghĩ rằng có địch, để mình nỗ lực.”

Muốn lập sự nghiệp lớn, phải hình dung những thế lực mạnh ngăn cản bước tiến của mình, từ đó mình sẽ cố gắng không ngừng vươn tới mục đích.

43. Học hỏi kẻ thù

“Muốn chiến thắng, hãy học hỏi ở hết thầy mọi người.”

Bậc đại trí mưu nghiệp lớn, chẳng những học hỏi các bậc tiên hiền, mà còn học cái hay của chính kẻ thù.

44. Nói mãi phải tin

“Lời nói của số đông có thể biến không thành có.”

Giới tung tin có thể đánh lạc hướng đối phương. “Ngày nọ, Trương Lương thay quần áo giả làm một đạo sĩ, lén vào thành Hàm Dương, lúc thì đứng chân nơi cây cao bóng mát, lúc thì vào ngõ hẻm hang sâu, lúc vào đình chùa, làng mạc, lúc đến nơi chợ búa phố phường, lưng đeo mấy đồng tiền, tay cầm năm quả táo, hát nghêu ngao, nói vợ nói vắn. Bọn trẻ thấy lạ xúm nhau theo xem suốt ngày.

Một hôm, Trương Lương gặp một đứa trẻ mặt mày sáng sủa đỉnh ngộ, bèn gọi đứa trẻ ấy vào một ngôi chùa vắng cho mấy đồng tiền, mấy cái bánh, rồi dạy mấy

câu hát như sau:

*Hồ trong nước lặng,
Cá lội thành thoi
Dầu ai phú quý trong đời
Quê hương chẳng biết, lẽ trời chưa thông
Bóng tối mờ lung
Người mang áo gấm
Áo kia dầu đẹp
Chẳng được tiếng khen.*

Chỉ dạy vài lượt, đứa đã thuộc lòng. Trương Lương dặn:

- Nếu có ai hỏi, em cứ nói rằng em nằm mơ thấy thần đến dạy hát, đừng nói ta dạy nhé! Nếu em nói như vậy, em sẽ được sống lâu, giàu có, còn nói ta dạy thì lúc chết xuống âm phủ sẽ bị nấu vào vạc dầu sôi, em nghe rõ chưa?

Đứa bé đáp:

- Thừa sự cụ, cháu xin vâng. Nhưng ngoài ra sự cụ còn dặn gì thêm nữa chẳng?

Trương Lương nói:

- Em đem bài hát này dạy cho những đứa trẻ khác, càng nhiều càng tốt.

Nói xong, Trương Lương cho thêm đứa bé mấy đồng tiền nữa rồi tìm chỗ vắng vẻ tạm trú để dò thêm tin tức.

Từ khi Bá Vương cho chư hầu về nước, đêm ngày vẫn áy náy lo sợ dân Tần không phục, tìm cách gây rối, nên thường cho người ra ngoài thám thính.

Một hôm, quân thám thính nghe mấy đứa trẻ hát câu hát lạ, vội về báo lại với Bá Vương. Bá vương không tin, chiều hôm ấy cải trang thành một thường dân ra ngoài chợ. Bá Vương thấy mấy đứa trẻ đang vừa đi vừa hát như vậy liền gọi lại hỏi:

- Ai dạy chúng bay hát thế?

Một đứa trẻ đáp:

- Trời dạy chúng tôi hát đấy!

Bá Vương kinh ngạc nghĩ thầm:

- Đất Hàm Dương bị tàn phá, ta muốn thiên đô về Bành Thành. Nay câu đồng dao này ứng đúng theo ý định của ta, thế thì lòng trời hợp với lòng ta vậy.”

Hôm sau, Bá Vương hội quần thần phán:

- Hiện nay có một câu đồng dao, lưu truyền khắp chợ búa, tại sao các người không tâu cho ta biết. Câu hát ấy chính là trời muốn cho ta thiên đô về Bành Thành. Bành Thành thuộc nước Sở, từ sông Hoài, sông Hà trở về phía Bắc, đất vuông nghìn dặm, chính là chỗ nên đóng đô đó. Nước cũ làng xưa còn đâu hơn nữa được.

Mặc dầu có quan Gián Nghị là Hầu sinh can ngăn, nhưng ý Bá Vương nhứt quyết thiên đô về Bành Thành. Bá Vương cho những lời đồng dao đó là điềm trời xui ông thiên đô.

45. Uốn nắn sửa sang

“Thánh nhân vừa thấy cong, liền uốn lại cho thẳng. Tùy mức độ lệch lạc mà có cách trị thích đáng.”

Khi nền chính trị quốc gia xuất hiện nguy cơ, phải dùng quốc pháp bổ cứu, nếu nguy cơ nghiêm trọng, tất phải dùng hình phạt nghiêm khắc.

46. Quan sát gián tiếp

“Thăm định hư thật, căn cứ vào thị hiếu mà biết ý chí.”

Muốn xem xét một người, hãy xem thường ngày họ bộc lộ ý thích gì mà phán đoán tính tình.

47. Thay thù thành bạn

“Trên đời không có gì quý mãi, không có ai làm thống soái vĩnh viễn.”

Thế sự biến hóa vô cùng, hôm nay họ là kẻ thù của ta, ngày mai có thể họ sẽ thành bạn của ta, hoặc ngược lại. Đó là cả một nghệ thuật chuyển hóa.

48. Không đánh vắn thắng

“Người cầm quân không cần đánh trận mà làm chủ được thiên hạ, đáng gọi là thần minh.”

Bậc đại trí không cần hao tổn binh lực, vẫn khiến đối phương phải bãi binh cầu hòa, thiên hạ nể phục, đủ sánh với thần minh.

49. Chỉ dẫn cho người

“Tình mà hợp thì vật cũng tụ lại với nhau. Đống củi gần lửa, khúc khô dễ bén, nước đổ xuống chỗ đất bằng, nơi nào ẩm thì nước đọng.”

Lòng người cũng vậy. Một thống soái muốn thuyết phục hoặc lợi dụng tướng sĩ của đối phương, phải làm sao để họ cảm thấy chịu ân huệ của mình.

50. Không lừa nổi ai

“Kế sách dù có muôn ngàn kiểu cuối cùng vẫn không nằm ngoài tâm lý con người.”

Người thông minh tinh táo từ triệu chứng nhỏ nhất, tưởng như không đáng kể mà nắm bắt được sự kiện trọng đại để phá vỡ âm mưu của đối phương.

51. Chúng bất địch quả

Quỷ Cốc Tử nói: *“Xuân sinh, Hạ trưởng, Thu thu, Đông tàn, đạo trời là vậy, chẳng thể làm trái.”* Lại nói: *“Làm trái dù thịnh ắt suy.”*

Trời đất có bốn mùa thay đổi, nhân sự cũng có qui luật biến hóa của nó. Mỗi người nếu hành động trái ngược với qui luật phát triển của sự vật, thì dù thế lực mạnh đến mấy, cuối cùng cũng sẽ thất bại. Một người nếu hành động đúng theo qui luật phát triển của sự vật, thì dù hiện thời còn đơn thương độc mã, nhưng rồi vẫn có thể lấy ít thắng nhiều.

52. Họa phúc tùy lời

“Lời lẽ của thánh nhân rất huyền diệu, có thể chuyển nguy thành an, cứu cả mạng sống.”

Dân gian có câu: “Một lời nói ra, ngựa giỏi chẳng đuổi kịp”. Hàn Phi Tử nói: “Cái tâm của kẻ vô mưu, lời nói của kẻ có mưu, đều là nguy!” Ngụ ý: Người ta phải thận trọng trong lời ăn tiếng nói.

Ngôn ngữ là tiếng lòng, là biểu hiện tư tưởng. Tục ngữ Trung Quốc có câu “Muốn biết việc trong bụng, hãy nghe lời của miệng”. Họa phúc là tùy ở lời nói vậy.

53. Trăm phương ngàn kế

“Vạn sự trên thế gian biến hóa vô cùng, tình hình lúc thế này, lúc thế khác.”

Người đời cũng trăm phương ngàn kế. Một vị chủ soái ắt phải nắm vững nhiều loại mưu kế để đối phó với tình huống không ngừng thay đổi.

54. Chiêu nạp người hàng

“Cự tuyệt là bít kín lối vào, đề phòng quá kỹ thì chẳng ai theo.”

Một vị chủ soái thông minh phải có khí phách của một chính trị gia vĩ đại, sẵn sàng chiêu nạp bất kể ai muốn chạy về với mình.

“Bảo Thúc Nha lập mưu cho Thấp Bằng bảo vệ Quán Trọng, đưa từ nước Lỗ về nước Tề bình an vô sự. Bảo Thúc Nha mừng lắm liền trở về Lâm Tri (kinh thành nước Tề) vào yết kiến Tề Hoàn Công, dâng lời kính viếng. Tề Hoàn Công nói:

- Sao nhà ngươi lại viếng ta?

Bảo Thúc Nha nói:

- Công tử Củ là anh ruột chúa công. Nay chúa công bắt đắ dĩ phải vì việc nước mà bỏ tình thân, bởi vậy tôi xin có lời kính viếng, nhưng viếng xong, tôi lại xin có lời mừng.

Tề Hoàn Công nói:

- Sao nhà ngươi lại mừng ta?

Bảo Thúc Nha nói:

- Quán Trọng là bậc kỳ tài, hơn Thiệu Hốt nhiều lắm. Tôi đã bảo toàn mà đem về được, thế là chúa công có được một người hiền để dùng, vậy nên tôi xin có lời mừng.

Tề Hoàn Công nói:

- Quán Di Ngô (Quản Trọng) bắn trúng vào đai của ta, mũi tên hãy còn đó, ta vẫn lấy làm căm lẫn, những muốn bắt được thì xả thịt ra mà ăn, còn dùng làm gì!

Bảo Thúc Nha nói:

- Làm tôi ai cũng có lòng vì chủ. Lúc Quán Di Ngô bắn trúng vào đai chúa công thì trong lòng chỉ biết có công tử Củ mà không biết có chúa công. Nay chúa công dùng Quán Di Ngô thì Quán Di Ngô lại vì chúa công mà bắn trúng cả thiên hạ, cứ gì bắn cái vòng đai của một người mà thôi!

Tề Hoàn công nói:

- Ta hãy nghe lời nhà người mà tha tội cho hẳn.

Bảo Thúc Nha mới đón Quản Trọng về ở nhà mình để ngày đêm đàm luận.

Về sau Tề Hoàn Công dùng Quản Trọng làm Tế Tướng, kính trọng như cha mẹ nên xưng là Trọng phụ.

55. Ứng biến thần tình

“Tiến thoái, xoay trở, xuất quỷ nhập thần khiến người không biết đâu mà lường.”

Khi tác chiến, ta phải tùy cơ ứng biến, không hề cố định, xoay chuyển tùy ý muốn, tùy tình hình, khiến đối phương chẳng thể biết thực hư.

Khi mũi tên vừa bắn đi, kế hoạch đã thay đổi.

56. Đánh bại lần lượt

“Phân tán được uy thế của đối phương thì ta mạnh như thần.”

Muốn phân tán uy lực của đối phương ta phải phục sẵn, chờ cơ hội xuất hiện mà lần lượt đánh bại đối phương.

57. Bổ dọc chen ngang

Quỷ Cốc Tử nói: *“Dùng cách phân tán uy quyền để chuyển quyền.”*

Người tài giỏi phải biết phá vỡ sự liên minh của các đối thủ, phân tán uy lực của chúng mà tăng cường uy thế của mình.

58. Yếu thắng được mạnh

“Mạnh tích tụ từ yếu, có tích tụ từ không. Đó là cả một nghệ thuật.”

Yếu muốn thắng mạnh, mềm muốn thắng cứng, phải tích yếu, tích mềm. Yếu và mạnh chỉ là nói một cách tương đối, trong tình huống nhất định, yếu cũng có thể thắng mạnh, nếu ta biết vận dụng nguyên tắc: *“Mạnh dùng sức, yếu dùng chước (mưu).”*

“Bấy giờ đương mùa Thu, gió thu hây hẩy. Quân mã của Hạ Hầu Đôn đang đi trông thấy trước mặt có bụi bay mù mịt. Đôn đem quân ra bày trận ngay, hỏi quan dẫn đường rằng:

- Đây là xứ nào?

Quan dẫn đường thưa:

- Ở trước mặt là gò Bác Vọng, mé sau là sông La Khẩu.

Đôn sai Vu Cấm, Lý Điển áp giữ góc trận, rồi tự mình cưỡi ngựa ra trước trận. Trông xa xa thấy quân mã kéo lại.

Đôn nhìn qua rồi cười âm một tiếng. Các tướng lấy làm lạ hỏi cười gì, thì Đôn nói:

- Ta cười là cười Từ Thứ khoe với thừa tướng rằng Gia Cát Lượng là người giỏi, nay xem cách dùng binh, lấy quân mã kia làm tiền bộ để địch với quân ta, khác nào xưa lữ chó dê vào đánh nhau với hổ báo. Ta cam đoan với thừa tướng phen này đi xin bắt sống được cả Lưu Bị và Gia Cát. Thực là ta không mang tiếng nói khoác.

Nói rồi Đôn tể ngựa ra trước. Triệu Vân ra đón đánh, được vài hiệp giả vờ thua chạy. Hạ Hầu Đôn từ mặt sau đuổi theo. Vân chạy hơn mười dặm, quay ngựa lại đánh, được vài hiệp lại chạy.

Bên quân Tào có Hàn Hạo, thấy Triệu Vân đánh lại chạy, lại đánh, nghi là có mai phục, vội vàng chạy lên can Hạ Hầu Đôn về.

Đôn nói:

- Quân giặc như thế, dầu mai phục mười mặt, ta cũng không ngại gì.

Nhất định không nghe lời Hàn Hạo. Đuổi mãi đến gò Bác Vọng, bỗng nghe “âm” một tiếng, Lưu Bị tự dẫn quân xông ra đánh, Hạ Hầu Đôn cười ngoảnh lại bảo Hàn Hạo rằng:

- Đó, quân mai phục đó. Hễ chiều hôm nay mà không đến Tân Giả, thì thề không

ngủ quân.

Đôn lại thúc quân đi lên. Lưu Bị, Triệu Vân liền kéo quân chạy về.

Bấy giờ trời đã tối, mây dày đen mịt, lại không có bóng trăng. Gió ban ngày đã nổi, đêm đến càng to. Hạ Hầu Đôn thì cứ thúc quân dần mãi vào. Vu Cấm, Lý Điển đi đến một nơi đường hẹp nhỏ, thấy hai bên toàn là lau sậy. Điển bảo với Cấm rằng:

- Khinh địch tất phải thua, phía nam này là đường sá hẹp hòi, sông núi sát nhau, cây cối rậm rạp, phòng thử giặc nó đánh hỏa công thì sao?

Cấm nói:

- Người nói phải đó, ta nên tiến lên trước nói với đô đốc, hãy cho đóng hậu quân lại.

Lý Điển quay ngang ngựa trở lại hô:

- Hậu quân đi thông thả!

Người ngựa đương chạy đi như gió như bão, tài nào mà kìm lại được! Lý Điển hô khan cổ, mà quân mã vẫn chạy.

Vu Cấm vội tể ngựa lên trước, gọi to rằng:

- Đô đốc, tiền quân hãy thông thả!

Hạ Hầu Đôn đương chạy, thấy Vu Cấm lên gọi thông thả lại, hỏi có làm sao. Lúc Vu Cấm nói đến hỏa công, bấy giờ Đôn mới sức tỉnh lập tức quay ngựa trở về, truyền lệnh cho quân mã không được đi nữa.

Nói chưa dứt lời thì thấy sau lưng có tiếng kêu rền rĩ, chợt lại thấy ngọn lửa cháy bùng bùng. Hai bên lau sậy khô thực như rơm chất, gió thổi lại to, lửa càng chóng bén.

Quân mã Tào tháo không phải ai đánh nữa, chỉ chạy xô xéo lẫn nhau mà chết không biết bao nhiêu. Triệu Vân bây giờ mới dẫn quân quay lại, chờ người nào tiến lên thì đánh giết. Hạ Hầu Đôn xông pha ra được khỏi lửa chạy mất.

Lý Điển đi sau, thấy thế quay ngựa lại chạy về thành Bác Vọng. Đang chạy gặp Quan Công đem quân ra chặn đường. Lý Điển xông ngựa vào đánh, tìm đường mà chạy.

Vu Cấm thấy những xe lương bị lửa đốt cả, lên theo đường nhỏ chạy trốn.

Hạ Hầu Đôn, Hàn Hạo lại cứu xe lương, vừa gặp ngay Trương Phi đến. Hàn Hạo cướp đường chạy trước.

Hai bên còn đánh mãi đến sáng, bấy giờ mới thu quân về. Quan Công, Trương Phi hai người bấy giờ mới nhìn nhau mà chịu rằng Gia Cát không phải người thường.

Quân đi chưa được vài dặm, gặp Mi Chúc, Mi Phương dẫn quân xúm xít theo hầu một cái xe nhỏ, trong xe một người ngồi chênh chân, tay cầm cái quạt phe phẩy chính là Khổng Minh.

Quân Lưu Bị thắng trận này được chính là nhờ Khổng Minh bày kế đánh hỏa công, lấy ít thắng nhiều, lấy yếu thắng mạnh.

59. Một công đôi việc

“Vừa lợi cho mình vừa lợi cho người, trên hay mà dưới cũng tốt.”

Một mưu kế phải đem lại nhiều hiệu quả thì mới là hay. Giống như một mũi tên bắn trúng hai con chim.

60. Ngân vàng phá địch

“Mọi sự đều có sự cố kết bên trong. Có thể dùng tiền tài, nhan sắc để phá vỡ sự cố kết ấy.”

Dùng nhiều tiền của để mua chuộc, ly gián nội bộ đối phương, có thể thu được thắng lợi mà chiến trường không tài nào giành được.

61. Năm quyền bá chủ

“Chư hầu chống nhau nhiều không kể xiết. Khi quốc gia bước vào thời điểm sanh tử tồn vong, bậc vĩ nhân xuất chúng phải xuất đầu lộ diện, nắm lấy cơ hội kiến lập nghiệp vương bá.”

Lưu Bang khởi nghĩa ở đất Bái (Trung Quốc), Lê Lợi khởi nghĩa ở Lam Sơn (Việt Nam), thống nhất được đất nước, lên ngôi vua, đều là những người anh hùng dân tộc biết nắm quyền bá chủ.

62. Đánh vào chỗ yếu

“Trên đời có người thích yên tĩnh, có kẻ thích hành động, có người hám danh, có kẻ hám lợi, có người chính trực, có kẻ siểm nịnh, có người thích sáng sủa, có kẻ ưa tăm tối.”

Người khôn ngoan phải hiểu rõ chỗ yếu của đối phương mà đánh vào đó.

63. Đại hiền vô địch

“Trên đời có người giỏi quyền biến là người trên thông thiên văn, dưới tường địa lý, sai khiến được quỷ thần, tùy thời tiết từng mùa mà biến hóa, khiến vạn vật trong thiên hạ phục vụ cho mình. Đó là bậc đại hiền không ai địch lại nổi.”

Đó là những bậc quân sư như Khương Tử Nha, Trương Lương, Gia Cát Lượng, Tôn Vũ .v.v...

64. Tiến công nước người

“Chế ngự người thì nắm được quyền, đồng thời với việc tiến công nước địch phải chế ngự người của địch.”

“Hán Vương (Lưu Bang) kéo binh mã đến vây kinh thành nước Lỗ để chinh phục. Khi đại binh đến nơi thấy cửa thành nước Lỗ đóng chặt, cờ xí uy nghi.

Quân Hán đánh phá bốn mặt luôn mấy ngày mà chẳng thấy trong thành động tịnh gì cả, chỉ nghe những tiếng đàn ca réo rắc vang ra.

Hán Vương nổi giận muốn dùng hỏa pháo bắn vào, Trương Lương can:

- Không nên! Lỗ là nước của ông Chu Công ngày xưa, một nước lễ nghĩa. Nay cứ xem đại vương đem quân đến dưới thành mà trong thành vẫn tưng bừng những tiếng đàn sáo, đủ biết là một nước không thể dùng sức mạnh để chinh phục. Xin đại vương đem đầu Hạng Vương bá cáo cho người nước Lỗ biết rồi hiểu dụ cho họ thấy đại nghĩa, tự nhiên họ phải quy phục.

Hán Vương theo lời, lấy đầu Hạng Vương (Hạng Vũ) treo dưới thành. Các bậc bô lão trong thành trông thấy đều khóc òa.

Hán Vương sai người hiểu dụ rằng:

- Hạng Vương giết Nghĩa Đế làm nhiều hành động bạo ác, gây nhiều tang tóc cho dân chúng. Người xưa có nói: Chỉ có đạo đức, lễ nghĩa mới đem lại một xã hội thái bình, thịnh trị. Chỉ có lòng nhân, mới đem lại cho dân chúng cảnh sống lạc nghiệp an cư. Hán Vương không có ác cảm với Hạng Vương, chỉ vì tôn trọng lòng nhân, diệt tàn bạo mà Hạng Vương phải chết. Nay nước Lỗ bế thành trái mạng không biết theo đại nghĩa thì sao gọi là một nước của thánh nhân được.

Các bô lão nghe lời hiểu dụ cùng với bọn nho sĩ, mở cửa thành ra đầu hàng.

Hán Vương dẫn đại binh vào thành, vỗ an bá tánh, rồi đem đầu và mình của Hạng Vương ráp lại, dùng hiệu Lỗ Công táng ở phía đông Cốc Thành mười lăm dặm.

Các lộ chư hầu dẫn quân đến chúc mừng.

65. Giữ thế cân bằng

“Ít rồi sẽ nhiều, thiếu rồi sẽ đủ.”

Vạn vật trên đời vừa đối lập vừa thống nhất. Lão Tử cũng nói: “Đạo trời giống như chỗ cao tỳ dựa vào chỗ thấp, chỗ thừa thì bù vào chỗ thiếu.” Giữ cho cân bằng, hài hòa là điều tối cần thiết.

66. Đánh rắn đập đầu

“Kẻ mạnh khi chiến thắng mà choáng váng vì thắng lợi, không tiến công giành thắng lợi trọn vẹn, sớm thỏa mãn, thì sẽ chuốc lấy tai họa.”

Kẻ yếu bị thất bại, nếu biết bình tĩnh suy xét, rút ra bài học, phục hồi lực lượng, thì có thể lật ngược thế cờ.

Lưu Bang bị Hạng Võ dồn vào đất Hán Trung không khác nào bị vây. Quân ít, lương thiếu, tướng giỏi không có. Tuy vậy, nhưng nhờ biết rút ra bài học ở những lần thất bại trước, biết củng cố lực lượng, tích trữ lương thảo, chiêu hiền đãi sĩ mà về sau đánh thắng Hạng Vương thống nhất đất nước.

67. Dẫn dụ đối phương

“Những điều dẫn dụ của thánh nhân, kẻ ngu lẫn kẻ trí đều không nghi hoặc.”

Bậc đại trí có thể khôn khéo dẫn dụ được hết thảy mọi người mà đối phương không thể hay biết.

68. Lợi dụng kẻ địch

“Thả mối sâu, bắt cá lớn.”

Bạc đại trí không chỉ biết sử dụng những người hiền tài ở phe mình, mà còn biết lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ đối phương mà sử dụng người của đối phương để phục vụ lợi ích của mình.

Trương Lương thuyết phục Hàn Tín bỏ Hạng Võ về đầu Lưu Bang là biết lợi dụng kẻ địch.

69. Tương quan lợi hại

“Dùng lời lẽ thuyết phục đối phương nhận ra phải trái.”

Muốn đối phương hành động theo ý muốn của ta, phải biết khôn khéo thuyết phục, chỉ rõ điều lợi hại, phải trái.

70. Luồn sâu leo cao

“Phái gián điệp luồn sâu vào đầu não đối phương mà hành động, có thể giành thắng lợi lớn lao bất ngờ.”

Gián điệp của ta luồn sâu leo cao vào bộ chỉ huy của địch thì thắng lợi gần như cầm chắc.

71. Cho rồi mới lấy

“Muốn chiếm lĩnh được cái gì của đối phương, trước hết hãy đáp ứng phần nào ý muốn của đối phương, rồi mới lấy được cái mình cần.”

72. Hạ chiếu cầu hiền

“Thánh nhân dùng vô vi đãi người có đức.”

Bạc minh quân (vua sáng) biết nghĩ mọi cách, biết thu phục người hiền tài, đức độ.

“Một hôm, Tề Hoàn Công hỏi Quản Trọng rằng:

- Ta có tính hay săn bắn, hay nữ sắc thì có hại gì đến nghiệp bá hay không?

Quản Trọng nói:

- Không hại gì.

Tề Hoàn Công nói:

- Thế thì cái gì có hại đến nghiệp bá?

Quản Trọng nói:

- Không biết người hiền thì hại đến nghiệp bá, biết người hiền mà không dùng thì hại đến bá, biết người hiền mà không dùng thì hại đến nghiệp bá, dùng mà không chuyên thì hại đến nghiệp bá, chuyên mà lại có kẻ tiểu nhân lẫn vào thì hại đến nghiệp bá.

Tề Hoàn Công khen phải.

Yếu tố con người rất quan trọng. Theo Quản Trọng thì nhà vua phải có chính sách cầu hiền tức là phát hiện hiền tài, dùng hiền tài và đào tạo bồi dưỡng hiền tài. Đồng thời phải xa rời đuổi bỏ kẻ xấu, ác (tiểu nhân), thì mới không làm hại đến nghiệp bá.

TAM THẬP LỤC KẾ

(36 kế Trung Hoa)

1. Dương đông kích tây

Phô trương thanh thế, giả vờ đánh vào phía đông, nhưng thực sự là sẽ đánh vào phía tây.

Địch thấy ta phô trương thanh thế ở phía đông, tưởng là ta sẽ đánh vào phía ấy nên tập trung phòng giữ mà bỏ ngõ phía tây. Ta lập tức đánh vào phía tây, địch sẽ không trở tay kịp.

Nguyên tắc thực hiện kế này là dùng nghi binh và tuyệt đối bí mật. (Mục tiêu ta tấn công địch không thể rõ.)

Làm cho đối phương phân tán lực lượng, làm cho đối phương không biết thật, giả, thực hư ở chỗ nào. Kỳ binh và chánh binh của ta sẽ đánh vào mục tiêu nào, địch khó phân biệt. Hoặc có thể biến hóa kỳ, chánh làm cho địch không phòng bị, chống đỡ được.

Trong trận tập kích thành Ung Châu nước Tống năm 1075. Lý Thường Kiệt cho đạo quân của các tù trưởng vượt biên giới tiến đánh các trại quân Tống để làm nghi binh. Đạo quân chủ lực của Lý Thường Kiệt vượt biển đánh chiếm cửa biển Khâm Châu, Liêm Châu mới thực sự tấn công bất ngờ mãnh liệt vào thành Ung Châu nước Tống.

Lý Thường Kiệt đã dùng kế “Dương đông kích tây” trong cuộc tập kích thành Ung Châu nước Tống.

2. Điều hổ ly sơn

Làm cho hổ ra khỏi rừng núi. Đất dụng võ của hổ là rừng núi. Không có rừng núi hổ không thể vùng vẫy hung hãn. Nơi đất bằng đồng trống hổ dễ bị vây bắt. Mục đích của kế này là làm cho quân địch rời khỏi những nơi có công sự vững chắc đến nơi có trận địa mai phục của ta.

Như vậy địch mất điểm tựa chỗ dựa ta sẽ dễ dàng tiêu diệt.

3. Nhất tiễn song điêu

Hai con chim đều bị chết vì trúng một mũi tên.

Mục đích của kế này là một lần tiến công thanh toán được hai mục tiêu.

“Khi Sở Điệu Vương mất, chưa kịp khâm liệm thì những con em các nhà quý thích đại thần (trước kia bị Ngô Khởi cắt lương, lộc) thừa cơ nổi loạn, định giết Ngô Khởi. Ngô Khởi chạy vào tầm cung. Chúng đem cung tên đuổi theo.

Ngô Khởi biết sức mình không địch nổi, mới ôm lấy thi thể Sở Điệu Vương. Chúng giương cung ra bắn, cả thi thể Điệu Vương cũng bị mấy mũi tên. Ngô Khởi kêu to lên rằng:

- Ta dẫu chết cũng không dám tiếc nhưng các người căm tức đại vương mà bắn thi thể thì cái tội đại nghịch bất đạo ấy, khi nào lại tránh khỏi vòng pháp luật nước Sở được!

Ngô Khởi nói xong thì chết.

Chúng nghe lời Ngô Khởi nói, sợ mà tan ra. Thái tử Hùng Tang lên nối ngôi, tức là Sở Túc Vương, được hơn một tháng. Túc vương xét đến cái tội bắn thi thể Điệu Vương, liền sai em là Hùng Lương Phu đem quân đi bắt bọn khởi loạn mà giết đi, cả thầy hơn bảy mươi nhà.

Phải chăng trước khi chết, Ngô Khởi còn dùng kế “Nhất tiễn song điêu”, bắn một mũi tên chết đến bảy mươi con chim?

4. Minh tri cố muội

Biết sự việc rất rõ mà giả vờ ngu dốt chẳng biết gì.

Mục đích kế này là để tránh sự chú ý của địch, làm lạc hướng mọi người. Nó hàm chứa một triết lý xử thế thâm sâu, gạt bỏ ngoài tai những tiếng thị phi, những lời siểm nịnh, tâng bốc, khen chê, nguyên rửa .v.v... Bề ngoài giống như khờ dại chẳng biết gì, để giấu kín ở bên trong những tính ý mưu tính lợi hại ghê gớm không ai có thể biết được.

“Tào Tháo và Lưu Bị, hai người ngồi đối nhau hai bên bàn, ăn uống vui vẻ. Lúc rượu đã hơi say, chợt thấy mây đen mù mịt, sắp có mưa to. Quân hầu trở lên trời mà bẩm rằng: Có rồng cuộn.

Tháo và Huyền Đức (Lưu Bị) cùng ngồi dựa vào bao lơn ngắm xem. Tháo hỏi Lưu Bị:

- Sứ quân có biết rồng nó biến hóa ra thế nào không?

Huyền Đức nói:

- Bẩm, tôi chưa được tường.

Tháo nói:

- Rõng lúc thì to, lúc thì nhỏ, lúc thì bay, lúc thì nấp. Lúc to thì nổi mây phun mù, lúc nhỏ thì thu hình lấp cánh, khi bay ra thì liệng trong trời đất, khi ẩn thì lẩn nấp ở dưới sóng. Nay đang mùa xuân rõng gặp thời mà biến hóa, cũng như là người ta đắc chí, tung hoành trong bốn bể. Rõng ví như anh hùng trong đời. Huyền Đức lâu nay đã trải đi khắp bốn phương, tất bao nhiêu anh hùng đời nay, hẳn đã biết, xin thử nói cho nghe.

Huyền Đức thưa:

- Bị này mắt thịt, biết đâu được anh hùng.

Tháo nói:

- Đã đành không biết mặt, nhưng cũng có nghe tiếng chứ.

Lưu Bị nói:

- Tiếng thì tôi thấy có Viên Thuật ở Hoài Nam, binh lương nhiều, nên cho là anh hùng.

Tháo cười mà nói:

- Xương khô trong mã, có làm gì thắng ấy, chỉ nay mai là ta bắt được.

Lưu Bị lại nói:

- Viên Thiệu ở Hà Bắc họ hàng bốn đời làm tam công, môn hạ đầy rẫy khắp nơi nhiều tay tài giỏi, hiện nay thực là con hổ dữ ở Kỳ Châu, cũng nên cho là anh hùng.

Tháo cười mà nói:

- Làm gì đồ chết ấy! Viên Thiệu chỉ mạnh bạo ngoài mặt, trong bụng không can đảm. Có mẹo gì không dám quyết đoán, làm việc to lại tiếc thân, thấy lợi nhỏ thì quên mệnh. Sao gọi là anh hùng được?

Bị lại nói:

- Tôi nghe có một người nữa, là một người trong đám tám tay tài tuấn ở Giang Đông, uy khắp cả chín châu là Lưu Cảnh Thắng, người ấy hẳn là anh hùng?

Tháo lại cười:

- Làm trò gì cái thằng hư danh ấy, mà gọi là anh hùng!

Bị nghĩ một hồi rồi lại nói:

- Có một người sức lực đương khỏe làm đầu đất Giang Đông là Tôn Bá Phù, hẳn là anh hùng?

Tháo nói:

- Làm gì thằng nhãi con ấy, danh tiếng nó cũng là nhờ danh tiếng bố nó ngày xưa!

Lưu Bị lại hỏi:

- Thế Lưu Quý Ngọc ở Ích Châu thế nào?

Tháo nói:

- Lưu Chương tuy là tôn thất, nhưng kỳ thực như con chó giữ nhà, sao gọi là anh hùng được?

Bị lại hỏi:

- Như thế bọn Trương Tú, Trương Lỗ và Hàn Toại thì thừa tướng có cho là anh hùng không?

Tháo nói:

- Lũ tiểu nhân hung ác ấy thì nói làm gì!

Huyền Đức nói:

- Nếu gần ấy người chẳng có ai là anh hùng, thì Bị thực không còn biết ai nữa.

Tháo nói:

- Anh hùng là trong bụng có chí lớn, lại có mẹo hay, có tài bao bọc được cả bờ cõi, có chí chuyển động được cả trời đất, thế mới gọi là anh hùng được chứ!

Huyền Đức mới hỏi:

- Ai được như thế, thừa tướng?

Tào Tháo lấy tay vỗ vào lưng Bị, rồi vỗ vào mình, mà nói rằng:

- Anh hùng ở thiên hạ bây giờ chỉ có sứ quân với Tháo mà thôi!

Lưu Bị nghe nói, giật thót nảy mình, cái thìa đôi đũa đang cầm ở tay, rơi cả xuống đất. Giữa lúc bấy giờ, trời đổ cơn mưa u ám, có một tiếng sét thật lớn. Lưu Bị từ từ cúi đầu xuống nhặt đũa và thìa mà nói tăng rằng:

- Gớm ghê! Tiếng sét dữ quá!

Tháo cười mà hỏi rằng:

- Trượng phu mà cũng sợ sấm à?

Lưu Bị nói:

- Đức thánh ngày xưa, sấm dữ gió to cũng giạt mình, huống chi là tôi đây!

Tháo thấy thế chắc Lưu Bị là người tầm thường, từ bấy giờ không nghi gì nữa.

Tào Tháo muốn dò ý Lưu Bị, khai thác tâm lý, tình ý Lưu Bị. Biết thế Bị giả vờ nói lung tung không trúng đâu cả, ấy vậy mà còn tỏ ra nhất gan làm cho Tào Tháo nhầm Bị là người tầm thường nên không còn giam lỏng Bị nữa. Nhờ thế Lưu Bị mới chạy thoát khỏi Hứa Đô, thoát khỏi sự kiềm tỏa của Tháo.

5. Dư long chuyển phượng

Rồng biến thành phượng mà phượng cũng có thể biến thành rồng. Đó là sự biến hóa thay hình đổi dạng.

Mục đích kế này là biến hóa hư thực, thực hư, hư hư làm cho địch không thể phân biệt được đâu là kỳ binh đâu là chánh binh, làm cho địch tai điếc mắt mờ không biết tình hình, thực lực, kế hoạch của ta.

6. Mỹ nhân kế

Xưa nay ai cũng yêu mến người con gái đẹp. Được người đẹp ở trong vòng tay thì đất trời cũng lẫn quay.

Ngày đêm chỉ quẩn quít với người đẹp mà bỏ bê việc nước. Bậc vua chúa tướng soái mà mê mệt vì người đẹp thì không còn bụng dạ, mưu trí chiến đấu nữa. Do đó mà thất bại ắt sẽ đến.

Vua Trụ mê Đắc Kỷ nên mất nước, vua Ngô là Phù Sai mê Tây Thi mà tan nát cơ đồ.

Phạm Lãi chủ trương hiến dâng Tây Thi cho vua Ngô là dùng “*Mỹ nhân kế*” đó vậy.

7. Sấn hỏa đả kiếp

“*Sấn hỏa đả kiếp*” nghĩa đen là theo lửa mà hành động. Nghĩa bóng là lợi dụng lúc hỗn loạn để thao túng hoành hành, đánh phá, cướp giật .v.v ...

Phàm ở đời ai cũng sợ lửa, gặp lửa phải né tránh không thì sẽ bị lửa thiêu đốt mà chết. Nếu lửa rơi vào chỗ đông người, ai nấy đều lo chạy tắt là đám đông phải loạn.

Thừa dịp lúc hỗn loạn này ta đánh chiếm, thao túng, hoành hành. Lửa cháy đến đâu ta đánh tới đó. Tức là loạn lạc ở đâu ta đánh ở đó.

Lửa cháy có thể là do khách quan có thể là do ta ra tay phóng hỏa.

Theo lửa khách quan là ta dựa vào cơ hội loạn lạc sẵn có mà hành động.

Tự ta phóng hỏa gây ra cảnh loạn lạc tức là ta tự tạo ra thời cơ.

Dù ở trường hợp nào, ta vẫn lợi dụng được cảnh rối loạn của địch để chiến thắng.

8. Vô trung sinh hữu

“*Vô trung sinh hữu*” nghĩa đen là trong cái không sinh ra cái có. Cái không là lúc còn nghèo, yếu, thiếu thốn khó khăn... Cái có là lúc làm nên việc lớn.

Ở đời không ai giàu mãi hoặc không ai nghèo mãi, không nước nào cường thịnh muôn đời, không nước nào suy yếu ngàn năm, giàu rồi nghèo, mạnh rồi yếu và

ngược lại. Ấu đó là lẽ tuần hoàn, qui luật muôn đời.

“Vô trung sinh hữu” còn có ý nghĩa triết lý từ vô hình sinh ra hữu hình và ngược lại từ hữu hình biến vô hình sắc không, không sắc, sắc sắc không không cũng là qui luật của trời đất.

Do đó bậc hiền tài dù ở hoàn cảnh, tình huống nào cũng bình tâm chờ đợi thời cơ thuận lợi để hành sự. Hoặc là họ sẽ tự tạo ra cơ hội thuận lợi.

Khi đất nước ở giai đoạn sinh tử, tồn vong, người anh hùng xuất đầu lộ diện chớp lấy thời cơ để cứu nước cứu dân. Thành công lớn bao giờ cũng bắt đầu từ khó khăn gian khổ...

9. Tiên phát chế nhân

“*Tiên phát chế nhân*” có nghĩa là ra tay trước để kiềm chế người ta, còn có nghĩa là lấy tấn công trước làm mạnh. Đánh trước để bẻ gãy kế hoạch của đối phương, dồn đối phương vào tình thế bị động. Lý Thường Kiệt đã nói: “Ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân ra trước để chặn mũi nhọn của giặc”. Quán triệt tư tưởng tiến công để tự vệ và kiềm chế phá vỡ kế hoạch của địch, nên Lý Thường Kiệt đã tập kích thành Ung Châu nước Tống, bẻ gãy kế hoạch xâm lược nước ta của họ.

Đó là Lý Thường Kiệt đã áp dụng kế “*Tiên phát chế nhân*”.

10. Đả thảo kinh xà

“*Đả thảo kinh xà*” nghĩa đen là đập cỏ làm cho rắn sợ. Nghĩa bóng là khuấy động, đánh chiếm nơi này để nơi khác sợ.

Tục ngữ có câu: “Bứt dây động rừng”, cũng có nghĩa như “*Đả thảo kinh xà*”

Vua Quang Trung (Nguyễn Huệ) đánh trắng trận Ngọc Hồi – đầm Mực đã làm cho Tôn Sĩ Nghị ở Thăng Long phải run sợ.

Ngô Quyền đánh thắng quân Nam Hán ở sông Bạch Đằng, giết chết Hoằng Thao, làm cho vua Nam Hán trên đường điều quân sang tiếp viện hoảng sợ. Nửa đường nghe tin Hoằng Thao chết trận, y thu nhặt tàn quân rút chạy.

11. Tá đao sát nhân

“*Tá đao sát nhân*” nghĩa đen là mượn đao để giết người.

Sao không lấy đao của mình làm điều “sát nhân” (phi nghĩa, bạo ác) mà phải mượn đao? Đó là vì không muốn để lại tang vật, vật chứng nơi hiện trường, mà dù có để vật chứng (cây đao sát nhân) ở hiện trường thì thiên hạ cũng khó biết thủ phạm là ai, có thể còn nhầm lẫn thủ phạm là khác.

Nghĩa bóng của kế này là làm điều phi nghĩa, bạo ác nhưng muốn không ai biết mình làm, giống như: “Ném đá giấu tay”.

“Nễ Hành đã nhiều lần làm nhục Tào Tháo. Tháo muốn giết chết nhưng ngại bị thiên hạ cho là mình thù hằn nhỏ nhen nên muốn mượn tay Lưu Biểu giết Nễ Hành.

Tháo trở vào Nễ Hành mà bảo rằng:

- Nay cho người sang dụ Lưu Biểu. Nếu Biểu chịu hàng thì ta sẽ dùng người làm công khanh.

Hành không chịu đi. Tháo sai kiếm ba con ngựa, bắt hai người kèm thúc phải sang Kinh Châu. Lại sai văn võ thủ hạ đặt tiệc ở cửa đông để tiễn Nễ Hành đi nữa.

Hành đến Kinh Châu vào yết kiến Lưu Biểu miệng tuy rằng khen đức tốt nhưng vẫn có ý chê bai. Biểu mất lòng nhưng chẳng nói gì chỉ sai Hành sang Giang Hạ vào ra mắt Hoàng Tổ.

Có người hỏi Biểu rằng:

- Nễ Hành dám đùa cợt, xúc xược với chúa công, sao chúa công không giết đi?

Biểu nói:

- Nễ Hành đã nhiều lần nói nhục Tào Tháo. Tháo không giết sợ mất lòng thiên hạ, cho nên mới sai Hành sang sứ ở đây là có ý để mượn tay ta giết Hành, thù nó thì trả mà tiếng hại người để ta chịu. Bởi vậy, ta lại sai Hành sang với Hoàng Tổ là để cho Tào Tháo nó biết rằng ta không đại gì đâu.”

12. Di thi giá họa

“Di thi giá họa” là đem xác chết, hoặc hung khí, tang vật giết người bỏ vào nhà người khác để vu oan giá họa hãm hại người lương thiện. Đây là độc kế mà kẻ tiểu nhân quỷ quyệt thường dùng.

Trong lịch sử Trung Hoa, Võ Tắc Thiên là người đã dùng độc kế này để ám hại hoàng hậu.

13. Khích tướng kế

“*Khích tướng kế*” là làm cho người ta nổi giận tác phát hùng khí.

Nếu làm cho đối phương nổi giận là nhằm để họ mất sáng suốt, thiếu suy nghĩ, không tự chủ mà hành động sai quấy dẫn đến thất bại...

Nếu làm cho người của ta nổi giận là để khơi dậy dũng khí, quyết tâm hành động, thực hiện thành công kế hoạch đã vạch sẵn.

Nên áp dụng “*Khích tướng kế*” đối với người có tính nóng, dễ bị kích động hay sẵn sàng phản nộ, thiếu suy nghĩ mà hăng hái hoặc là có sức mạnh mà ít mưu trí...

“Vào năm Kiến An thứ 23, mùa thu, tháng Bảy, được ngày tốt, đại binh Lưu Huyền Đức kéo ra Hà Mạnh Quan. Hạ trại xong xuôi, Huyền Đức cho vời Hoàng Trung, Nghiêm Nhan vào dinh ban thưởng cho rất hậu.

Huyền Đức bảo Trung:

- Mọi người đều ngại tướng quân già nua, chỉ có quân sư là biết rõ tài năng của tướng quân. Nay quả đã lập kỳ công, nhưng hiện giờ Hán Trung có núi Định Châu là bức lũy quân lương của địch. Nếu chiếm được núi ấy, thì con đường tới Dương Bình Quan chẳng còn phải lo gì. Vậy Tướng quân có dám chiếm luôn Định Quan Sơn chẳng?

Hoàng Trung khẳng khái xin đi, và đòi tiến binh lập tức, nhưng Khổng Minh ngăn lại:

- Lão Tướng quân tuy rằng anh hùng, nhưng Hạ Hầu Uyên đâu phải hạng như Trương Cáp. Uyên có tài đại tướng, tinh thông thao lược, thâm hiểu binh cơ. Tào Tháo rất trọng cậy ở Uyên, coi như bức thành vững mặt Tây Lương, đã từng sai Uyên đóng quân ở Trường An mà chống Mã Mạnh Khởi. Nay việc thống lĩnh trọng binh, trấn giữ Hán Trung, Tháo cũng không phó thác cho ai, chỉ ủy cho mình Uyên, thì đủ rõ tài Uyên thế nào. Tướng quân thắng được Trương Cáp nhưng dễ gì thắng nổi Hạ Hầu Uyên! Ta muốn lựa một người sang Kinh Châu trấn thủ thay cho Quan tướng quân^[9] về đây, mới có thể địch được Uyên!

Trung hăng lên đồng dục nói:

- Xưa Liêm Pha tuổi đã 80, mà mỗi bữa còn ăn hết cả đấu gạo với 10 cân thịt. Chư hầu đều sợ sức khỏe, không nước nào dám xâm phạm bờ cõi nước Triệu. Huống chi Hoàng Trung này chưa đến 80? Có phải quân sư chê tôi già, thì nay tôi không cần phó tướng giúp sức, chỉ đem quân bản bộ ba nghìn quyết chiến đi chém đầu Hạ Hầu Uyên về nạp dưới trướng!

Khổng Minh vẫn không cho. Trung khẩn khoản hai ba lần nữa, Khổng Minh mới

bảo:

- Tướng quân đã cố đi thì để ta cử một người cùng đi, làm giám quân nhé? Để ta bảo Pháp Hiếu Thực đi giúp. Phàm mọi việc phải bàn định cùng nhau mà làm, ta sẽ điều động binh mã theo sau tiếp ứng.

Hoàng Trung nhận lời cùng Pháp Chính đem quân bản bộ ra đi.

Khổng Minh bảo Huyền Đức:

- Với viên tướng già ấy, nếu không dùng lời nói khích, thì sai đi cũng khó thành công. Nay đã đi rồi, ta phải điều bớt quân mã tiếp ứng.”

14. Man thiên quá hải

“*Man thiên quá hải*” nghĩa đen là khi trời mờ mịt thì vượt biển. Nghĩa bóng là lợi dụng lúc hôn ám, tranh tối tranh sáng không ai nhìn thấy được để vượt qua, lẩn trốn, hay hành động kịp thời để giành lấy thắng lợi.

“*Man thiên quá hải*” còn có ý nghĩa tích cực và tiêu cực.

Tích cực là ta tự tạo ra hoàn cảnh điều kiện thuận lợi để cứu vãn một tình thế hỗn loạn đen tối.

Tiêu cực là dụng cơ hội hỗn loạn, không phòng bị của địch để thoát hiểm hoặc đánh chiếm...

15. Âm độ Trần Sương

Trần Sương là con đường Sạn đạo đi vào Hán Trung (bên Trung Hoa thời Hán Sở tranh hùng).

“*Âm độ Trần Sương*” là âm thầm, bí mật đưa quân qua con đường Trần Sương (Sạn Đạo) để bất ngờ đánh vào hậu phương địch.

Ý nghĩa sâu xa của kế này là tiến quân qua con đường, qua nơi chốn mà địch không ngờ tới. Từ đó sẽ giành được thắng lợi dễ dàng, vì địch không phòng bị. Hoặc giả địch tưởng rằng ta sẽ đưa quân qua đường Sạn đạo nhưng ta không đi mà lại đi theo con đường khác để đánh úp địch.

“Lưu Bang từ Hán Trung tiến quân vào Trung

Nguyên phải qua Sạn đạo (độc đạo vào Trung Nguyên). Tình báo Hạng Võ chỉ dòm ngó để ý ở con đường này, không ngờ Hàn Tín (tướng soái của Lưu Bang) lại đưa đại quân đi bằng đường khác đến đánh úp Hạng Võ.

16. Phản khách vi chủ

“*Phản khách vi chủ*” nghĩa đen là đổi địa vị khách làm địa vị chủ. Nghĩa bóng là từ thế bị động đổi thành thế chủ động.

Khách vốn là địa vị bị chi phối mọi việc đều do chủ nhà sắp xếp. Nay khách muốn nắm quyền chi phối sắp đặt mọi việc thì phải giành lấy (đổi lấy) quyền làm chủ.

Làm chủ thì mới khống chế được cục diện, mới có thể thắng lợi. Trong đấu tranh với kẻ địch, muốn nắm quyền chi phối mặt trận, ta phải giữ thế chủ động nghĩa là phải có sẵn kế hoặc tấn công hay phòng thủ, tiến thoái ra sao. Ta muốn đánh thì đánh, muốn lui thì lui, không phải bị chi phối lệ thuộc kẻ địch.

Hoặc giả đang ở vào tình huống rất xấu (bị động) ta phải nghĩ ra mưu hay kế lạ xoay đổi cục diện biến hóa từ thế bị động chuyển sang thế chủ động để giành quyền chi phối mặt trận mà giành thắng lợi.

17. Kim thuyền thoát xác

“Kim thuyền thoát xác” nghĩa đen là ve sầu vàng lột xác. Cái vỏ ngoài của ve ở đây, trông giống như con ve thật, nhưng thân xác sống của ve đã đi nơi khác.

Nghĩa bóng là nguy trang một hình tượng để lừa dối, che mắt đối phương đang đào tẩu, chờ cơ hội khác. Hoặc là nguy trang, nghi binh để đánh lạc hướng đối phương.

“Lưu Bang bị Hạng Võ vây khốn ở Dương Huỳnh, thiếu lương ăn, bên ngoài lại không có viện binh, tình hình vô cùng nguy khốn, có thể bị bắt trong sớm tối. Mưu thần là Trần Bình bày kế gọi Kỷ Tín là người có nét mặt giống Lưu Bang, cho ăn mặc giống như Lưu Bang rồi ruồi xe ra cửa phía đông đầu hàng. Trong khi đó thì Lưu Bang thật, một mình một ngựa lẩn trốn khỏi cổng phía tây.”

18. Không thành kế

“Không thành kế” là bỏ thành trống tỏ ra như không có người, không phòng bị để mặc cho quân địch vào ra, không cần kháng cự.

Có ý nghĩa nghi binh để lừa đối phương vào đó, rồi tẩu thoát, rút chạy.

Hoặc giả rút lui chiến thuật dụ cho địch quân vào thành rồi bao vây trở lại để tiêu diệt.

“Sau khi Mã Tốc để mất Nhai Đình. Tư Mã Ý (Trọng Đạt) thống lĩnh đại binh Ngụy đã chiếm giữ hết các điểm chiến lược trọng yếu, Khổng Minh không thể tiến binh đánh vào Trảng An được nữa, nên phải bố trí cho ba quân lui về Hán Trung. Khổng Minh phân phát đầu dê, rồi dẫn 5000 quân Mã ra huyện Tây Thành để chuyển vận lương thảo về.

Bổng đầu có hơn mười thám mã về báo rằng:

- Tư Mã ý dẫn đại quân mười lăm vạn, kéo về Tây Thành đông như kiến.

Bấy giờ theo kèm với Khổng Minh không còn Đại tướng nào, chỉ có một quan văn, mà 5000 quân theo Khổng Minh thì đã chia một nửa đi vận lương về trước rồi, chỉ còn 2500 người trong thành mà thôi. Các quan nghe tin ấy, ai nấy cũng mất vía, đứng ngăng mặt nhìn nhau.

Khổng Minh trèo lên mặt thành đứng xem, quả nhiên thấy bụi bay mù mịt, quân Ngụy chia làm hai đường, kéo đến huyện Tây Thành.

Khổng Minh truyền cho các tướng rằng:

- Nội bao nhiêu tình kỳ phải ngã xuống cả. Quân lính đâu cứ giữ yên đấy, không được nhốn nháo, nếu ai thậm thụt ra vào, cùng là to tiếng nói năng thì chém lập tức. Bốn cửa thành cứ việc mở rộng ra, mỗi cửa bố trí hai mươi người lính, ăn mặc giả làm dân thường, quét tuyết ngoài cửa thành. Nếu có quân Ngụy đến không được kinh hãi gì, ta có phép khu xử.

Khổng Minh mặc áo cánh hạc, đội khăn lược, đem hai đứa tiểu đồng và cặp một cái đèn treo lên dịch lâu, ngồi tựa vào bao lớn, đốt hương gảy đàn.

Tiền quân của Ngụy đến nơi trông thấy vậy, không dám đến gần, vội vàng báo với Tư Mã Ý. Ý cười, không tin có lẽ ấy, mới dừng quân lại. Phi ngựa đến cách xa nhìn xem, quả nhiên thấy Khổng Minh ngồi trên dịch lâu, miệng cười tươi như hoa. Đốt hương đánh đàn, mé tả có một đồng tử cầm bảo kiếm, mé hữu có một đồng tử cầm cái đuôi chũ, đứng hầu hai bên. Ngoài nơi cửa thành, thì có hai mươi người cúi đầu quét cửa, tựa hồ như không.

Ý xem xong lấy làm nghi lắm, liền đến trung quân, sai đổi hậu quân làm tiền quân, trông về đường Bắc Sơn mà chạy. Tư Mã Chiêu nói rằng:

- Hoặc giả Gia Cát Lượng không có quân cho nên làm ra dáng điệu như thế, phụ thân có sao lại rút quân ngay?

Ý nói:

- Gia Cát Lượng xưa nay cẩn thận, chưa từng dám liều. Nay cửa thành mở toang thế kia, tất là có quân mai phục, quân ta nếu tiến chắc là mắc mưu. Chúng mày biết đâu, nên lui ngay!

Bởi thế, quân hai đường cùng lui chạy cả.

Khổng Minh thấy quân Ngụy đi xa rồi, vỗ tay cười ầm lên. Các quan ai cũng ngạc nhiên hỏi rằng:

- Tư Mã Ý là danh tướng nước Ngụy, nay cầm 15 vạn quân đến đây, trông thấy thừa tướng mà phải rút quân chạy về là có làm sao?

Khổng Minh nói:

- Đó là y cho rằng ta xưa nay vốn cẩn thận, không dám làm liều, cho nên trông thấy quang cảnh như thế, nghi ta có phục binh, mới rút quân về. Ta không phải là muốn bày trò nguy hiểm thế đâu, cũng là bất đắc dĩ mà phải dùng. Người này tất dẫn quân chạy ra con đường nhỏ núi Bắc Sơn, ta đã sai Hứa Bào hai người chờ đợi ở đấy.

Chúng cùng chịu và nói rằng:

- Thừa tướng huyền cơ, quí thần cũng không biết đâu mà lường! Giá như chúng tôi thì phải bỏ thành mà chạy.

Khổng Minh nói:

- Quân ta chỉ có 2500 người, nếu bỏ thành mà chạy, mà trốn làm sao cho kịp. Tư Mã Ý nó chẳng tóm được mất ư?

Nói đoạn, vỗ tay cười khúc khích và nói rằng:

- Nếu ta là Tư Mã Ý, thì ta không rút quân về vội!

Bèn truyền lệnh cho trăm họ Tây Thành kéo về cả Hán Trung.

19. Cầm tặc cầm vương

“Cầm tặc cầm vương” là đánh giặc chỉ cần bắt được chúa giặc thì giặc phải chịu thua. Chúa giặc là cơ quan đầu não, là bộ chỉ huy của giặc. Nếu cơ quan đầu não bị tê liệt thì thân mình và tứ chi không hành động gì được nữa. Giống như con rắn mà đầu bị đập nát thì mình và đuôi không chạy đi đâu được, không còn tác hại gì.

Có thể dùng sức mạnh quân sự để bắt chúa giặc, hoặc có thể dùng mỹ nhân kế (người đẹp) để kìm hãm chúa giặc.

Phạm Lãi dâng Tây Thi cho vua Ngô là Phù Sai, làm cho Phù Sai mê mết, cũng là áp dụng vừa “mỹ nhân kế” vừa là “cầm tặc cầm vương”. Hoặc giả dùng kế “điều hổ ly sơn” để bắt chúa giặc .v.v...

20. Ban chư ngật hổ

“Ban chư ngật hổ” là giả làm con heo ngu dại để nhử con hổ.

Con heo ngu dại, khờ khạo bao giờ cũng là mồi ngon của hổ. Do đó người đi săn thường học tiếng heo kêu rồi tự giả làm heo để nhử con hổ.

Nghĩa đen là thế, nhưng nghĩa bóng thì như, Lão Tử đã nói: “*Người cực khôn khéo mà làm ra vụng về.*” (Đại trí nhược ngu.) Ta giả ngu như một con heo để địch không chú ý, chờ thời cơ thuận lợi tìm thấy nhược điểm của kẻ thù mà đánh đòn sấm sét.

Nguyên tắc thực hiện kế này là:

- Dùng việc không gì quan trọng bằng bí mật.
- Hành động không gì quan trọng bằng thừa lúc đối phương bất ý.
- Dò xét không gì quan trọng bằng làm cho địch không hay biết.
- Bên ngoài ra vẻ loạn mà bên trong có cơ ngũ.
- Tỏ ra đói mệt nhưng thật là no khỏe
- Làm ra ngu xuẩn nhưng rất tinh tường.

21. Quá kiều trừu bản

“*Quá kiều trừu bản*” nghĩa đen là qua cầu rồi phá cầu.

Kế này có tính tích cực là phá cầu để giặc không qua được, ngăn chặn sự tiến công truy kích của địch.

Có tính tiêu cực là hành động vong ơn bội nghĩa. Nhờ có cầu mới qua sông được, nhưng qua sông được rồi thì phá cầu. Ám chỉ những người sau khi hành động rồi thì giết hại, xua đuổi những bạn đồng lao cộng khổ với mình.

Tôn Sĩ Nghị bị quân Tây Sơn (Nguyễn Huệ) đánh đuổi phải vượt qua cầu phao trên sông Hồng để chạy về nước. Khi qua được cầu phao rồi, Nghị sợ quân Tây Sơn truy kích nên hạ lệnh cắt đứt cầu phao. Hành động vong ơn bội nghĩa của Nghị làm cho hàng vạn quân giặc bị vùi xác dưới sông Hồng.

22. Liên hoàn kế

“*Liên hoàn kế*” là nhiều kế liên tiếp nhau có tính liên hoàn, thực hiện kế này thì kế kia phải nối tiếp sau nó ra nhằm tấn công đối phương trên nhiều mặt.

Phạm Lãi cho người sang nước Ngô mượn thóc giống. Kế mượn thóc giống là nhằm lấy bớt lương thảo của Ngô.

Mượn rồi phải trả. Kế trả thóc giống diễn ra. Phạm Lãi cho luộc chín cả thóc giống (loại rất tốt) trước khi đem trả.

Vua Ngô là Phù Sai khen nước Việt giữ lời hứa, đúng hẹn, lại thấy thóc giống quá tốt nên truyền đem cho dân chúng gieo cấy. Năm ấy nước Ngô mất mùa. Thóc giống đã luộc chín rồi, làm sao mà chẳng mất mùa! Nên kinh tế Ngô bắt đầu suy sụp. Khi nền kinh tế Ngô suy sụp rồi Phạm Lãi mới nổ ra chiến tranh thôn tính nước Ngô.

23. Dĩ dật đãi lao

“Dĩ dật đãi lao” là lấy vui khỏe đối phó với khổ nhọc. Ở một chỗ đường sức chờ kẻ địch từ xa kéo tới vất vả mệt nhọc. Hoặc giả ta gần nơi giao tranh hơn kẻ địch. Do đó ta điều động, tiến chiếm địa lợi dễ dàng hơn kẻ địch ở xa trận địa. Hoặc là quân ta đang mạnh, nhân nhả sẵn sàng quyết chiến với quân địch khổ cực, yếu kém. Hoặc là quân ta đang hăng hái phần khởi chờ đánh quân giặc chán nản sợ hãi.

Xây dựng trận địa mai phục đợi quân giặc vào bẫy để tiêu diệt cũng là “Dĩ dật đãi lao”. Giấu kỹ tình hình, thực lực, kế hoạch tuyệt đối bí mật, nếu thời cơ chưa chín muồi thì đứng yên “án binh bất động”. Khi cơ hội vừa tới thì lập tức hành động như bão táp mưa sa.

24. Chỉ tang mạ hòe

“Chỉ tang mạ hòe” nghĩa đen là chỉ vào gốc dâu mà mắng cây hòe.

Nghĩa bóng là phô trương thanh thế làm như quyết đánh vào phía đông, mà thực sự là đánh vào phía tây. Giả vờ hô hào, hò hét xông vào chính diện để nghi binh mà thôi, còn mục tiêu chính là đánh vào trắc diện hoặc hậu phương địch.

Hoặc giả vì không tiện mắng thẳng mặt nên mượn một việc khác để tỏ thái độ.

“A Sứu không dám chê trách thẳng vua Minh Hiếu Tôn nên mượn việc diễn tuồng nói Hiếu Tôn ngủ mơ chẳng biết gì.

A Sứu đang diễn trên sân khấu, thì có tiếng hô vọng lên:

- Thánh thượng giá lâm!

Nghe thấy hô thánh thượng, A Sứu tỏ vẻ sợ hãi chỉ một thoáng thôi, rồi nói:

- Bậy quá, làm gì có thánh thượng, thánh thượng còn đang ngủ mơ kia kìa, nói láo!

Lát sau, tiếng hô lại vọng lên:

- Ông Trực thái giám giá lâm!

Bấy giờ, A Sứu cuống cuống lên, quỳ xuống lạy, luôn miêng van xin:

- Tôi đáng chết, tôi đáng chết!

Khi Ông Trực đi rồi, đám dân chúng xúm lại hỏi:

- Sao hô thánh thượng thì không sợ, mà hô thái giám Ông Trực lại sợ hãi như

vậy?

A Sửu ré lên cười, mà rằng:

- Ở nước này tôi chỉ biết nhất vị thái giám thôi, làm gì có người khác là thánh thượng?

Vua Minh Hiếu Tôn xem kịch xong, vẻ buồn rầu, trở về thư phòng lục chồng hồ sơ cũ, xét những công việc Uông Trực đã làm, mới biết tên thái giám ấy lộng quyền, xây nhà ngục riêng để giam và giết người. Các quan trong triều đều căm giận nhưng chẳng ai dám ho he. Còn vua thì hoàn toàn bị kẻ xấu bụng bít nên không hay biết gì. Sau đó vua Minh Hiếu Tôn quyết định đuổi Uông Trực khỏi cung điện.

25. Lạc tình hạ thạch

“*Lạc tình hạ thạch*” nghĩa đen là ném đá vào đầu kẻ đã rơi xuống giếng. Rơi xuống giếng không chết cũng bị thương, xem như thập tử nhất sinh, ấy vậy mà còn bị ném đá xuống nữa, phải chăng là phải chết chắc.

Nghĩa bóng là đối với kẻ thù ta không thể nhân từ. Đã đành là phải đánh cho chết, thì mới giành được chiến thắng. Địch vừa bị đánh vừa bị đập nên kiệt sức, không thể gắng gượng chống cự lại ta.

26. Hư trương thanh thế

“*Hư trương thanh thế*” là thổi phồng thanh thế, bày trò giả tạo làm ra vẻ đông đúc, hùng mạnh để đối phương nể sợ. Ít mà giả ra như nhiều, yếu mà làm ra vẻ mạnh mẽ. Đó chính là “hư trương thanh thế”. Hoặc là ta đã mạnh rồi mà còn phô trương như duyệt binh, đánh trận giả (tập trận) .v.v... để cho đối phương thấy ta hùng mạnh mà sợ hãi.

“Sứ giả mang chiếu ra triệu Khổng Minh về Thành Đô. Tiếp được chiếu chỉ ngẩng mặt lên trời than rằng:

- Chúa thượng còn ít tuổi, tất có quan nịnh thần ở cạnh. Ta đây muốn lập công, có gì lại đòi về. Nếu ta không về, thì là khinh chúa, mà về thì bao giờ cho gặp được cơ hội này nữa?

Khương Duy hỏi rằng:

- Quân ta nhược bằng lui về, Tư Mã Ý thừa thế đuổi theo, thì làm thế nào?

Khổng Minh nói:

- Nay ta rút quân, phải chia làm năm đường mà lui. Ví như trong trại ta có một nghìn quân, thì phải bắt hai nghìn bếp. Ngày nay làm ba nghìn bếp, ngày mai tăng lên bốn nghìn bếp. Mỗi ngày đắp thêm bếp mà đi.

Dương Nghi lại hỏi:

- Khi xưa Tôn Tẫn bắt Bàng Quyên, dùng mẹo giảm bếp. Nay thừa tướng thêm bếp là ý làm sao? Khổng Minh nói:

- Tư Mã Ý giỏi việc dùng binh, biết quân ta lui, tất nhiên đuổi theo. Nhưng trong bụng còn hồ nghi ta có quân mai phục, thì y tất vào trại ta đếm bếp. Ý thấy mỗi ngày thêm mãi mãi bếp ra thì không biết lui hay là không lui, tất sinh nghi mà không dám đuổi theo nữa, ta cứ từ từ lui về, không đến nỗi tổn hại quân sĩ.

Tư Mã Ý chỉ chức quân Thục rút về thì đuổi đánh. Đang khi nghĩ ngợi sức có tin báo rằng:

- Trại Thục bỏ không, quân mã rút về cả rồi.

Tư Mã Ý còn ngại Khổng Minh lắm mưu, chưa dám khinh tiến. Tự dẫn hơn 400 quân kỵ, đến trại Thục ngắm xem, sai quân sĩ đếm bếp rồi trở về trại mình.

Hôm sau sai quân sĩ đến một trại nữa, tra điểm xem có bao nhiêu bếp. Quân sĩ về báo rằng:

- Bếp ở trại này hơn trại trước một nửa.

Tư Mã Ý bảo với các tướng rằng:

- Ta chắc rằng Khổng Minh lắm mẹo, nay quả nhiên thêm quân cho nên bắt thêm bếp, không bằng ta hãy trở về, sẽ liệu kế khác.

Bởi thế dẫn quân trở về, không đuổi theo. Khổng Minh rút toàn quân về Thành Đô không thiệt một người nào.

Khổng Minh thêm bếp cũng là để “hư trương thanh thế”.

27. Phủ để trừu tân

“*Phủ để trừu tân*” là bột lửa để nước khỏi trào. Phàm việc nấu nướng khi nước trong nồi đã sôi rồi (nóng quá độ) mà ở dưới không hạ lửa (bớt lửa) thì nước trong nồi sẽ trào ra, làm cho hư cả thức ăn, thức uống.

Một vấn đề gay cấn đến căng thẳng mà không biết làm dịu lại ắt là bùng nổ lớn có hại cho đại cuộc.

“*Phủ để trừu tân*” còn có nghĩa là nhường nhịn (dám hy sinh lợi nhỏ để được lợi lớn).

“Hạng Vũ tiến quân vào Hàm Dương sau Bái Công (Lưu Bang), thấy quân Bái Công đóng chặt cả thành, canh phòng cẩn mật, nói với Phạm Tăng:

- Bái Công không muốn quân chư hầu vào Hàm Dương là ý gì?

Phạm Tăng nói:

- Bái Công muốn giữ lời ước của vua Hoài Vương, làm vua Quang Trung đó. Minh Công lập nên vua Hoài Vương, chinh chiến ba năm khó nhọc, gây dựng uy thế trong thiên hạ, còn Bái Công chỉ dựa vào sự nghiệp của Minh Công, chiếm đoạt công lao, như thế làm sao giữ được?

Hạng Vũ nói:

- Dầu Lưu Bang có chiếm được Hàm Dương nhưng quân chưa đầy mười vạn, sức không bằng Chương Hàm, làm thế nào cự nổi ta?

Phạm Tăng nói:

- Nay lấy cớ Bái Công đóng cửa quan, không cho chư hầu vào, đem quân đánh thành đã rồi hãy viết thư nói phải trái với Bái Công sau.

Hạng Vũ liền sai Anh Bố đem mười vạn quân công thành. Tiết Ân và Trần Bái đóng cửa thành lại, tuần hành rất nghiêm ngặt.

Hạng Vũ viết thư bắn vào thành, quân sĩ lượm được cấp trình đến Bái Công xem. Thư rằng:

“Lỗ Công Hạng Vũ kính thư Bái Công hiền huynh nhĩ giám.

Khi trước tôi cùng hiền huynh nhận ước vua Hoài Vương kết làm anh em, hợp sức đánh Tần trừ bạo cứu muôn dân. Nay hiền huynh sớm vào được Hàm Dương tài năng ấy tôi rất phục.

Song, nếu tôi không dựng vua Sở, thu lòng thiên hạ, không đánh Chương Hàm, thu phục chư hầu, thì nay hiền huynh có thể vào được Hàm Dương chăng? Kẻ đặc thế thường hay quên công khó của người khác. Tôi bình hùng tướng mạnh, sức có thể xẻ núi lấp sông, sá gì một cửa thành còn con con mà hiền huynh ngăn đón?

Hiền huynh nên tính kỹ, kéo đến lúc tôi hạ thành tình nghĩa không còn. Vả lại, lời ước trước kia, tôi sẽ tự xử hiền huynh không phải lo.” Bái Công xem thư hỏi Trương Lương:

- Việc này rất khó nghĩ, tiên sinh có kế chi chăng?

Trương Lương nói:

- Quân Hạng Vũ mạnh lắm, cửa quan không thể giữ lâu. Nếu dụng sức kháng cự quân ta bị tiêu diệt, như thế không lợi cho bước đường tiến thủ sau này. Chi bằng mở cửa quan cho họ vào, rồi sẽ liệu.

Bái Công liền sai người cầm cờ tiết đến bảo mở cửa ải cho quân Sở vào.”

28. Sát kê hách hầu

“*Sát kê hách hầu*” Nghĩa đen là giết gà để uy hiếp khi.

Khỉ vốn sợ máu gà, nên khi người ta muốn dạy khỉ, việc đầu tiên là người ta giết con gà cho con khỉ trông thấy máu gà bê bết mà khiếp sợ rồi mới luyện tập, dạy khỉ.

Nghĩa bóng là giết một người phạm tội để thị uy, người khác nhìn thấy gương đó mà phải sợ không dám sai phạm, lỗi lầm.

Hoặc là giết một người để trị yên nhiều người cũng là kế “*sát kê hách hầu*”.

“Tào Tháo cất quân đánh viên Thuật hơn một tháng mà không xong. Đoàn quân 170.000 người của Tháo mỗi ngày ăn tốn lắm. Các quận lại mất mùa, chuyển vận lương không kịp. Lương ăn thì gần hết.

Tháo đưa thư sang vay Tôn Sách được 100.000 hộc lương. Quan coi lương là Vương Hậu thấy ít quá không đủ phát cho quân, vào bẩm với Tháo, hỏi xem nên làm thế nào?

Tháo nói:

- Đem hộc nhỏ mà phát cho chúng nó, tạm cứu cấp lấy một lúc.

Hậu lại hỏi:

- Thế ngộ quân sĩ kêu ca thì nói thế nào?

Tháo nói:

- Ta đã có phép.

Hậu vâng lệnh, về lấy học nhỏ đóng lương phát cho quân.

Tháo cho người đi dò các trại, chỗ nào cũng thấy quân ta thán rằng: “Thừa tướng đánh lừa quân”.

Tháo thấy vậy cho người ra đòi Vương Hậu vào bảo rằng:

- Quân bây giờ chúng nó kêu ca lắm về nỗi phát lương bằng học nhỏ. Ta nay muốn mượn người một cái, để yên bụng chúng, người đừng nên tiếc.

Hậu hỏi:

- Thừa tướng muốn dùng cái gì của tôi?

Tháo nói:

- Ta muốn mượn cái đầu người để dẹp bụng oán của quân.

Hậu thất kinh kêu oan. Tháo lại nói:

- Ta cũng biết người không có tội, nhưng không giết người thì lòng quân sinh ra biến loạn mất. Thôi người chịu chết vậy, để vợ con ta nuôi cho, người đừng lo gì cả.

Vương Hậu muốn nói nữa, nhưng Tháo đã gọi ngay đao phủ vào lôi Hậu ra ngoài cửa chém, rồi bêu đầu lên một cái sào dài, yết thị rằng: “Vương Hậu cố làm đầu nhỏ để hà lạm lương vua, nay đem trị theo chính pháp.”

Bởi thế quân sĩ không oán gì nữa.

29. Phản gián kế

“*Phản gián kế*” là dùng người của địch lừa dối địch, người của địch mà làm việc cho ta.

Tư Mã Ý cho Trịnh Văn trá hàng nhằm gài người của mình vào ngang ngũ quân Thục. Khổng Minh biết Trịnh Văn trá hàng, Trịnh Văn đành nhận tội. Kế hoạch cho tướng trá hàng của Tư Mã Ý đã bại lộ, nhưng Ý không biết, cứ ngỡ là Khổng Minh đã tin dùng Trọng Văn. Sau đó, Khổng Minh bắt Trọng Văn viết cho Tư Mã Ý một mật thư bảo Ý đến cướp trại Thục, Văn sẽ làm nội ứng.

Tư Mã Ý cứ ngỡ kế hoạch cho Trịnh Văn trá hàng là chu đáo mật nhiệm nên đã

cho quân cướp trại Thục, bị Khổng Minh phục binh đánh cho một trận trời bời manh giáp.

30. Lý đại đào cương

“*Lý đại đào cương*” nghĩa đen là đưa cây lý chết thay cho cây đào.

Nghĩa bóng là người dưới sẵn sàng hy sinh để giải cứu cho người trên.

“Năm 1419, nghĩa quân Lam Sơn bị quân Minh bao vây lần thứ hai ở núi Chí Linh. Vòng vây của kẻ thù ngày càng khép chặt mà lương thực của nghĩa quân đã hết sạch hơn mười ngày. Trước tình thế đó, tướng Lê Lai xin cải trang làm Lê Lợi, dẫn 500 quân cảm tử ra đột phá vòng vây để đánh lạc hướng quân thù. Quân Minh tập trung lại bao vây để bắt sống Lê Lợi giả và tiêu diệt đội cảm tử quân. Trong khi đó Lê Lợi thật cùng tướng tá, quân sĩ chạy đi một đường khác, thoát khỏi một cơn hiểm nghèo.”

Lê Lai đã sẵn sàng chết thay cho Lê Lợi. Sự hy sinh anh dũng đó chính là áp dụng kế “*lý đại đào cương*”.

31. Thuận thủ khiên dương

“*Thuận thủ khiên dương*” nghĩa đen là thuận tay dắt luôn con dê. Mục đích chính là làm một việc khác, nhưng thấy dê ở bên đường thuận tay bắt luôn.

Nghĩa bóng là khi dịp may (cơ hội tốt) đã đến thì phải nhanh chóng chớp lấy mà hành sự nhất định sẽ thành công lớn, được nhiều thắng lợi.

32. Dục cầm cố tung

“*Dục cầm cố tung*” nghĩa đen là muốn bắt mà lại thả ra, hay nói cách khác là tha rồi mới bắt.

Nghĩa bóng là nói sự mềm dẻo của chính sách thu phục nhân tâm.

“Khổng Minh bảy lần bắt được Mạnh Hoạch, nhưng đều tha chết cả.

Mạnh Hoạch ứa nước mắt nói:

- Bảy lần bị bắt bảy lần được tha. Xưa nay chưa có việc như vậy. Tuy tôi là người ngoại hóa, song cũng biết chút ít lễ nghi, lễ nào vô liêm sỉ quá thế?

Đoạn Mạnh Hoạch dẫn cả vợ con, họ hàng, khúm núm vào quỳ dưới trướng, tha

thiết nói:

- Người Man phương chẳng dám làm phản nữa.

Khổng Minh hớn hờ nói:

- Nay ông chịu phục chưa?

Mạnh Hoạch sụp lạy đáp:

- Chúng tôi mang ơn thừa tướng che chở, lẽ nào chẳng chịu phục.

Khổng Minh bước xuống trướng đỡ Mạnh

Hoạch dậy, rồi hai người đều lên trên trướng ngồi. Sau đó, Khổng Minh phong cho Mạnh Hoạch làm Đông chủ. Tất cả đất đai lâu nay chiếm được đều trả lại cho Mạnh Hoạch.

Mạnh Hoạch cùng tất cả họ hàng cảm động, mừng rỡ, đồng lạy tạ rồi ra về.

Người Man cảm phục ân đức của Khổng Minh. Họ cùng nguyện thề là không bao giờ dám phản nữa.

Khổng Minh áp dụng kế “dục cầm cố tung” rất khéo vậy.

33. Khổ nhục kế

“Khổ nhục kế” là chịu hành hạ mình, chịu khổ, chịu nhục rồi nói là mình bị bạc đãi, bị mưu hại nên phải chạy sang đầu hàng đối phương. Thấy tình cảnh khổ nhục, bị hành hạ, nên đối phương tin mà dùng người đầu hàng. Sau khi được tin dùng, trọng dụng, kẻ chịu “khổ nhục kế” đó mới tiếp cận kẻ thù mà thi hành nhiệm vụ như ám sát, thích khách, hạ độc, phóng hỏa, làm nội ứng

.v.v...

“Vua Ngô là Hạp Lư thấy Ngũ Viên cố tình tiến cử Yêu Ly, nên mới vời Yêu Ly vào cung mật đàm.

Yêu Ly hỏi:

- Có phải cái lo trong lòng đại vương giờ đây là muốn giết Khánh Kỵ phải không? Tôi có thể giết được hãn!

Hạp Lư ngả đầu cười và nói:

- Khánh Kỵ là một người dũng mãnh, thân thể cao lớn, khỏe mạnh, đi như bay, chạy như gió, muôn người không địch nổi, ta e nhà ngươi khó lòng làm được việc ấy.

Yêu Ly nói:

- Giết người giỏi không phải là cái lực mà ở cái trí. Như nếu hạ thần gần được Khánh Kỵ là hạ thần có thể giết được hãn.

Hạp Lư nói:

- Khánh Kỵ là người rất thông minh, khó lòng mà gần cận được hãn.

Yêu Ly đầy tự tin nói rằng:

- Hạ thần đã có biện pháp. Hiện nay Khánh Kỵ đang chiêu nạp anh hùng tứ xứ, hạ thần có thể giả làm người bị tội để đến đầu hàng Khánh Kỵ. Đại vương có thể chặt cánh tay phải của hạ thần, giết vợ con hạ thần làm cái kế khổ nhục cho Khánh Kỵ tin tưởng.

Hạp Lư chau mày nói:

- Người vô tội, ta nỡ lòng nào làm vậy.

Yêu Ly thản nhiên đáp:

- Kẻ quá yêu mến gia đình, yên mến bản thân mà quên nghĩa lớn thì không phải

là nghĩa sĩ vậy. Hạ thần cam tâm tiêu hủy toàn gia để toàn trung toàn nghĩa.

Ngũ Viên cũng tán thành ý kiến của Yêu Ly.

Cuối cùng Hạp Lư bằng lòng.

Ngày hôm sau, Ngũ Viên tiến cử Yêu Ly cầm quân đánh nước Sở.

Hạp Lư nổi giận mắng Ngũ Viên:

- Người xem Yêu Ly người ngợm thế kia, giết gà còn không xong mà cầm quân cái gì?

Yêu Ly cười khẩy nói rằng:

- Đại vương thật là kẻ vong ân. Ngũ Viên đã từng giúp đại vương ổn định giang sơn, thế mà, đại vương lại không giúp Ngũ Viên báo thù cha!

Hạp Lư đập bàn quát:

- Đó là đại sự quốc gia, mày đâu biết gì mà dám nhục mạ quả nhân!

Quát rồi, Hạp Lư ra lệnh cho quân mang Yêu Ly xuống chặt một cánh tay phải, vất vào ngục tối.

Ngũ Viên thở dài lui ra, các quan không ai dám nói gì. Hạp Lư còn hạ lệnh bắt hết vợ con của Yêu Ly nữa.

Mười ngày sau, Ngũ Viên bố trí cho Yêu Ly thoát ngục. Hạp Lư thấy Yêu Ly trốn rồi, bức tức sai giết vợ con Yêu Ly.

Yêu Ly ra khỏi nước Ngô, đi tìm Khánh Kỵ bên nước Vệ. Khánh Kỵ mới đầu nghi ngờ Yêu Ly trá hàng. Yêu Ly giơ cánh tay cụt ra, bấy giờ Khánh Kỵ hơi tin mới hỏi:

- Hạp Lư chặt cánh tay người, giết vợ con người, nhưng người đến đây để làm gì?

Yêu Ly nói:

- Tôi nghe Hạp Lư giết phụ thân của công tử để đoạt vương vị. Hiện tại công tử muốn báo thù, nên tôi đến. Bây giờ tôi là kẻ tàn phế, tuy không xông pha nơi trận mạc được, nhưng tôi rất rành địa thế nước Ngô. Tôi nghĩ tôi có thể giúp công tử báo thù cha và tôi thì báo thù được cho vợ con tôi.

Trong khi Khánh Kỵ do dự chưa quyết định thì có quân về báo cả nhà Yêu Ly bị chém đầu bên ngoài chợ.

Yêu Ly nghe tin khóc rống lên, nghiến răng trợn mắt, réo cái tên của Hạp Lư ra

mà chửi rửa. Khánh Kỵ bấy giờ mới tin hẳn. Rồi hỏi Yêu Ly:

- Hạp Lư dùng Ngũ Viên và Bá Sĩ làm mưu sĩ, luyện binh tuyển mã, trong nước lại cường thịnh, còn ta đây binh yếu tướng ít, làm thế nào để có thể trả thù được?

Yêu Ly nói:

- Bá Sĩ là tên vô mưu chỉ có bụng ăn cơm mà không có óc suy nghĩ, việc không có gì đáng lo.

Chỉ còn có Ngũ Viên là có tài trí, dũng mãnh song toàn, nhưng nay ông ta lại có chuyện rất buồn bực với Hạp Lư.

Khánh Kỵ vội vã hỏi làm sao.

Yêu Ly nói:

- Công tử chỉ biết một mà không biết hai. Ngũ Viên sở dĩ tận lực giúp Hạp Lư mục đích là để mượn binh phản Sở, trả thù cho cha anh. Nhưng bây giờ Sở Bình Vương đã chết. Phí Vô Cực không còn nữa. Hạp Lư thì yên ổn với cương vị, ngày ngày ham mê rượu chè, gái đẹp, chẳng tưởng gì đến báo thù cho Ngũ Viên. Hôm rồi, Ngũ Viên tiến cử tôi cầm quân đánh Sở, Hạp Lư giận mắng thẳng vào mặt Ngũ Viên, lại còn bĩ mặt làm tội tôi luôn, như vậy Ngũ Viên không hận sao được? Khi tôi vượt ngục trốn đến đây, Ngũ Viên đã giúp tôi rất nhiều. Ông ta cố dẫn tôi đến gặp công tử xem tình hình ra sao. Nếu công tử cần đến, ông ấy có thể làm nội ứng để tạ cái tội giết vua.

Ngưng một hồi Yêu Ly nói tiếp:

- Công tử không thừa dịp này đem binh đánh Ngô thì còn đợi lúc nào nữa? Cứ dùng dằng, tôi e chẳng có ngày nào tốt hơn để công tử báo thù.

Nói xong, Yêu Ly khóc lớn và lao đầu vào tường như muốn tỏ nỗi lòng uất ức của mình. Khánh Kỵ ngăn lại mà rằng:

- Được, được, ta sẽ nghe lời nhà ngươi, nhất định trong một thời gian ngắn ta sẽ khởi binh.

Khánh Kỵ mang Yêu Ly về căn cứ của mình, dùng Yêu Ly làm tâm phúc, giao cho Yêu Ly phụ trách huấn luyện quân sĩ, tu chỉnh binh quyền.

Ba tháng trôi qua, Khánh Kỵ giương cờ khởi nghĩa, chia hai đạo binh thủy, lục thẳng tiến về nước Ngô.

Khánh Kỵ và Yêu Ly ngồi chung một thuyền.

Đi được một quãng đường, thì lái bị kẹt không tiến lên được. Yêu Ly bảo với

Khánh Kỵ rằng:

- Công tử lên đằng đầu mũi thuyền ngồi để cho kẻ chèo trông thấy phải cố gắng hết sức mình.

Khánh Kỵ nghe lời Yêu Ly, cầm một cái giáo đứng đầu mũi thuyền. thốt nhiên, một cơn lốc thổi đến làm thuyền chòng chành, Khánh Kỵ suýt muốn té, thì nhanh như cắt, Yêu Ly đã dùng giáo, đâm suốt qua ngực Khánh Kỵ. Mắt trợn lên, Khánh Kỵ nắm lấy Yêu Ly quăng xuống nước chìm hai ba lần rồi vớt Yêu Ly lên thuyền. Nét mặt hơi đau đớn nhưng Khánh Kỵ vẫn cười nói rằng:

- Mà thật là dũng sĩ, dám hành thích ta!

Quân của Khánh Kỵ xô đến định băm nát Yêu Ly, nhưng Khánh Kỵ cản lại và nói:

- Hãy tha cho người dũng sĩ này!

Nói xong máu tuôn ra xối xả, Khánh Kỵ ngã vật xuống rồi chết luôn. Còn Yêu Ly, nhiệm vụ đã xong, liền rút kiếm tự đâm vào cổ họng mình.”

34. Phao bác dẫn ngọc

“*Phao bác dẫn ngọc*” nghĩa đen là bỏ viên ngọc lấy hòn ngọc.

Tục ngữ Việt Nam cũng có câu “*bỏ con tép, bắt con tôm*” đều có nghĩa bóng là bỏ lợi nhỏ để lấy lợi lớn.

Từ cuối thế kỷ XIII sang thế kỷ XIV nổ ra nhiều cuộc xung đột giữa nhà Trần với Ai Lao và Champa.

Năm 1306, vua Trần gả công chúa Huyền Trân cho vua Champa để đổi lấy hai châu Ô, Lý (Quảng Trị, Thừa Thiên). Biên giới phía Nam của nước Đại Việt từ đó là đèo Hải Vân. Vua Trần đã vận dụng kế “*phao bác dẫn ngọc*” để mở mang bờ cõi cho nước Đại Việt.

35. Tá thi hoàn hồn

“*Tá thi hoàn hồn*” nghĩa đen là mượn xác để hồn trở về. Người xưa cho rằng con người có hai phần xác thân và hồn phách. Không có hồn thì người chết chỉ còn xác mà thôi. Nay hồn trở về nhưng xác thân đã mục rữa không còn nữa, nên hồn nhập vào một xác thân người khác để hành động

Chuyện “*hồn Trương Ba da hàng thịt*” cũng giống như “*tá thi hoàn hồn*”.

Nghĩa bóng là sau khi thất bại, buộc phải lợi dụng một lực lượng nào đó để khởi lên giành chính quyền. Trường hợp vua Lê Chiêu Thống cầu quân Thanh sang đánh Việt Nam, mưu đồ giành lại ngôi vua là “*tá thi hoàn hồn*”. Vô tình đã rước voi giày má tổ, vì mượn cái hồn của kẻ gian ác chuyên ăn cướp nên thật là nguy hiểm. Cho nên vận dụng kế “*tá thi hoàn hồn*” phải rất cẩn thận mới được.

36. Tẩu kế

“*Tẩu kế*” là kế chạy để thoát thân, tránh tai họa, bảo đảm an toàn, bảo toàn lực lượng, chờ cơ hội thuận lợi mới đánh trả lại.

Quân Nguyên Mông ba lần đánh nước ta. Nhà Trần ba lần vận dụng “*tẩu kế*”. Lần nào cũng rút chạy bỏ kinh thành cho giặc chiếm đóng, sau đó mới đánh chiếm trở lại và đã ba lần toàn thắng quân Nguyên Mông.

QUỖ CỐC TỬ - ÔNG TỔ CỦA PHÁI BÌNH GIA MƯU SĨ

“Quỷ Cốc Tử là một bậc kỳ nhân thời Xuân thu chiến quốc (bên Trung Hoa).

Ở đất Dương Thành, thuộc địa phận nhà Chu có một cái hang giữa chốn núi cao rừng rậm, đầy lam sơn chướng khí, người thường khó ở được, nên gọi là Quỷ Cốc (hang quỷ). Có vị đạo sĩ sống trong hang này, đạo cao đức trọng, vừa tu luyện vừa dạy học trò, nên người đời gọi ông là Quỷ Cốc tiên sinh.

Quỷ Cốc Tử tinh thông Nho, y, lý, số, đã mở rộng và phát triển Dịch học, lại còn sáng lập các môn như: số học (gọi là Nhật nguyệt tương vĩ, thu cả trong bàn tay, xem việc trước, đoán việc sau rất linh nghiệm), Binh học (Cách hành binh, bày trận khôn khéo tài tình), Du thuyết học (học rộng nghe nhiều, hiểu rõ địch ta, thấy lẽ mạnh yếu, thời và thế của mình, buông lời hùng biện, thuyết phục và cảm hóa người nghe), Xuất thế học (bảo toàn chân tính, luyện thuốc nuôi mình, đắc đạo thành tiên).

Học trò của Quỷ Cốc Tử có những người tài giỏi như: Tô Tân, Trương Nghi, Tôn Tẫn, Bàng Quyên, Quản Lộ, Dã Hạc... đều là kỳ nhân của các triều đại.

Người đời có 36 kế, Quỷ Cốc Tử đưa ra 72 pháp (cách _ mưu) để phá vỡ 36 kế. Người ta gọi 72 phép đó là Quỷ Cốc đấu pháp tâm thuật.

Bảy mươi hai phép này, trong tĩnh có động, trong động có tĩnh. “Biến sinh ra sự, sự sinh mưu, mưu sinh kế, kế sinh nghị, nghị sinh thuyết, thuyết sinh tiến, tiến sinh thoái, thoái sinh chế (chế ngự sự việc).

Quỷ Cốc Tử cho rằng thiên hạ vốn không có việc gì khó, mọi chuyện toàn là do người ta đặt ra (bày đặt), bố trí mà thôi. Chỉ cần không ngừng nghiên cứu thực tiễn, thì có thể đạt được mục đích của mình.

Tương truyền rằng Quỷ Cốc Tử họ Vương tên Hủ, người đời Tấn Bình Công, nguyên trước ở Vân Mộng Sơn. Cùng với người nước Tống là Mặc

Địch hái thuốc tu đạo tại đây. Mặc Địch không có vợ con gì cả, chỉ nguyện đi chu du thiên hạ, theo một chủ nghĩa kiêm ái mà cứu thế độ dân, còn Vương Hủ thì ẩn ở núi Quỷ Cốc.

Quỷ Cốc Tử có cái thuật tu tiên như thế, làm sao còn khuất thân ở tại cõi trần? Đó là vì tiên sinh còn muốn siêu độ cho mấy người đệ tử thông minh, cùng về tiên cảnh, cho nên mới mượn nơi Quỷ Cốc để nương mình. Ban đầu, đôi khi Quỷ Cốc tiên sinh đi vào chợ, xem bói cho mọi người nói những điều tốt xấu, lành, dữ đều

linh nghiệm cả, rồi dần dần có nhiều người mến cái thuật của tiên sinh, kéo nhau đến xin học. Tiên sinh xem xét tư chất của từng người, ai học được thuật gì thì truyền thụ cho thuật ấy, có ý vừa để gây dựng lấy một số nhân tài để giúp việc cho bảy nước, vừa dò xem người nào có tiên cốt để cùng bàn việc lìa bỏ cõi đời trần tục mà đến một thế giới thanh cao. Tiên sinh ở đó không biết bao nhiêu năm, học trò đến học không biết bao nhiêu người, ai đến cũng dung, mà ai bỏ đi cũng không giữ lại.

Bàng Quyên muốn giã từ Quỷ Cốc tiên sinh xuống núi đi đến nước Ngụy tỏ tài, lại sợ tiên sinh không cho, trong lòng trù trừ muốn nói mà không dám nói. Nhưng Quỷ Cốc trông mặt xét tình, đã thừa biết ý riêng của Bàng Quyên, bèn cười mà bảo rằng:

- Thời vận nhà ngươi đã đến, sao không xuống núi mà lấy giàu sang?

Bàng Quyên nghe lời thầy nói chính hợp ý mình, liền quì xuống mà nói rằng:

- Đệ tử cũng đã có ý ấy, nhưng không biết chuyển đi này có được hài lòng không?

Tiên sinh nói:

- Nhà ngươi đi hái một cánh hoa đem về đây để ta xem cho.

Bàng Quyên đi xuống núi tìm hoa. Bấy giờ là tháng sáu, khí trời nóng nực, cây ít có hoa nở, Bàng Quyên loay quanh tìm mãi chỉ thấy một nhánh hoa cỏ, liền nhổ lấy cả gốc toan đem về trình sư phụ, bỗng lại nghĩ thứ hoa này chất mềm thân yếu, không phải là vật quý giá, bèn quẳng bỏ xuống đất rồi đi tìm một hồi nữa. Nhưng không sao tìm được thứ hoa nào khác, bất đắc dĩ lại đi đến chỗ cũ để nhặt lấy nhánh hoa đã quẳng bỏ, bỏ vào trong tay áo, về nói với thầy rằng:

- Trong núi không có hoa.

Tiên sinh nói:

- Không có hoa thì cái gì ở trong tay áo nhà ngươi kia?

Bàng Quyên không giấu được phải lấy ra đưa trình, nhánh hoa ấy bị nhổ lên và bị phơi nắng, nên đã héo rũ.

Tiên sinh nói:

- Nhà ngươi có biết tên thứ hoa này là gì không? Đó tức là hoa Mã Đâu Linh, mỗi lần nó nở ra mười hai cái, như thế là sau này nhà ngươi cũng được vinh hiển mười hai năm. Hoa này hái ở hang Quỷ Cốc, thấy mặt trời thì héo, bên chữ quỷ () có chữ ủy (), nhà ngươi tất xuất thân ở nước Ngụy ().

Bàng Quyên nghĩ thầm lấy làm lạ. Tiên sinh lại nói:

- Sau này nhà ngươi sẽ vì việc lừa dối người mà bị người ta lừa dối lại, cho nên phải lấy điều đó mà răn mình. Ta có tám chữ này, nhà ngươi nên nhớ lấy đừng quên: “*gặp dê thì tươi, gặp ngựa thì héo*”.

Bàng Quyên lạy hai lạy rồi nói rằng:

- Lời giáo hóa của Tôn Sư, đệ tử xin ghi lòng tạc dạ.

Bàng Quyên đi rồi, Tôn Tẫn trở về núi rơm rớm nước mắt.

Tiên sinh bèn hỏi rằng:

- Bàng Quyên đi, ngươi nhớ tiếc lắm phải không?

Tôn Tẫn nói:

- Nghĩ tình đồng học, sao khỏi nhớ tiếc nhau!

Tiên sinh hỏi:

- Ngươi bảo cái tài của Bàng quyên có đáng làm đại tướng không?

Tẫn nói:

- Nhờ ơn thầy dạy bảo đã lâu, sao lại không làm được?

Tiên sinh nói:

- Không làm được! Không làm được!

Tôn Tẫn lấy làm lạ, hỏi vì cớ gì, tiên sinh không nói. Đến hôm sau, tiên sinh bảo học trò rằng:

- Ban đêm ta rất ghét nghe tiếng chuột kêu, các anh phải thay nhau thức mà đuổi chuột cho ta.

Học trò vâng lời. Khi đến lượt Tôn Tẫn phải thức, tiên sinh bèn lấy ở dưới gối ra một cuốn sách, bảo Tôn Tẫn rằng:

- Đây là mười ba thiên binh pháp của ông nội ngươi là Tôn Võ Tử. Xưa kia ông ngươi đem dâng vua Hạp Lư nước Ngô. Hạp Lư theo dùng, phá tan được quân Sở. Sau Hạp Lư tiếc quyển sách này, không muốn truyền bá cho mọi người, bèn làm ra một cái hòm sắt để cuốn sách ấy vào cất giấu ở trong khe cột đài Cô Tô. Từ khi quân Việt đốt đài, cuốn sách ấy chẳng còn ai biết đến nữa. Ta vốn có chơi với ông ngươi, được xem sách ấy, tự tay chú giải, những điều bí mật trong sự hành binh đều ở trong sách ấy, ta chưa từng cầu thả giao cho ai, nay thấy ngươi có lòng trung hậu nên ta giao cho.

Tôn Tần nói:

- Đệ tử cha mẹ mất sớm, lại gặp lúc trong nước nhiều biến cố, họ hàng mỗi người đi mỗi nơi, dầu biết tổ phụ có cuốn sách ấy nhưng không ai truyền bảo cho. Tôn Sư đã có chú giải, sao không truyền cả cho Bàng Quyên, lại chỉ truyền riêng cho Tần này?

Tiên sinh nói:

- Được cuốn sách này, khéo dùng thì làm lợi cho thiên hạ, không khéo dùng thì làm hại to. Quyên không phải là người tốt, khi nào ta lại giao cho được.

Tần bèn đem về buồng nằm ngày đêm nghiền đọc. Sau đó ba ngày, tiên sinh đòi lấy sách, Tôn Tần đem nộp. Tiên sinh theo từng thiên hỏi lại, Tần đáp trôi chảy không sót một chữ nào. Tiên sinh mừng mà nói rằng:

- Người biết dụng tâm như thế, tổ phụ người dù có qua đời, cũng như còn sống vậy.

Trong khi đó ở nước Ngụy, Ngụy Huệ Vương trọng dụng Bàng Quyên làm đại tướng. Lại được Mặc Dịch tiến cử Tôn Tần là người tài giỏi trong thiên hạ nhờ được các điều bí truyền của tổ phụ, nên Ngụy Huệ Vương lập tức đòi Bàng Quyên vào hỏi:

- Ta nghe người cùng học với khanh là Tôn Tần, được riêng binh pháp bí truyền của Tôn Võ Tử, tài giỏi không ai bằng, sao khanh chẳng vì quả nhân mà triệu đến?

Bàng Quyên nói:

- Hạ thần không phải là không biết tài Tôn Tần, nhưng nghĩ Tần là người nước Tề, họ hàng đều ở nước Tề, nay làm quan với Ngụy, thì tất thế nào hãn cũng coi Tề hơn. Vì vậy hạ thần không dám tiến cử.

Huệ Vương nói:

- Kẻ sĩ chết cho người tri kỷ, há cứ phải người bản quốc mới dùng được ư?

Bàng Quyên nói:

- Đại vương đã muốn triệu Tôn Tần, hạ thần xin viết thư triệu đến.

Bàng Quyên dầu không nói gì, nhưng trong lòng trù trừ, nghĩ thầm binh quyền nước Ngụy ngày nay ở trong tay mình, nếu Tôn Tần đến thì e sẽ bị cướp mất. Nhưng Ngụy vương đã bảo thì thế nào cũng phải phụng mệnh, âu là đợi khi hãn đến sẽ lập kế ngăn trở đường tiến dụng của hãn lại càng hay. Nghĩ vậy rồi viết một phong thư trình Huệ Vương xem. Huệ Vương dùng xe tứ mã và nhiều vàng ngọc,

sai người cầm phong thư của Bàn Quyên đi đến Quỷ Cốc đón Tôn Tẫn. Tôn Tẫn bóc thư ra xem, đại ý nói:

“Quyên này nhờ bóng đại huynh, đến yết Ngụy Vương thì được trọng dụng ngay. Mấy lời hẹn nhau khi từ biệt, vẫn ghi nhớ bên lòng, nay đã tiến cử đại huynh lên Ngụy Vương, vậy xin đại huynh mau mau phó triều để cùng lập nên sự nghiệp.”

Tôn Tẫn đem thư trình lên Quỷ Cốc tiên sinh, tiên sinh biết Bàn quyên đã được trọng dụng, nay có thư đến đón Tôn Tẫn, lại không có một chữ nào hỏi thăm thầy, thực là người phụ bạc quên gốc, không đáng kể đến. Tiên sinh nghĩ rằng: Bàn Quyên là người kiêu căng đố kỵ, nếu Tôn Tẫn đi thì hai người không thể dung nhau được, nhưng muốn bảo dừng đi, thì e phụ lòng Ngụy Vương, thôi đành cứ để cho đi vậy. Liên bảo Tôn Tẫn cũng đi lấy một cành hoa núi để bói cho xem tốt xấu thế nào. Bấy giờ là tiết tháng chín, Tẫn thấy cái bình ở trên án có cắm một cành hoa cúc, bèn rút lấy đem trình, rồi lại đem cắm trả ngay vào trong bình.

Tiên sinh liền đoán rằng:

- Cành hoa này đã bị bẻ, không được hoàn hảo, nhưng tính chịu rét, tuyết sương dầu dãi cũng không rụng, dầu có bị tàn hại cũng không hề gì, và cắm để trong bình, người người đều quý trọng, mà cái bình ấy lại là vàng đúc nên, cùng một loại với cái chung cái đỉnh, chắc rồi ra sẽ được danh tiếng lẫy lừng. Nhưng loài hoa này qua hai lần cắt nhấc, rồi mới cắm vào bình, vậy sự nghiệp của người nhất thời chưa thể đặc ý được, mà kết cục sẽ làm nên ở đất nước nhà mình. Vậy ta sẽ đổi chữ tên cho, có thể mong tiến thủ được!

Tiên sinh bèn đổi tên cho là “Tẫn”. Theo nghĩa thì chữ tẫn () là cái xương bánh chè ở đầu gối, nên dùng để chỉ một loại cực hình chặt bỏ xương này đi, khiến tội nhân không thể đi được nữa.

Quỷ Cốc tiên sinh đổi tên cho Tôn Tẫn như thế là biết trước Tôn Tẫn thế nào cũng bị hình phạt này, nhưng cơ trời không dám tiết lộ cho ai biết.

Khi Tôn Tẫn ra đi, tiên sinh lại trao cho một cái cấm nang, dặn kỹ hễ khi nào gặp việc nguy cấp quá mới được mở ra xem.

Tôn Tẫn lạy từ tiên sinh rồi theo sứ giả nước Ngụy xuống núi, lên xe cùng đi.

Tôn Tẫn, Trương Nghi đứng bên cạnh đều tỏ ý hâm mộ, bàn riêng với nhau, rồi cũng xin về để lập công danh.

Tiên Sinh nói:

- Trong đời này thực hiếm có người thông minh. Lấy cái tư chất của hai người

nếu chịu kiên tâm học đạo thì có thể thành tiên, cứ sao còn muốn dẫn mình vào chốn trần ai, cam để cho danh lợi hão huyền bó buộc?

Tần, Nghi đồng thanh đáp rằng:

- Gỗ tốt không chịu mục nát ở dưới tảng đá, gươm sắc không thể giấu kín trong hòm, tháng trọn ngày qua, thì giờ khôn chuộc, anh em tôi nhờ ơn thầy dạy bảo, cũng muốn theo thời mà lập công danh hồng để tiếng lại đời sau.

Tiên sinh nói:

- Trong hai người, có người nào chịu ở lại làm bạn với ta không?

Tần, Nghi đều muốn đi, không ai chịu ở lại. Tiên sinh ép không được, phàn nàn ở đời ít có người biết tu tiên, rồi bói cho mỗi người một quẻ, đoán rằng: Tần trước lành sau dữ, Nghi trước dữ sau lành, Tần gấp gờ ngay, còn Nghi thì sự nghiệp muộn màng. Tiên sinh lại nói:

- Ta xem Tôn, Bàng hai người thế không dung nhau được, tất sẽ có việc làm hại nhau. Còn hai người mai sau tưởng cũng nên nhường nhịn nhau để thành danh dự và giữ toàn cái tình đồng học ngày nay.

Hai người cúi đầu xin chịu lời dạy. Tiên sinh lại đem hai cuốn sách chia tặng hai người. Tần, Nghi cùng nhìn xem thì đều là cuốn “Thái Công âm phù thiên”, bèn nói rằng:

- Sách này đệ tử đọc thuộc lòng đã lâu, ngày nay thầy lại ban cho, chẳng hay có dùng vào việc chi được không?

Tiên sinh nói:

- Các người dầu học thuộc rồi, nhưng chưa nhận hết được chỗ tinh vi. Chuyển đi này nếu chưa đắc ý thì nên đem sách này mà nghiền ngẫm lại, tất có bổ ích. Ta từ đây cũng đi tiêu dao ngoài biển, không còn ở lại nơi Quỷ Cốc này nữa.

Tần, Nghi từ biệt ra đi rồi thì vài hôm sau tiên sinh cũng bỏ Quỷ Cốc mà ngao du. Có người nói tiên sinh đã lên tiên rồi.

[1] Quỷ Cốc Tử (), một bậc thầy nổi danh có nhiều đệ tử giỏi mưu lược vào thời Chiến quốc. Trong đó nổi bật nhất là Tôn Tẫn, Bàng Quyên, Trương Nghi, Tô Tần...

[2] Điều khá lý thú và cũng có thể xem là kỳ lạ ở đây là, cũng trên sông Bạch Đằng, vào năm 938, nghĩa là trước đó 350 năm, dưới sự chỉ huy của Ngô Quyền, quân dân ta cũng đã từng đánh ta quân Nam Hán bằng một chiến thuật tương tự: chôn cọc gỗ bịt sắt dưới đáy sông!

[3] Âm là bí mật, sâu kín, ẩn tàng.

[4] Tiếng để gọi người vợ.

[5] Lưu Bị là chú của vua nên gọi là hoàng thúc.

[6] Vua nước Ngô.

[7] Đá màu vàng, chữ Hán là Hoàng Thạch, nên về sau Trương Lương vẫn gọi ông lão là Hoàng Thạch Công.

[8] Sạn đạo: con đường hiểm nghèo duy nhất dẫn vào đất Hán Trung, làm bằng nhiều cây gỗ bắc ngang qua những khe núi, nên khi bị đốt cháy thì không còn đi được nữa.

[9] Túc Quan Công, hay Quan Vũ, cũng gọi là Quan Vân Trường.